

# **BÀI TẬP & CÂU HỎI ÔN TẬP**

## **NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**

---

### **Chương (1): TỔNG QUAN VỀ NGHIỆP VỤ NHTM**

#### **CÂU HỎI ÔN TẬP**

1. Phân biệt sự khác nhau giữa NHTM, NHNN và các TCTD phi ngân hàng
2. Phân tích các chức năng của NHTM
3. Phân biệt các loại hình ngân hàng theo sở hữu, chiến lược kinh doanh và theo đối tượng
4. Phân biệt các nghiệp vụ tài sản nợ, tài sản có và ngoại bảng.
5. Tại sao môi trường pháp lý lại có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của ngân hàng
6. Tại sao mục tiêu đầu tiên của các NHTM là tối đa hoá giá trị của vốn chủ sở hữu
7. Thế nào là đồng bảo lãnh ? sử dụng trong trường hợp nào ?
8. Phân biệt các loại hình ngân hàng, NHTM, NHCS, NH hợp tác.

#### **BÀI TẬP THỰC HÀNH**

##### **Bài (1)**

Hãy đánh dấu vào những nội dung bạn cho là giao dịch tín dụng

- Ông A mua bảo hiểm tai nạn của công ty Bảo Minh
- Ngân hàng Y bảo lãnh cho công ty X
- Công ty A bán chịu sản phẩm cho công ty B
- Công ty A ứng trước tiền hàng cho công ty C
- Quan hệ giữa những người chơi hụi
- Khách hàng và chủ hiệu cầm đồ.
- Quan hệ mua bán hàng trả góp
- Quan hệ trong dịch vụ môi giới nhà đất
- Ông T mua cổ phiếu của ông J

**Hướng dẫn trả lời:**

### **Chương (2): NGHIỆP VỤ HUY ĐỘNG VỐN**

#### **CÂU HỎI ÔN TẬP**

1. Tại sao nói nghiệp vụ huy động tiền gửi là nghiệp vụ quan trọng nhất trong các nghiệp vụ huy động của ngân hàng?
2. Tại sao các NHTM thường trả lãi suất rất thấp đối với tiền gửi thanh toán?
3. Phân biệt sự khác nhau giữa tài khoản tiền gửi thanh toán, tiền gửi cá nhân, tiết kiệm không kỳ hạn. Tại sao một khách hàng vẫn sử dụng cả ba hình thức gửi tiền trên?
4. NHTM có nên chấp thuận cho khách hàng rút tiền gửi định kỳ trước hạn không? Tại sao?

5. Tại sao phải xác định khách hàng tiềm năng khi phát hành các loại GTCG. Theo bạn trong điều kiện hiện nay các NHTM có thể huy động được ở mức chi phí nào?
6. Tại sao một số trái phiếu chuyển đổi có lãi suất thấp hơn lãi suất tiền gửi và lãi suất cho vay có cùng thời hạn nhưng vẫn thu hút được nhà đầu tư. Phát hành như vậy công ty có lợi ích không?
7. Hãy nêu và phân tích các biện pháp thiết thực để thu hút tiền gửi của các NHTM trong điều kiện Việt Nam hiện nay.
8. Phân biệt giữa tài khoản vãng lai và tài khoản tiền gửi.
9. Hãy nêu các biện pháp đảm bảo thanh toán cho tiền gửi không kỳ hạn.
10. Các biện pháp để đảm bảo khả năng thanh toán của ngân hàng.
11. So sánh giữa séc và uỷ nhiệm chi.
12. Phân biệt tiền gửi kỳ hạn và không kỳ hạn, tiền gửi giao dịch và phi giao dịch, tài khoản vãng lai và tài khoản tiền gửi
13. Tiền gửi huy động có được xem là vốn kinh doanh của ngân hàng không tại sao?
14. Phân tích các tiện ích mà khách hàng gửi tiền nhận được từ ngân hàng
15. Trình bày các nguyên tắc quản lý tài khoản của khách hàng?
16. Trình bày các phương thức huy động vốn của NHTM ? Trong các phương thức đó loại nào được sử dụng phổ biến ở Việt Nam? Hướng dẫn trả lời: thích tại sao?
17. So sánh các loại tiền gửi:

## **BÀI TẬP THỰC HÀNH**

### **Bài (1).**

Số dư tài khoản tiền gửi của một khách hàng tại NHTM X trong tháng 4 như sau. Hãy tính lãi tiền gửi cuối kỳ nếu biết lãi suất tiền gửi không kỳ hạn là 0,6% tháng.

Ngày	Số dư	Ngày	Số dư
¼	160	22	120
7	140	24	40
9	185	27	170
14	210	29	200
18	150	1/5	50

**Hướng dẫn trả lời:**

### **Bài (2).**

Một khách hàng gửi tiết kiệm định kỳ 9 tháng tại NHTM X số tiền 500 triệu, với lãi suất 10%/năm. Tính lãi khi đáo hạn trong các trường hợp nhận lãi cuối kỳ, nhận lãi định kỳ hàng tháng, nhận lãi định kỳ hàng quý, nhận lãi định kỳ hàng ngày.

**Hướng dẫn trả lời:**

### **Bài (3).**

Số phát sinh của tài khoản tiền gửi vãng lai của một khách hàng trong tháng 9 như sau. Hãy tính lãi tiền gửi vãng lai cuối kỳ, biết lãi suất tiền gửi không kỳ hạn là 0,6% tháng. Giả sử khách hàng chuyển số dư đầu tháng 10 sang tiền gửi tiết kiệm định kỳ 12 tháng, hãy tính lãi theo ba cách nhận lãi đầu kỳ (biết lãi suất 1,2% tháng), lãi cuối kỳ (biết lãi suất 1,5% tháng) và lấy lãi định kỳ (biết lãi suất 1,4% tháng).

Ngày	Nợ	Có	Ngày	Nợ	Có
Số dư đầu kỳ		265	18/9	150	170
1/9		35	20/9	60	
5/9	250	150	24/9		120
7/9	100		27/9	200	
12/9		80	1/10		100

**Hướng dẫn trả lời:**

**Bài (4).**

Một khách hàng có số tài sản là 2,5 tỷ đồng muốn nhờ ngân hàng lựa chọn giúp hình thức tiết kiệm kỳ hạn 1 năm như thế nào cho có lợi nhất cho khách hàng. Nếu Biết tại thời điểm đó giá vàng 800 usd, giá usd 16.000 đ/usd, giá Euro 18.000/eur. Dự kiến tại thời điểm rút ra: giá vàng 900 usd, giá usd 17.000, giá Euro 20.000/eur. Lãi suất tiết kiệm lĩnh lãi hàng tháng bằng vàng 5% năm, bằng ngoại tệ 7% năm, bằng VND 15% năm.

**Hướng dẫn trả lời:**

**Bài (5)**

Ngân hàng đầu tư phát hành trái phiếu với mệnh giá 100 triệu, dự kiến sau 1 năm sẽ trả cho khách hàng là 107,2 triệu. Hãy chọn hình thức phát hành có hiệu quả nhất đối với ngân hàng

**Hướng dẫn trả lời:**

+ Xác định lãi suất ngân hàng thông báo, theo hai hình thức

- Lãi suất phát hành theo mệnh giá =  $(107,2 - 100)/100 = 7,2\%$
- Từ Lãi suất hiệu dụng phát hành theo hình thức chiết khấu =  $\frac{LS}{1 - LS} = 7,2\%$
- Suy ra lãi suất chiết khấu thông báo =  $\frac{0,072}{1,072} = 6,71\%$

+ Giá trái phiếu khi phát hành theo hình thức chiết khấu

$$= \text{Mệnh giá} \times (1 - \text{LS thông báo}) = 100 \times (1 - 0,0671) = 93,3 \text{ triệu}$$

Lãi suất hiệu dụng của trái phiếu phát hành theo hình thức mệnh giá (coupon)

$$\frac{LS}{1 + LS} = \frac{0,072}{1 + 0,072} = 7,758\%$$

Kết luận: Chọn hình thức phát hành theo mệnh giá vì có lãi suất hiệu dụng cao hơn

**Bài (6).**

TK tiền gửi thanh toán của công ty A có số dư các tháng của năm 2006 như sau :

Tháng 1 : 300.000.000	Tháng 7 : 440.000.000
Tháng 2 : 360.000.000	Tháng 8 : 500.000.000
Tháng 3 : 320.000.000	Tháng 9 : 420.000.000
Tháng 4 : 400.000.000	Tháng 10 : 360.000.000
Tháng 5 : 380.000.000	Tháng 11 : 450.000.000
Tháng 6 : 370.000.000	Tháng 12 : 500.000.000
Số dư bình quân năm 2006 = 400.000.000	

Ngân hàng và công ty A thỏa thuận hạn mức thấu chi 20% số dư bình quân năm 2006.

(Tức  $400.000.000 \times 20\% = 80.000.000$ ). Theo đó công ty A được quyền chi vượt số dư tài khoản tiền gửi của mình trong phạm vi 80.000.000 để giao dịch thanh toán mà không cần phải tiến hành các thủ tục nào.

**Hướng dẫn trả lời:**

**Bài (7).**

Số dư TK của công ty A ngày 19/4 là 300.000.000. Đồng thời trong ngày phát sinh nhu cầu thanh toán tiến hành trị giá 350.000.000, thì công ty A được quyền chi trả từ tài khoản 350.000.000. Lúc này tài khoản của công ty A sẽ có số dư bên nợ 50.000.000. Cuối tháng căn cứ vào số dư hàng ngày của tài khoản này, ngân hàng sẽ tính lãi tiền gửi (của những ngày TK có số dư có) và lãi cho vay (cho những ngày TK có số dư nợ) rồi bù trừ cho nhau, nếu lãi tiền gửi lớn hơn lãi tiền vay, ngân hàng phải trả lãi cho khách hàng bằng cách ghi có vào TK số chênh lệch, ngược lại nếu lãi tiền vay lớn hơn lãi tiền gửi thì khách hàng phải trả lãi cho ngân hàng. Ngân hàng thu lãi bằng cách ghi nợ tài khoản tiền gửi khách hàng số chênh lệch.

**Hướng dẫn trả lời:**

**Bài (8).**

Ngày 16/7 Công ty Ánh Sao mở tài khoản thanh toán không kỳ hạn với 5.000.000 tại ngân hàng A Long An, lãi suất 0,3%/tháng, nhập lãi cuối tháng. Công ty đã thực hiện các dịch vụ sau.

- 20/7: ủy nhiệm thu từ ngân hàng A Sài Gòn 2.000.000
- 4/8: ủy nhiệm chi chuyển khoản 1.500.000 tới ngân hàng B Long An
- 18/8: thu hộ séc do ngân hàng C Sài Gòn phát hành để nhận chuyển khoản 7.000.000 vào tài khoản
- 25/8: rút hết tiền mặt bằng séc và đóng tài khoản.

Yêu cầu: lập bảng kê tính lãi tài khoản tiền gửi của khách hàng?

Biết rằng: biểu phí ngân hàng (tài khoản và dịch vụ VND) như sau:

- Xin mở tài khoản: miễn phí
- Đóng tài khoản: 20.000
- Nhận tiền mặt vào tài khoản: 10.000/lần
- Nhận chuyển khoản vào tài khoản cùng ngân hàng: miễn phí
- + Từ ngân hàng cùng hệ thống, khác tỉnh: 5.000/lần
- + Từ ngân hàng ngoài hệ thống, cùng tỉnh: 5.000/lần
- + Từ ngân hàng ngoài hệ thống, khác tỉnh: 10.000/lần
- Nhờ thu (ủy nhiệm thu) cùng ngân hàng: 10.000/lần
- + Từ ngân hàng cùng hệ thống, khác tỉnh: 20.000/lần
- + Từ ngân hàng ngoài hệ thống, cùng tỉnh: 20.000/lần
- + Từ ngân hàng ngoài hệ thống, khác tỉnh: 50.000/lần
- Thu hộ séc so cùng hệ ngân hàng phát hành: miễn phí
- + Ngân hàng ngoài hệ thống, cùng tỉnh: 5.000
- + NH ngoài hệ thống, khác tỉnh: 15.000
- Rút tiền mặt từ TK bằng séc: 20.000
- Chuyển khoản đến ngân hàng cùng hệ thống: miễn phí

+ Ngoài hệ thống, cùng tính: 0,1%

+ Ngoài hệ thống, khác tính: 0,2%

### **Hướng dẫn trả lời:**

## **Chương (3) THANH TOÁN QUA NGÂN HÀNG**

### **CÂU HỎI ÔN TẬP**

1. Thế nào là thanh toán qua NH ( thanh toán ko dùng tiền mặt) trình bày ưu nhược điểm ? Tại sao thanh toán qua NH chưa thật sự phổ biến ở VN ?
2. Trình bày khái niệm , đặc điểm của các loại thẻ thanh toán? Các chủ thể liên quan tới thẻ thanh toán.
3. Phân tích quy trình of nghiệp vụ phát hành & thanh toán thẻ tín dụng of NHTM ?
4. So sánh thẻ ghi nợ và thẻ tín dụng. Ở Việt Nam loại nào được sử dụng phổ biến và trên thế giới loại nào được sử dụng phổ biến. Vì sao?
5. So sánh sự giống nhau và khác nhau giữa SEC và UNC?
6. Tại sao hoạt động thanh toán Sec ít được sử dụng phổ biến ở Việt Nam
7. Chứng minh Sec là một mệnh lệnh thanh toán vô điều kiện?
8. Các tiêu chí để một tờ Sec được thanh toán?

## **Chương (4) LÝ LUẬN VỀ NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG**

### **CÂU HỎI ÔN TẬP**

1. Trong phân tích tín dụng, thực chất ngân hàng muốn tìm ra những vấn đề gì ?
2. Các nội dung cần thực hiện ở khâu phân tích tín dụng ?
3. Đảm bảo tín dụng là gì ? điều kiện cần thiết để làm tài sản đảm bảo ?
4. Tại sao ngân hàng có thể cho vay không buộc phải căn cứ vào đảm bảo tín dụng.
5. Hãy nêu các yếu tố trong phân tích tín dụng, theo bạn ở góc độ ngân hàng cho vay yếu tố nào được xem là kém quan trọng nhất. Vì sao?
6. Hệ thống điểm số trong cho vay tiêu dùng nhằm mục đích gì ? nhược điểm của phương pháp này và cách khắc phục.
7. Có sự đồng nhất giữa doanh thu bán hàng trên BCKQKD và thu bán hàng trên BCLCTT cùng kỳ không ? khả năng trả nợ thực tế của doanh nghiệp phụ thuộc vào các yếu tố nào ? Minh hoạ?
8. Tranh luận về chất lượng tín dụng, khi hồ sơ rơi vào hạng 6 có nên dùng các giải pháp ngăn ngừa không ? ý kiến của anh chị ra sao ?
9. Xác định ngân lưu ròng của một Doanh nghiệp ?
10. Phân tích tín dụng là gì? Tại sao nói phân tích tín dụng có ý nghĩa ngăn ngừa và hạn chế rủi ro.
11. Thành phần quan trọng nhất trong bộ hồ sơ tín dụng là gì? Tại sao?
12. Điều kiện cơ bản nào để một tài sản được chấp nhận làm đảm bảo. Phân tích thực tế tại sao?
13. Phân biệt thanh lý các khoản tín dụng mặc nhiên và bắt buộc. Phương án thanh lý bắt buộc.
14. Nêu và giải thích các đặc trưng của khoản nợ có vấn đề. Vì sao các khoản nợ này phải chuyển cho các bộ phận chuyên môn mà không để cho bộ phận tín dụng xử lý.

15. Nêu và phân biệt các tình huống khi áp dụng các biện pháp xử lý nợ có vấn đề.
16. Phân tích sự khác và giống nhau giữa hoạt động cấp tín dụng và cho vay của ngân hàng  
+ Gợi ý: Giống, đều là giao dịch tín dụng. Khác tín dụng bao gồm nhiều nghiệp vụ.
17. Quy trình tín dụng là gì? Có ý nghĩa như thế nào trong hoạt động tín dụng ngân hàng.
18. Tại sao ngoài xem xét hồ sơ ngân hàng phải phỏng vấn khách hàng. Những nội dung nào cần chú ý khi thực hiện phỏng vấn?  
+ Gợi ý: Thu thập và bổ sung và kiểm tra lại tính chân thật của thông tin. Chú trọng đến những thông tin, tài liệu chưa rõ ràng, có dấu hiệu nghi ngờ, cung cấp còn thiếu.
19. Phân tích sự giống và khác nhau giữa thế chấp và cầm cố tài sản. Việc quá chú trọng đến tài sản thế chấp và cầm cố có tốt cho hoạt động tín dụng không?
20. Thẩm định tín dụng là gì? Tại sao nhiều hồ sơ đã thẩm định nhưng vẫn bị rủi ro? Phương cách nào để ngân hàng ngăn chặn hết rủi ro?
21. Mục tiêu chính mà phân tích tín dụng mà NH muốn hướng đến là gì ? Tại sao ? Theo anh chị các nội dung nào ở khâu phân tích tín dụng được xem là quan trọng ? Trong tình hình hiện nay làm thế nào để nâng cao chất lượng tín dụng mà không làm giảm doanh số cho vay ?
22. Đảm bảo tín dụng là gì? Phân tích vai trò của đảm bảo tín dụng? trình bày ngắn gọn các phương thức đảm bảo tín dụng hiện nay?
23. Phân biệt doanh số cho vay, doanh số thu nợ và dư nợ cho vay
24. Kỳ hạn nợ và Thời hạn vay khác nhau như thế nào? Khoảng thời gian xác định kỳ hạn nợ và Thời hạn vay có như nhau không?
25. Diễn giải chi tiết của tiêu chuẩn CAMPARI
26. Nêu hiểu biết của mình về Tín dụng ngân hàng. Những yêu cầu đặt ra cho người làm nghề tín dụng. Đưa ra những cơ sở chứng minh mình có đủ điều kiện làm cán bộ tín dụng.
27. Khi thẩm định cho vay, để đánh giá về tư cách đạo đức & năng lực quản lý điều hành của người chủ doanh nghiệp cần xem xét những vấn đề gì? Tại sao?
28. Thẩm định năng lực tài chính của doanh nghiệp dựa trên những báo cáo tài chính cơ bản nào? Nêu nội dung của những báo cáo đó. (20đ)
29. Trình bày các khái niệm về cầm cố, thế chấp, bảo lãnh theo Bộ Luật dân sự nước CHXHCNVN.
30. Định nghĩa thời hạn cho vay? Nếu căn cứ xác định thời hạn cho vay, mức trả nợ từng kỳ hạn đối với cho vay theo dự án đầu tư?
31. Nếu bạn là cán bộ tín dụng, khi nhận tài sản làm đảm bảo tiền vay, những loại tài sản nào sẽ không nhận làm đảm bảo?
32. Khi thẩm định một khách hàng cá nhân thì điều kiện nào là quan trọng nhất.

## **BÀI TẬP THỰC HÀNH**

### **Bài (1)**

Công ty xe buýt TP.HCM có nhu cầu vay tiền mua thêm xe mới để tăng chuyến cho khu vực vành đai, đã đề nghị ngân hàng cho sử dụng một trong các tài sản dưới đây là đảm bảo nợ.

- Những chiếc xe buýt mà công ty định mua
- Những chiếc xe buýt mà công ty còn đang sử dụng (còn mới)

Bạn chọn cách nào, giải thích điều kiện cần thiết là gì ?

**Hướng dẫn trả lời:**

**Bài (2)**

Một doanh nghiệp có nhu cầu vay thực hiện phương án kinh doanh và gửi đến ngân hàng các giấy tờ sau: phương án kinh doanh, hợp đồng với bên mua, báo cáo tài chính 3 quý liên tiếp, hồ sơ pháp lý. Hỏi, khách hàng đã cung cấp đủ giấy tờ chưa, còn thiếu loại nào?

**Hướng dẫn trả lời:**

Chưa, còn thiếu giấy đề nghị vay vốn, giấy tờ liên quan đến bảo đảm tín dụng

**Bài (3)**

Hồ sơ tín dụng của khách hàng sau khi xếp hạng, trong những trường hợp nào, giám đốc ngân hàng sẽ ký chuyển sang bộ phận truy hồi tài sản và ý nghĩa của hành vi này là vấn đề gây tranh cãi nhiều và chưa thống nhất được. Là người tổ chức hội thảo, bạn hãy cho biết ý kiến kết luận về vấn đề này.

**Hướng dẫn trả lời:**

Hồ sơ tín dụng sau khi xếp hạng sẽ được chuyển sang bộ phận truy hồi trong ba trường hợp

- Hồ sơ xếp hạng VI
- Hồ sơ xếp hạng VI đã có biện pháp ngăn ngừa nhưng không thành công
- Khách hàng đang ở loại IV, V nhưng bất hợp tác hoàn toàn khi ngân hàng muốn thực hiện các biện pháp ngăn ngừa
- Ý nghĩa việc giám đốc ngân hàng chuyển sang bộ phận truy hồi là: việc thu hồi nợ tiến hành càng nhanh càng tốt, mối quan hệ giữa khách hàng và ngân hàng không còn tồn tại nữa, ngân hàng chấp nhận mất khách.

**Bài (4)**

CBTD cần làm gì trong giai đoạn phân tích tín dụng?

- Kiểm tra lại tính chính xác đầy đủ của bộ hồ sơ đề nghị cấp tín dụng
- Thẩm định lại từng vấn đề theo các tiêu chuẩn điều kiện được cấp tín dụng
- Dự báo các rủi ro, định giá tín dụng,...
- Làm tờ trình, lập biên bản thẩm định, báo cáo,...

**Hướng dẫn trả lời:**

**Bài (5).**

Chu kỳ hoạt động bình quân của doanh nghiệp A là 50 ngày. Thông thường thời gian doanh nghiệp bán chịu là 20 ngày. Hãy vẽ sơ đồ và xác định chu kỳ ngân quỹ của doanh nghiệp trong 2 trường hợp sau:

- 1- Thời gian mua chịu trung bình là 15 ngày.
- 2- Giả sử mua hàng doanh nghiệp phải ký quỹ mở thư tín dụng, với thời gian là 30 ngày (cho đến khi nhận được hàng).

**Hướng dẫn trả lời:**

Chu kỳ ngân quỹ là thời gian từ khi trả tiền mua cho tới khi thu tiền bán hàng.

Chu kỳ ngân quỹ = Chu kỳ hoạt động - Thời gian mua chịu.

TH1: chu kỳ ngân quỹ = 50 - 15 = 35 ngày

TH2: chu kỳ ngân quỹ = 50 ngày (Vì phải ký quỹ luôn từ đầu rồi)

**Bài (6).**

Doanh nghiệp A cần một số vốn ngắn hạn trong vòng 6 tháng để thực hiện một hợp đồng mua hàng. Toàn bộ nhu cầu cần thiết của hợp đồng (bao gồm tiền mua hàng, thuế nhập khẩu, vận chuyển...) là 1.500 triệu, trong đó tiền mua hàng chiếm khoảng 80%. Phần vốn tự tài trợ của doanh nghiệp là 35% tổng nhu cầu vốn (vượt mức quy định tối thiểu của ngân hàng là 5%).

1- Xác định mức cho vay của ngân hàng (biết rằng mọi điều kiện khác đều hợp lệ).

2- Hãy cho biết mức vốn tự tài trợ tối thiểu ngân hàng quy định đối với doanh nghiệp là bao nhiêu và ý nghĩa của việc quy định này đối với khách hàng.

Biết rằng trong chi phí tiền mua hàng, doanh nghiệp có thể trả chậm cho bên bán hàng là 30% cho đến khi tiêu thụ hàng hóa xong mới thanh toán. Ngoài ra, việc trả nợ của doanh nghiệp được ngân hàng xác định dựa vào chu kỳ ngân quỹ.

#### **Hướng dẫn trả lời:**

- Từ : Hạn mức tín dụng = Nhu cầu vốn lưu động – vốn tự có

- Nhu cầu vốn lưu động =  $1.500 \times 80\% = 1.200$  triệu

- Vốn tự có =  $1.200 \times 35\% = 420$  triệu

- Hạn mức tín dụng =  $1.200 - 420 = 780$  triệu

⇒ Mức tối thiểu ngân hàng quy định =  $420 \times 100/105 = 400$  triệu

+ Tổng nhu cầu vốn lưu động =  $1.500 (80\% \times 30\%) = 1.140$  (vì 30% tiền hàng được trả chậm)

⇒ Hạn mức tín dụng = Tổng nhu cầu vốn lưu động - Vốn tự có =  $1.140 - 35\% \times 1.140 = 741$

Mức vốn tự tài trợ tối thiểu ngân hàng quy định đối với doanh nghiệp là 30%. Vì doanh nghiệp thường lấy luôn lô hàng làm tài sản đảm bảo và mức cho vay tối đa trên tài sản đảm bảo thường khoảng 70%, yêu cầu doanh nghiệp tự tài trợ 30% nhằm nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp cũng như đảm bảo khả năng thu hồi nợ vay của ngân hàng.

#### **Bài (7).**

Một ngân hàng cho khách hàng vay, khi đến hạn khách hàng không đủ tiền trả nợ, khách hàng mượn nợ nóng ở ngoài để trả nợ ngân hàng nhằm đảo hạn hợp đồng, rồi sau đó xin giải ngân lại. Nếu ngân hàng cho giải ngân thì đây có phải là một hình thức đảo nợ không ?

#### **Hướng dẫn trả lời:**

#### **Bài (8).**

NH B có hợp đồng tín dụng: cho vay 880 triệu, thời hạn 12 tháng, trả gốc cuối kỳ, trả lãi 2 lần trong kỳ, lãi suất 10%/năm. Cuối kỳ, khách hàng mang trả 450 triệu. Sau 12 tháng tiếp theo biết không thể thu hồi được khoản nợ, ngân hàng tiến hành bán tài sản đảm bảo và thu được 400 triệu sau khi trừ chi phí bán. Hãy tính gốc và lãi ngân hàng thu được sau khi thanh lý tài sản. Tính lãi suất thực hợp đồng trong thời hạn vay ban đầu (12 tháng), biết khách hàng trả đủ lãi lần đầu trong kỳ

#### **Hướng dẫn trả lời:**

- Số tiền khách hàng phải trả cuối kỳ:

Gốc: 880 triệu, Lãi:  $880 \times 10\% / 2 = 44$  triệu (44 triệu 6 tháng đầu đã trả đủ)

- Cuối kỳ khách hàng mang 450 triệu đến, ngân hàng đồng ý gia hạn nên ngân hàng đã đánh giá đây không phải 1 món nợ xấu, không có khả năng trả nợ nên NH áp dụng thu lãi trước thu gốc sau

- Cuối kỳ: ngân hàng thu lãi: 44 triệu, gốc:  $450 - 44 = 406$  triệu

- Dư nợ:  $880 - 4406 = 474$  triệu



+ Sau 12 tháng tiếp theo, số tiền khách hàng phải trả:

- Gốc: 474 triệu

- Lãi:  $474 \times 150\% \times 10\% = 71,1$  triệu

Nếu chuyển sang nợ quá hạn thì ngân hàng áp dụng lãi suất bằng 150% lãi suất ban đầu, Sau khi thanh lý ngân hàng được 400 triệu. Vậy khách hàng đang thiếu của NH:

$$474 + 71,1 - 400 = 145,1 \text{ triệu}$$

Tính lãi suất thực

### Bài (9).

Ngày 20/5/2011 vay 300 triệu

Ngày 30/5 vay thêm 100 triệu

Ngày 10/8 vay thêm 100 triệu

Ngày 16/8 trả 100 triệu (gốc+lãi)

Ngày 16/9 trả 100 triệu (gốc+lãi)

Ngày 27/10 trả 100 triệu (gốc+lãi)

Ngày 14/11 trả 170 triệu (gốc+lãi)

Yêu cầu: Tính số tiền phải trả (cả gốc và lãi) tính đến ngày 6/3/2012. Biết lãi suất: 21.6%/năm

### Hướng dẫn trả lời:

Kỳ	Số ngày	Trả gốc	Dư nợ	Lãi phát sinh	Trả lãi thực tế	Gốc + lãi trả trong kỳ
20/5/2011			300.000			
30/5/2011	10		400.000	1.800		
10/8/2011	72		500.000	17.280		
16/8/2011	6	79.120	420.880	1.800	20.880	100.000
16/9/2011	31	92.171	328.708	7828	7828	100.000
27/10/2011	41	91.914	236.794	8086	8086	100.000
14/11/2011	18	167.443	69.352	2557	2557	170.000
06/03/2012	113	69.352		4.702	4.702	74.054
Tổng	291	500.000		44.054	44.054	544.054

- Cột "Kỳ, số ngày, dư nợ" thì dễ hiểu rồi

- Cột "Lãi phát sinh" tính bằng: dư nợ thực tế x số ngày thực tế x lãi suất (tính trên 360 ngày). Ví dụ:  $300.000 \times 10 \times 21.6\% / 360 = 1.800.000$

- Cột "Trả lãi thực tế": trường hợp thông thường Ngân hàng luôn thu lãi trước khi thu gốc. Tại thời điểm 16/08/2011 tổng số tiền lãi phải trả là 20,880,000 nên Gốc phải trả tính là:  $100,000,000 - 20,880,000 = 79,120,000$ . Tương tự như các trường hợp ở dưới.

- Dư nợ từng kỳ = Dư nợ kỳ trước - Trả gốc kỳ này.

Như vậy Thời điểm 06/03/2012: Gốc phải trả là 69,351,975 + Lãi là 4,702,064. Tổng là 74,054,039

### Bài (10).

Từ tháng 1/1 đến 31/3 năm X, ngân hàng cho vay tổng cộng là 100 triệu. doanh số cho vay quý I là 100 triệu. Tuy nhiên, nếu từ 31/12/X-1, dư nợ của ngân hàng là 10 triệu. Trong khoảng thời gian này,

ngân hàng thu hồi được 50 triệu. Dư nợ của ngân hàng tính tại thời điểm ngày 31/3 là:  $10 + 100 - 50 = 60$  triệu. Tính vòng quay vốn tín dụng và hệ số thu nợ.

**Hướng dẫn trả lời:**

Công thức chính xác là:

Vòng quay vốn TD = Doanh số Dư nợ/ Dư nợ bình quân, phản ánh tốc độ di chuyển của vốn Tín dụng (bao nhiêu vòng trong năm TC) hay hiểu nôm na là khoảng cách thời gian giữa cho vay - thu nợ.

- Hệ số thu nợ phản ánh hiệu quả trong công tác thu nợ, thường dùng để đánh giá chất lượng nợ và bổ sung cho chỉ tiêu vòng quay vốn tín dụng để đánh giá hiệu quả hoạt động tín dụng.

**Bài (11).**

DN ABC thành lập trong năm 2008 và có những nghiệp vụ phát sinh như sau:

- Cổ đông góp vốn bằng tiền: 100 triệu
- Mua sắm Tài sản cố định trị giá 60 triệu, trả ngay 40 triệu, còn nợ 20 triệu
- Vay dài hạn 50 triệu
- Nhập hàng 200 triệu, trả ngay 40 triệu, còn nợ 160 triệu
- Doanh thu bán hàng 210 triệu, khách hàng trả ngay 150 triệu, còn nợ 60 triệu
- Giá vốn hàng bán 165 triệu
- Khấu hao 6 triệu, chi phí trả lãi vay dài hạn: 5 triệu
- Chi lương và chi phí quản lý khác: 14 triệu
- Thuế TN phải trả: 5 triệu
- Chi cổ tức: 10 triệu

Lập bảng tổng kết tài sản của doanh nghiệp ABC vào ngày 31/12/2008

**Hướng dẫn trả lời:**

**Bài (12).**

Tài sản	Số dư	Lãi suất	Nguồn vốn	Số dư	Lãi suất
Nguồn quỹ	180	1%	Nguồn trả lãi	1200	8%
Tín dụng	1.000	12%	Nguồn khác	1200	
Tài sản khác					

Biết thu khác - chi khác = -5, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 28%, nợ xấu dùng thu lãi chiếm 6%, dư nợ dự phòng phải trích trong kỳ là 2.

Hãy tính ROA ?

**Hướng dẫn trả lời:**

**Bài (14).**

Có một khách hàng cần vay 200 triệu để mua ô tô, sau khi thẩm định nhận thấy rằng khách hàng có tình hình tài chính tốt, là người có địa vị xã hội. Tuy nhiên, trong quá trình giải ngân, một người đáng tin cậy đã cho biết người này rất hay đánh cờ bạc và đã bán 1 ít tài sản. Vậy thì lúc này cán bộ tín dụng phải làm sao?

**Hướng dẫn trả lời:**

**Bài (15).**

Khi tính toán số tiền cho doanh nghiệp vay, CBTD xác định được tổng nhu cầu vay vốn lưu động hợp lý kỳ này của doanh nghiệp là 2 tỷ (DN chỉ vay 1 ngân hàng) tuy nhiên tài sản có thể thế chấp của doanh nghiệp chỉ có giá trị 1,8 tỷ. Là CBTD nên giải quyết như thế nào? (đưa ra 1 vài phương án)

### **Hướng dẫn trả lời:**

#### **Bài (16).**

Doanh nghiệp A được chi nhánh NHNo phê duyệt hạn mức tín dụng 1 tỷ đồng, thời hạn của hạn mức là 12 tháng kể từ ngày 20/9/2010 đến 20/9/2011. Ngày 15/8/2011, doanh nghiệp A có một khoản vay, căn cứ chu kỳ luân chuyển vật tư hàng hoá, cán bộ tín dụng thẩm định và thoả thuận kỳ hạn nợ cuối cùng vào ngày 25/12/2011. Theo Bạn việc định kỳ hạn nợ đó đúng hay sai? Tại sao?

### **Hướng dẫn trả lời:**

Đúng, vì nếu như doanh nghiệp A có văn bản giải trình và được chi nhánh A chấp thuận (giải thích như vậy có phù hợp với luật không)

#### **Bài (17).**

Một Khách hàng vay ngân hàng A một khoản tiền: 200 trđồng với thời hạn 6 tháng, lãi suất 1%/tháng. Biết

+ Kế hoạch vay vốn trả nợ gốc như sau:

- Ngày 5/3 rút vốn 80 trđ
- Ngày 10/4 rút vốn 90 trđ
- Ngày 3/5 rút vốn 30 trđ
- Ngày 15/7 trả nợ 50 trđ
- Ngày 10/8 trả 70 trđ

+ Số còn lại trả khi hết hạn

Yêu cầu: Tính số lãi khách hàng trên phải trả vào các thời điểm trả nợ

- Theo dư nợ thực tế và
- Theo số tiền trả gốc.

### **Hướng dẫn trả lời:**

+ Tính số ngày dư nợ thực tế do rút tiền vay đến ngày 15/07

5/03 - 15/07 : 4 tháng 10 ngày : 131 ngày

10/4 - 15/07 : 3 tháng 5 ngày : 95 ngày

3/5 - 15/07 : 2 tháng 12 ngày : 72 ngày

+ Tính số ngày dư nợ thực tế do trả nợ từ ngày 15/07

Dư nợ đến ngày 15/07 là 150 tr

15/07 - 10 /08 : 25 ngày

Dư nợ đến 10/8 : 80 tr

10/08 - 05/09 ( ngày đáo hạn HD) : 25 ngày

+ Lãi tính theo số dư thực tế:

$80 \times 1\% \times 131/30 + 90 \times 1\% \times 95/30 + 30 \times 1\% \times 72/30 + 150 \times 1\% \times 25/30 + 80 \times 1\% \times 25/30$

+ Lãi tính theo dư nợ Bình quân:

Tổng[(Di x Ni) x i]/N : ( 80 x 131 + 90 x 95 + 30 x 72 + 150 x 25 + 80 x 25)x 1%]/(131 + 95 + 72 + 25 + 25)

### **Bài (18).**

Một doanh nghiệp xin vay 100 triệu, với thời hạn 3 tháng (từ 18/3/15 đến 18/6/15). Ngân hàng cấp tiền vay cho doanh nghiệp gọn một lần vào 18/3/15. Biết

Lịch trả nợ gốc và nợ lãi chung như sau:

- Ngày 3/5/15 trả số tiền: 42 triệu.
- Ngày 18/6/15 trả số tiền: 58 triệu.

Yêu cầu:

1. Tính số lãi mà Khách hàng vay phải trả.
2. Nếu số tiền 42 triệu trả vào ngày 3/5/15 bao gồm cả gốc và lãi tiền vay, thì số tiền Khách hàng vay phải trả vào ngày 18/6/15 là bao nhiêu?

### **Hướng dẫn trả lời:**

+ Tính tổng nợ lãi phải trả

Dư nợ 18/03 - 03/05 : 46 ngày là 100 triệu

Dư nợ 03/05 - 18/06 : 46 ngày là 58 triệu

Có thể tính theo 2 cách :

$$100 \times 1\% \times 46/30 + 58 \times 1\% \times 46/30 = 2.423 \text{ tr}$$

$$\text{hoặc : } 42 \times 1\% \times 46/30 + 58 \times 1\% \times 92/30 = 2.423 \text{ tr}$$

+ Tính số nợ lãi và nợ gốc phải trả còn phải trả vào cuối kỳ

03/05 trả 42 tr cho cả gốc và lãi.

$$\text{Lãi phải trả : } 100 \times 1\% \times 46/30 = 1,53 \text{ triệu}$$

$$\Rightarrow \text{Dư nợ gốc là : } 100 - ( 42 - 1.53 ) = 59.53$$

$$\text{Cuối kỳ còn phải trả : } 59.53 \times ( 1 + 1\% \times 46/30 ) = 60,446 \text{ triệu}$$

### **Bài (19).**

Công ty Việt hà chuyên mua vải về gia công thành hàng may sẵn, theo hợp đồng cung ứng cho bên bán 30% giá trị hợp đồng, 15 ngày sau nhận vải và thanh toán toàn bộ công ty sản xuất thành lô hàng bán trong vòng 45 ngày theo hợp đồng đã ký bên mua thanh toán cho công ty 50% hàng bán ngay còn 50% trả chậm 30 ngày. Phân tích các giai đoạn trong chu kỳ ngân quỹ, từ đó xác định thời hạn cho vay tối đa. Gia thuyết trong gia đoạn đầu công ty trả chậm tiền mua vải trong 20 ngày kể từ bắt đầu sản xuất thì chu kỳ ngân quỹ và thời gian vay thay đổi không cho biết số cụ thể. Hãy dự kiến rủi ro cho công ty chậm không trả gốc cam kết và lãi như hợp đồng và đưa ra những biện pháp ngăn chặn rủi ro

### **Hướng dẫn trả lời:**

Chu kỳ kinh doanh = 45 + 30 = 75 ngày

Chu kỳ ngân quỹ = 15 + 75 = 90 ngày

Thời gian ngân hàng cho vay tối đa là 90 ngày

Trường hợp trả chậm tiền mua hàng 20 ngày

Chu kỳ ngân quỹ: 75 - 20 = 55 ngày

Thời hạn cho vay tối đa 55 ngày

## Chương (5): NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG NGẮN HẠN TÀI TRỢ SXKD

### CÂU HỎI ÔN TẬP

1. TSLĐ thường xuyên là gì ? Tại sao nguồn vốn tài trợ cho TSLĐ thường xuyên phải là nguồn vốn có tính trung và dài hạn?
2. Hãy trình bày một số nguồn vốn có tính chất trung và dài hạn thường sử dụng trong HĐSXKD.
3. Tín dụng thấu chi là gì ? trình bày đặc điểm, điều kiện cấp tín dụng.
4. Hãy so sánh thấu chi theo HMTD và thấu chi giải ngân quỹ. Tại sao tín dụng hạn mức chỉ được cấp cho các Doanh nghiệp có uy tín đối với ngân hàng.
5. HMTD là gì? HMTD được sử dụng khi nào? Phân biệt HMTD với mức cho vay.
6. Phương pháp xác định thời hạn cho vay và định kỳ hạn nợ trong cho vay từng lần? Minh họa.
7. Cho biết các điều kiện sử dụng tài khoản vãng lai
8. Phân tích so sánh hoạt động cho vay thông thường và cho vay theo hạn mức tín dụng. Tại sao ở Việt Nam cho vay theo hạn mức chưa thật sự thông dụng như ở các nước phát triển.
9. Vốn lưu động của một Doanh nghiệp bao gồm những thành phần nào? Cách xác định nhu cầu vay vốn lưu động?

### BÀI TẬP THỰC HÀNH

#### Bài (1).

Một khách hàng được cấp một mức thấu chi là 6.000 USD, với lãi suất dư nợ = 1% tháng, lãi suất dư có 0,45% tháng, Hoa hồng bội chi tính trên dư nợ bình quân 0,45%, Hoa hồng quản lý tài khoản tính trên tổng số dư có 0,15%. Tính lãi và số dư cuối kỳ, biết tình hình biến động của tài khoản vãng lai của khách hàng trong quý 1 năm 2008 (biết tháng 2 có 29 ngày, tháng 1, 3 có 31 ngày) như sau:

1/1/08	Dư nợ đầu kỳ	1500
12/1/08	Thanh toán liên hàng	4520
20/1/08	Nộp tiền mặt	10000
4/2/08	Trả thương phiếu	9500
18/2/08	Nộp tiền mặt	8000
8/3/08	Nhờ thu thương phiếu	2500
18/3/08	Séc rút tiền mặt	10800
20/3/08	Nộp thuế	6700
28/3/08	Nộp tiền mặt	13000

#### Hướng dẫn trả lời:

#### Bài (2).

Công ty X gửi hồ sơ xin vay 55 tỷ đồng vốn lưu động với thời hạn 5 tháng, để thực hiện phương án thu mua chế biến hạt điều. Sau khi thẩm định ngân hàng xác định các số liệu như sau.

- Dự kiến Hạt điều thô mua từ nông trại Y là 11.000 tấn, giá thu mua 6,5 Tr đgg/tấn.
- Chi phí vận chuyển 70.000 đ/tấn.
- Chi phí chế biến bảo quản đóng gói, bán hàng 500.000 đ/tấn.
- Vốn chủ sở hữu tham gia và phương án theo yêu cầu của ngân hàng là 30%.

- Thời gian thu hồi vốn của phương án là 4 tháng.
- Giá trị Tài sản thế chấp là 75 tỷ đg, ngân hàng cho vay tối đa 70%.
- Các thủ tục liên quan đến phương án kinh doanh và Doanh nghiệp đều ổn thỏa.

Sau khi xem xét thông tin, Ngân hàng xác định HMTD và thời hạn cho vay như sau:

- Nhu cầu vay vốn của phương án:  
 $= (6.500.00 + 70.000 + 500.000) \times 11.000 \times 70\% = 54,439$  tỷ đg.
- Mức cho vay tối đa so với TSĐB:  $75 \text{ tỷ} \times 70\% = 52,5$  tỷ đg.
- Ngân hàng dự kiến thu hồi vốn chỉ trong vòng bốn tháng, nên không cho vay 5 tháng?

Yêu cầu: nêu lý lẽ khả dĩ để thuyết phục chấp nhận yêu cầu của khách hàng.

### Hướng dẫn trả lời:

#### Bài (3).

Một doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng HMTD, đã gửi ngân hàng một phương án tài chính như sau:

Nhu cầu tài sản	Số tiền	Nguồn vốn	Số tiền
Tiền	200	Phải trả người bán	750
Khoản phải thu	700	Phải trả khác	450
Tồn kho	1.200	VLĐ ròng	390
TSLĐ khác	400	Vay ngân hàng	910
<b>cộng</b>	<b>2.500</b>	<b>Cộng</b>	<b>2.500</b>

Biết chính sách tín dụng của ngân hàng quy định: vốn lưu động ròng tối thiểu bằng 20% TSLĐ. Tài khoản vãng lai của doanh nghiệp dư có cuối kỳ 200. giả sử doanh nghiệp có đủ điều kiện, hãy xác định HMTD.

### Hướng dẫn trả lời:

- $HMTD = TSLĐ - \text{Nợ phi ngân hàng} - VLĐ \text{ ròng}$
- $\text{Nợ phi ngân hàng} = 750 + 450 = 1.200$
- $\text{Tỷ lệ vốn CSH tham gia} = 2.500 \times 20\% = 500$
- $HMTD \text{ ròng} = 2.500 - 1.200 - 500 = 800$

#### Bài (4).

Ngày 25/3/2008 công ty X có nhu cầu vay vốn đã gửi đề nghị đến ngân hàng giấy đề nghị vay vốn, giấy phép đăng ký kinh doanh, báo cáo tài chính và phương án kinh doanh

- Hãy cho biết hồ sơ đề nghị vay vốn đủ chưa? Các giấy tờ trên giúp ngân hàng tìm hiểu được những tiêu chuẩn gì về khách hàng vay vốn

- Quá trình thẩm định các báo cáo tài chính cho thấy tỷ suất lợi nhuận ròng  $> 0$ , hệ số thanh toán hiện thời  $> 1$ , bạn kết luận như thế nào về khả năng trả nợ của khách hàng?

- Phương án kinh doanh, công ty dự kiến sản xuất 1.000 sp thời gian 2 tháng, chi phí vật tư 800, nhân công 200, chi phí sản xuất chung 300. vốn tự có tự trang trải bằng 30% và tận dụng các khoản phải trả lưu động là 20%, còn lại đề nghị vay với đảm bảo nợ bằng nhà xưởng. Kế hoạch tiêu thụ sản phẩm, tháng 6: 200sp, tháng 7 : 300sp, tháng 8: 500 sp, giá bán 1,5 trđ theo phương thức thanh toán đầu (nhận hàng vào tháng sau, thanh toán tiền tháng trước). Giả sử công ty có đủ điều kiện vay vốn, ngân hàng chấp thuận cho vay vào ngày 1/4/2008. hỏi

- Mức cho vay của ngân hàng?

- Chu kỳ ngân quỹ của phương án vay vốn?
- Dự kiến kế hoạch thu nợ, nếu hai bên thỏa thuận: lãi suất cho vay 1% tháng, mức thu nợ gốc căn cứ vào tỷ lệ vốn ngân hàng tham gia, lãi vay theo dư nợ thực tế.
- Khách hàng đề nghị vay 5 tháng và chuyển tiền vay về tài khoản tiền gửi thanh toán, được không?
- Ngân hàng quy định tỷ lệ cho vay tối đa đối với bất động sản là 60%, cho biết các điều kiện cần thiết để nhà xưởng trên được chấp nhận là tài sản làm đảm bảo nợ.

**Hướng dẫn trả lời:**

**Bài (5).**

Tóm tắt LCTT quý 1 của doanh nghiệp A như sau:

Khoản mục	Tháng 12	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3
Thu		1.000	1.300	2.100
Chi		1.200	1.800	1.500
Dư tiền mặt cuối kỳ	50	100	120	140

Hãy dự kiến mức vay trả trong quý (từng tháng và cả lũy kế). Biết dư nợ cuối năm trước chuyển qua là 130.

**Hướng dẫn trả lời:**

Mức cho vay trong kỳ = Dư tiền mặt đầu kỳ + thu trong kỳ – Chi trong kỳ – Dư cuối kỳ.

- Tháng 1 vay 250 số lũy kế  $250 + 130 = 380$
- Tháng 2 vay 520 số lũy kế  $380 + 520 = 900$
- Tháng 3 trả 680 số lũy kế  $680 - 900 = - 220$

**Bài (6).**

Doanh nghiệp X đưa ra phương án về bảng cân đối kế toán như sau:

Khoản mục	Đầu kỳ	Cuối kỳ
TSLĐ	300	400
Tài sản cố định	400	600
<b>Tổng tài sản</b>	<b>700</b>	<b>1.000</b>
Nợ ngắn hạn	300	?
Phải trả người bán	50	100
Vay ngắn hạn	250	?
Nợ dài hạn khác	50	150
Phát hành chứng khoán	50	50
Vay ngân hàng	-----	100
Vốn chủ sở hữu	350	350
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>700</b>	<b>1.000</b>

Hãy xác định nhu cầu vay ngắn hạn trong kỳ, điền kết quả vào các ô có dấu ? cho nhận xét về hợp lý của nhu cầu vay

**Hướng dẫn trả lời:**

- Tổng TSLĐ trong kỳ : 100
- Tổng TSCĐ trong kỳ: 200
- Tăng tài sản trong kỳ : 300

- Nguồn đáp ứng
- Tăng phải trả : 50
- Tăng dài hạn : 100

Trong đó:

- Vay ngắn hạn trong kỳ tăng 150
- Nợ vay ngắn hạn cuối kỳ:  $250 + 150 = 400$

Kết luận: Nhu cầu vay 150 là không hợp lý vì sử dụng để tăng tài sản cố định.

### Bài (7).

Một khách hàng xin vay có nộp cho ngân hàng kế hoạch tài chính sau:

Tài sản	Số tiền	Nguồn vốn	Số tiền
I. TSLĐ	4.550	I. Nợ phải trả	5.950
1. Tiền mặt	400	1. Nợ ngắn hạn	4.650
2. Tiền gửi ngân hàng	200	- Phải trả người bán	1.010
3. Chứng khoán ngắn hạn		- Phải trả công nhân viên	850
4. Khoản phải thu	850	- Phải trả khác	250
5. Hàng tồn kho	2.600	- Vay ngắn hạn ngân hàng	2.540
6. TSLĐ khác	500	2. Nợ dài hạn	1.300
II. TSCĐ và đầu tư dài hạn	3.700	II. Vốn chủ sở hữu	2.300
1. Tài sản cố định	3.100	1. Vốn điều lệ	1.800
2. Đầu tư tài chính dài hạn	600	2. Lợi nhuận chưa chia	500
Tổng cộng tài sản	8.250	Tổng cộng nguồn vốn	8.250

giả định vốn chủ sở hữu của khách hàng tham gia 30% tính trên tổng tài sản lưu động và khách hàng có một nguồn vốn dài hạn có thể tài trợ cho tài sản lưu động là 300 triệu. Tính hạn mức mà ngân hàng cấp cho khách hàng

### Hướng dẫn trả lời:

Tính hạn mức mà ngân hàng cấp cho khách hàng như sau:

1. Giá trị tài sản lưu động	4.550
2. Giá trị tài sản lưu động do nguồn dài hạn tài trợ	300
3. Giá trị tài sản lưu động chưa có nguồn tài trợ	4.250
4. Vốn chủ sở hữu tham gia theo tỷ lệ 30%	1.275
5. Nợ ngắn hạn phi ngân hàng	2.110
6. HMTD ngân hàng cấp cho khách hàng	865

### Bài (8).

Một K/H được NH cho vay từng lần số tiền 900tr từ ngày 1/1 đến ngày 1/4/2006. Hai bên thỏa thuận nợ gốc sẽ được trả vào các ngày 1/2, 1/3, 1/4 với số tiền bằng nhau là 300tr; lãi suất cho vay được 2 bên thỏa thuận 0,9% tháng. Hãy lập bảng kế hoạch trả nợ (khấu hao tài chính) theo 3 phương pháp: Lãi vay tính theo số dư, lãi vay theo nợ gốc, trả góp.

Bảng đánh giá khả năng trả nợ-Khấu hao tài chính



**Hướng dẫn trả lời:**

KỶ HẠN	Dư nợ đầu kỳ hạn	Mức hoàn trả			Dư nợ cuối kỳ hạn
		Vốn gốc	Lãi vay	Cộng	
Tổng cộng		$V_0$	$L_0$	$V_0 + L_0$	

**Bài (9).**

Từ BCĐKT dự kiến hãy xác định HMTD theo các cách khác nhau, tùy vào mức tham gia của vốn chủ sở hữu và tỷ trọng vốn vay dài hạn đầu tư vào tài sản lưu động.

Tài sản	2008	Nguồn vốn	2008
1. Tiền mặt	250	1. Vay ngắn hạn	400
2. Đầu tư ngắn hạn	200	2. Phải trả người bán	2.700
3. Khoản phải thu	2.400	3. Phải trả CNV	860
4. Tồn Kho	1.600	4. Phải trả khác	620
5. TSLĐ khác	500	5. Nợ Vay dài hạn	1.200

**Hướng dẫn trả lời:**

	Cách 1	Cách 2	Cách 3
Giá trị Tài sản Lưu động	4.950	4.950	4.950
Nợ ngắn hạn phi ngân hàng	3.960	1.485	240
Nhu cầu vốn	990	3.465	4.710
Vốn Chủ sở hữu tai trợ 30%	297	3.960	3.960
Mức cho vay tối đa	693	-495	750

**Bài (10).**

Phòng kế toán của Cty TNHH Đông Phong lập kế hoạch sản xuất kinh doanh năm nộp cho ngân hàng xin vay theo hạn mức, trong đó các khoản mục của bảng kế hoạch tài chính được liệt kê như sau (Đơn vị tính: Trồng)

Tài sản	Số tiền	Nợ và vốn chủ sở hữu	Số tiền
TSLĐ	5.075	Nợ phải trả	7.198
Tiền mặt và tiền gửi NH	513	Nợ ngắn hạn	3.178
Chứng khoán ngắn hạn	0	Phải trả người bán	500
Khoản phải thu	1.662	Phải trả công nhân viên	178
Hàng tồn kho	2.900	Phải trả khác	0
TSLĐ khác	0	Vay ngắn hạn ngân hàng	2.500
Tài sản cố định ròng	3.424	Nợ dài hạn	4.020
Đầu tư tài chính dài hạn	5.538	Vốn chủ sở hữu	6.839
Tổng cộng tài sản	14.037	Tổng cộng nợ và VCSH	14.037

Xác định HMTD của ngân hàng đối với Đông Phong theo 3 cách. Biết rằng vốn chủ sở hữu tham gia chiếm tỷ lệ 40% và 20% vốn vay dài hạn của ngân hàng là nhằm đáp ứng nhu cầu vốn lưu động thường xuyên.

**Hướng dẫn trả lời:**

**Bài (11).**

Công ty Đại Khánh gửi hồ sơ vay vốn ngắn hạn đến NH Công thương với tình hình sau đây: (Đơn vị: 1.000 đ)

1. Kế hoạch năm 2010:
  - Doanh thu theo giá vốn: 165.000.000
  - Vòng quay vốn lưu động: 5 vòng/năm
2. Số liệu thực tế đến 31/12/2009:
  - Tài sản ngắn hạn (TSLĐ): 28.000.000
  - Nợ ngắn hạn: 18.000.000
  - Số dư quỹ đầu tư phát triển: 5.000.000
  - Số dư quỹ dự phòng tài chính: 1.890.000
  - Số dư quỹ khen thưởng: 2.200.000
  - Số dư quỹ phúc lợi: 1.010.000
  - Lợi nhuận chưa phân phối: 1.350.000
  - Vay ngắn hạn ngân hàng: 12.500.000
  - Trong đó vay ngân hàng khác: 1.000.000

Yêu cầu:

1. Hãy dự kiến nhu cầu vốn lưu động năm 2010 cho Cty Đại Khánh?
2. Xác định HMTD ngắn hạn năm 2010 cho Cty Đại Khánh? Biết rằng trong năm 2010 Cty không có nhu cầu vay trung và dài hạn.
3. Tình hình vay và trả nợ của Cty Đại Khánh tại NH công thương tháng 1/2010 như sau:

Ngày tháng	Vay	Trả nợ
5/1/2010	0	500.000
10/1/2010	0	450.000
15/1/2010	0	300.000
18/1/2010	250.000	0
20/1/2010	0	400.000
25/1/2010	350.000	0
31/1/2010	100.000	0

Tính lãi tiền vay tháng 1/2010 của Cty Đại Khánh phải trả cho NH Công thương? Biết rằng lãi suất là 1,5%/tháng.

**Hướng dẫn trả lời:**

**Bài (12).**

Cty HTM gửi hồ sơ xin vay theo HMTD đến Ngân hàng Kiên Long, với các số liệu như sau: (Đơn vị tính: 1.000 đ)

- A. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2009:

1. Tổng dự toán chi phí cả năm: 210.370.000  
 Trong đó chi phí không có tính chất sản xuất: 3.100.000
2. Tăng tốc độ luân chuyển vốn lưu động 5% so với năm trước.
- B. Số liệu thực tế năm 2008:
  1. Doanh thu năm 2008: 216.400.000
  2. Các khoản giảm trừ: 30.400.000
  3. Tài sản ngắn hạn:
    - Số dư đầu năm: 30.500.000
    - Số dư cuối năm: 31.500.000
 Trích các số liệu trên bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2008
    1. Tài sản ngắn hạn: 31.500.000
    2. Nợ ngắn hạn: 25.500.000
    3. Quỹ đầu tư phát triển: 3.800.000
    4. Quỹ dự phòng tài chính: 2.200.000
    5. Quỹ khen thưởng phúc lợi: 2.950.000
    6. Lãi chưa phân phối: 1.850.000
    7. Vay ngắn hạn ngân hàng: 15.600.000
 Trong đó:
    - Vay ngân hàng khác: 1.600.000
    - Vay NH Kiên Long: 14.000.000

**Yêu cầu:** Tính HMTD ngắn hạn năm 2009 cho Cty, biết rằng năm nay Cty không có nhu cầu vay vốn trung và dài hạn.

**Hướng dẫn trả lời:**

**Bài (13).**

Cty Phúc An Khang được NH công thương cho vay vốn lưu động theo phương pháp luân chuyển. (Đơn vị: 1.000 đ)

1. Kế hoạch vay quý 4/2008 của Cty như sau:
  - HMTD: 12.000.000
  - Vòng quay vốn tín dụng: 1,8 vòng/quý
2. Số liệu thực tế trên tài khoản cho vay luân chuyển quý 4/2008 như sau:
  - Số dư nợ đầu quý: 10.400.000
  - Tình hình vay, trả nợ trong quý như sau:

Ngày tháng	Số tiền vay	Số tiền trả nợ	Số dư nợ
01/10/2008			10.400.000
05/10/2008	1.500.000		11.900.000
09/10/2008		2.100.000	9.800.000
15/10/2008	1.000.000	1.200.000	9.600.000
23/10/2008	1.400.000		11.000.000
27/10/2008		1.800.000	9.200.000
30/10/2008	1.900.000		11.100.000

05/11/2008	900.000		12.000.000
10/11/2008		1.500.000	10.500.000
18/11/2008		1.500.000	9.000.000
25/11/2008	3.000.000		12.000.000
30/11/2008		2.000.000	10.000.000
05/12/2008		1.200.000	8.800.000
10/12/2008	2.000.000	1.500.000	9.300.000
16/12/2008	1.200.000		10.500.000
21/12/2008	1.700.000	1.600.000	10.600.000
25/12/2008	2.200.000	2.000.000	10.800.000
30/12/2008		1.400.000	9.400.000
31/12/2008	1.500.000		10.900.000

Yêu cầu:

- Tính lãi tiền vay tháng 10, tháng 11, tháng 12 theo phương pháp tích số. Biết rằng ngân hàng công thương chọn tính lãi vào ngày 30 hàng tháng. Riêng tháng 12 được tính vào ngày 31. Lãi suất cho vay ngắn hạn là 1,35%/tháng.
- Xác định vòng quay vốn tín dụng quý 4/2008 của Cty Phúc An Khang. Xử phạt nếu công ty không thực hiện đúng vòng quay vốn tín dụng.
- Giả sử HMTD quý I/2009 được xác định là 12.500.000. Hãy nêu nhận xét và hướng xử lý.

**Hướng dẫn trả lời:**

**Bài (14).**

Công ty A gửi hồ sơ xin vay theo HMTD tại NH KSB với số liệu như sau: (Đơn vị 1.000đ)

- Dự toán chi phí năm 2009: 33.900.000  
 Trong đó: Chi phí không có tính chất SXKD: 2.400.000
- Số liệu thực tế năm 2008:
  - Doanh thu: 28.000.000
  - Các khoản giảm trừ: 1.400.000
  - VLD sử dụng bình quân năm 2008: 3.800.000
- Trích số liệu trên bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2008:
  - 3.1. Nguồn vốn kinh doanh: 10.600.000  
 Trong đó VLD ròng: 2.300.000
  - 3.2. Quỹ đầu tư phát triển: 310.000
  - 3.3. Quỹ dự phòng tài chính: 120.000
  - 3.4. Lãi chưa phân phối: 39.000
  - 3.5. Quỹ khen thưởng – phúc lợi: 51.000
  - 3.6. Vay ngắn hạn ngân hàng: 1.520.000  
 Trong đó vay ngân hàng khác: 280.000

**Yêu cầu:** Xác định HMTD năm 2009 cho công ty A.

**Hướng dẫn trả lời:**

**Bài (15).**

Công ty ABC gửi hồ sơ xin vay theo HMTD tại ngân hàng KSB với số liệu như sau: (Đơn vị 1.000 đ)

1. Dự toán chi phí năm 2009:	85.900.000
Trong đó: Chi phí không có tính chất SXKD:	2.200.000
2. Số liệu thực tế năm 2008:	
- Doanh thu:	78.000.000
- Các khoản giảm trừ:	1.200.000
- VLD sử dụng bình quân năm 2008:	12.800.000
3. Trích số liệu trên bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2008:	
3.1. Tài sản ngắn hạn:	13.400.000
3.2. Nợ ngắn hạn:	10.500.000
3.3. Quỹ đầu tư phát triển:	2.310.000
3.4. Quỹ dự phòng tài chính:	620.000
3.5. Lãi chưa phân phối:	530.000
3.6. Quỹ khen thưởng – phúc lợi:	951.000
3.7. Vay ngắn hạn ngân hàng:	7.000.000
Trong đó vay ngân hàng khác:	311.000

**Yêu cầu:** Xác định HMTD năm 2010 cho công ty A.

#### **Hướng dẫn trả lời:**

#### **Bài (16).**

Công ty kinh doanh lương thực Đại Nam trình hồ sơ kế hoạch vay vốn tại NHNo như sau:

1. Kế hoạch năm 2009:
  - Sản lượng thóc thu mua trên thị trường cả năm 1.200.000 tấn.
  - Giá thu mua bình quân năm: 2.600.000đ/tấn.
  - Chi phí vận chuyển, bốc dỡ: 100.000đ/tấn.
  - Các chi phí khác: 10.000đ/tấn.
2. Tình hình nguồn vốn của công ty đến 31/12/2008:
  - Vốn lưu động ròng: 220.000.000.000đ
  - Số dư các quỹ: 178.000.000.000đ
  - Lợi nhuận chưa phân phối: 82.000.000.000đ
  - Dư nợ cho vay ngắn hạn tại NH Nông nghiệp: 215.000.000.000đ
3. Vòng quay VLD năm 2008 đạt 4 vòng/năm; Năm 2009 tăng tốc độ luân chuyển VLD 5%.

**Yêu cầu:** Dự kiến nhu cầu VLD cho công ty Đại Nam trong năm 2009. Dự kiến HMTD cho Cty năm 2009. Biết rằng vốn tự có của NH là 12.000 tỷ. Nêu nhận xét và hướng xử lý.

#### **Hướng dẫn trả lời:**

#### **Bài (17).**

Cty Hoàng Long, được NH Công thương chấp nhận một HMTD cho năm 2009 là 5.000 triệu. Trong năm NH đã giải ngân 2 đợt.

- Đợt 1: Cty được NH Công thương giải ngân 2.500 triệu vào ngày 7/1/2009 với thời hạn 5 tháng, lãi suất 1,2%/tháng, mỗi tháng trả nợ một lần theo cách chia đều, lãi tính theo số dư.

- Đợt 2: Cty được giải ngân 1.700 triệu vào ngày 17/3 với thời hạn 2 tháng, gốc trả 1 lần vào cuối kỳ, lãi suất 1,1%/tháng.

Yêu cầu: Xây dựng lịch trả nợ cho 2 khoản tín dụng trên. Xác định số tiền lãi phải trả và thời hạn thanh toán lãi cho 2 khoản tín dụng trên. Lập bảng tổng hợp thời hạn thanh toán gốc và lãi vay ngân hàng cho Cty Hoàng Long.

**Hướng dẫn trả lời:**

**Bài (18).**

Số liệu tại Cty Hoà Bình (Đơn vị tính: đồng)

1. Bảng Cân đối kế toán ngày 31/12/2008:

TÀI SẢN		ST	NGUỒN VỐN		ST
A.	TS NGẮN HẠN	15.000	A.	NỢ PHẢI TRẢ	15.800
I.	Vốn bằng tiền	3.700	I.	Nợ ngắn hạn	10.000
II.	Đầu tư TC ngắn hạn	1.000	1.	Vay ngắn hạn NH	5.100
III.	Các khoản phải thu	2.900	2.	Nợ NH khác	4.900
IV.	Hàng tồn kho	5.850	II.	Nợ dài hạn	5.800
V.	TSLĐ khác	1.550	1.	Vay trung dài hạn	5.800
			2.	Nợ dài hạn khác	0
B.	TS DÀI HẠN	20.000	B.	VỐN CSH	19.200
I.	TSCĐ	24.500	I.	Nguồn vốn – quỹ	18.700
-	Hao mòn TSCĐ	-4.500	1.	Nguồn vốn KD	14.400
II.	Đầu tư TC dài hạn	0	2.	CL đánh giá lại TS	0
III.	Xây dựng CB dở dang	0	3.	Các quỹ	2.600
			4.	Lãi chưa phân phối	1.700
			II.	Nguồn kinh phí	500
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>35.000</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>35.000</b>

2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2008:

CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
Tổng doanh thu	99.500
Các khoản giảm trừ doanh thu	5.900
1. Doanh thu thuần	93.600
2. Giá vốn hàng bán	76.720
3. Tổng thu nhập	16.880
4. Chi phí bán hàng	4.550
5. Chi phí quản lý	4.250
6. Chi phí tài chính (lãi vay ngân hàng)	1.370
7. Lợi nhuận thuần từ HĐKD	6.710

8. Lợi nhuận hoạt động tài chính	120
9. Lợi nhuận bất thường	0
10. Lợi nhuận trước thuế	6.830
11. Thuế thu nhập	1.912
12. Lợi nhuận sau thuế	4.468

3. Chỉ tiêu kế hoạch 2009: Doanh thu thuần: 102.960

**Yêu cầu:** Đánh giá thực trạng tài chính của DN thông qua các chỉ tiêu phản ánh hệ số hoạt động, khả năng thanh toán, an toàn tài chính và khả năng sinh lời. Xác định HMTD ngắn hạn năm 2009 cho DN. Anh/chị có nhận xét gì?

**Hướng dẫn trả lời:**

**Bài (19).**

Xác định quan hệ giữa séc và số tiền bảo chứng. Dùng quan hệ ấy xét xem chủ tài khoản phát hành tờ séc 140 trđ trong ngày 10/10 có hợp lệ không, nếu biết vào ngày 10/10 TKVL của doanh nghiệp có số dư đầu kỳ là 20 trđ, HMTD quý 4 là 100 trđ

**Hướng dẫn trả lời:**

-Séc là lệnh của chủ tài khoản yêu cầu ngân hàng thanh toán cho người cầm séc

-Số tiền bảo chứng là số tiền người phát hành séc phải ký thác vào ngân hàng

-Mối quan hệ: khách hàng nộp tiền trước, phát hành séc sau nếu không tờ séc sẽ được xem là không hợp lệ.

Mệnh giá < số tiền bảo chứng < dư có TK TGTT (số dư có TKVL)

Xử lý séc: mệnh giá 140 trđ > dư có + HMTD => không chấp nhận.

-Tư vấn cho khách hàng viết lại tờ séc khác, mệnh giá tối đa là  $20 + 100 = 120$  trđ

-Buộc khách hàng phải tăng thêm số tiền bảo chứng là 20 trđ

-Ngân hàng tăng thêm HMTD lên 120 trđ

**Bài (20).**

Doanh nghiệp X xuất trình hồ sơ vay ngân hàng A để mua hàng xuất khẩu, các số liệu thu thập được như sau: chi phí thanh toán cho nhà cung cấp theo hợp đồng là 1.200 trđ ( trong đó thanh toán 70% phần nợ còn lại được trả sau khi tiêu thụ xong toàn bộ hàng hóa) chi phí tiêu thụ đi kèm: 100 trđ; Vốn của Doanh nghiệp tham gia vào dự án: 200 trđ; Tài sản đảm bảo được định giá: 2.100 trđ (tỷ lệ cho vay không vượt quá 50%)

**Yêu cầu:**

1. Xác định hạn mức cho vay ?

2. Cho biết cách xử lý trong các trường hợp sau:

- Trong lần tái xét khoản vay sau 2 tháng, ngân hàng nhận thấy doanh nghiệp có dấu hiệu giảm sút về tài chính, nguồn thu nợ từ bán hàng không rõ ràng, tài sản đảm bảo sụt giảm tới 20% so với giá trị ban đầu.

- Trong thời hạn cho vay, doanh nghiệp không có dấu hiệu xấu, nhưng khi đáo hạn thì doanh nghiệp không trả được nợ, mặt khác do thị trường biến động nên giá trị tài sản đảm bảo chỉ còn khoảng 70% nợ gốc.

**Hướng dẫn trả lời:**

-Nhu cầu vốn lưu động =  $1.200 + 100 = 1.300$

-Vốn khác (vốn doanh nghiệp chiếm dụng) = 30% x 1.200 = 360

-Vốn chủ sở hữu = 200

-Giá trị Tài sản đảm bảo = 2.100 x 50% = 1.050

Từ: HMTD = nhu cầu vốn lưu động - vốn chủ sở hữu - vốn khác  
= 1300 – 200 – 360 = 740

⇒ Mức cho vay max = 1.050

Kết luận: Chấp nhận mức cho vay trên.

Doanh nghiệp biểu hiện khả năng tài chính giảm sút, khoản thu không rõ ràng thì cần nhắc nhở chấn chỉnh đối với doanh nghiệp, tìm ra nguyên nhân sai phạm. Tìm nguyên nhân doanh nghiệp không trả được nợ. Nếu là nguyên nhân khách quan thì có thể gia hạn nợ, miễn giảm lãi vay mặc dù tài sản đảm bảo chỉ còn 70% giá trị ban đầu.

### Bài (21).

Ngày 15/12/08 công ty M gửi tới ngân hàng A phương án tài chính ngày 31/12/08 của công ty như sau:

Tài Sản	Nguồn vốn
1. TSLĐ: - Tiền mặt: 200 nghìn - Các khoản phải thu: 21.000 - Hàng tồn kho: 78.000 - Hàng mất phẩm chất: 2.000 - TSLĐ khác: 1.000	1. Nợ phải trả: - Nợ ngắn hạn: 45.000 nghìn - Vay ngắn hạn: 45.000 - Phải trả người bán: 24.000 - Phải trả #: 16.000
2. Tài sản cố định: 37.300	2. Nợ dài hạn: 12.500 3. Vốn chủ sở hữu: 40.000

**Biết rằng:** vòng quay hàng tồn kho tối thiểu của công ty là 4 vòng ; vòng quay các khoản phải thu là 15 vòng ; Doanh thu dự kiến năm 2008 là 240.000 nghìn ; giá vốn hàng bán bằng 75% doanh thu. Quy chế cho vay của ngân hàng yêu cầu phải có 10% vốn lưu động của doanh nghiệp tham gia trong tài sản lưu động.

#### **Yêu cầu:**

1. Kiểm tra tính hợp pháp của phương án tài chính mà công ty đã gửi ngân hàng.
2. Xác định HMTD cho công ty M trên cơ sở phương án tài chính hợp lý.

#### **Hướng dẫn trả lời:**

-Tính lại vòng quay hàng tồn kho và khoản phải thu xem đã chính xác chưa

-Giá vốn hàng bán = DT x 75% = 240 x 75% = 180

-Vòng quay hàng tồn kho = Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho = 180/78 = 2,3

-Vòng quay khoản phải trả = doanh thu thuần/khoản phải trả = 240/21 = 11,4

Nhận xét: Cho thấy vòng quay hàng tồn kho và các khoản phải trả cao hơn so với thực tế, điều đó có nghĩa doanh nghiệp sẽ chiếm dụng nhiều vốn hơn, nên phương án tài chính không chính xác tính lại hàng tồn kho và khoản phải trả

-Hàng tồn kho = Giá vốn hàng bán/vòng quay hàng tồn kho min = 180/4 = 45

-Khoản phải trả = doanh thu thuần/vòng quay khoản phải trả min = 240/15 = 16

-TSLĐ (hay nhu cầu vốn lưu động) = 0,2 + 45 + 16 + 2 + 1 = 64,2

Từ: HMTD hợp lý = nhu cầu vốn lưu động - vốn lưu động ròng - vốn khác



$$\text{Vốn lưu động ròng} = \text{Vốn chủ sở hữu} + \text{nợ dài hạn} - \text{TSCĐ} = 40 + 12.5 - 37.3 = 15.2$$

$$\text{Vốn khác} = 24 + 16 = 40$$

$$\Rightarrow \text{HMTD hợp lý} = 64.2 - 15.2 - 40 = 9$$

Từ: HMTD theo quy định NH = nhu cầu vốn lưu động - vốn chủ sở hữu - vốn khác

$$\text{-Vốn chủ sở hữu} = 10\% \text{ TSLĐ} = 10\% \times 64,2 = 6,42$$

$$\text{-HMTD theo quy định của ngân hàng} = 64,2 - 6,42 - 40 = 17,78$$

=> Từ 2 kết quả trên ta có HMTD mà ngân hàng áp dụng là 9

- Do tài sản đảm bảo sụt giá trị 20% so với ban đầu =  $1050 - 1050 \times 20\% = 840 > 740$  (HMTD). Ngân hàng nhắc nhở chấn chỉnh đối với doanh nghiệp để tìm ra nguyên nhân sửa chữa

- Vì nợ HMTD ngân hàng cấp cho là  $740 > 518$  (giá trị tài sản đảm bảo sụt còn 70% nợ gốc =  $740 - 740 \times 0,3\% = 518$ )

=> DN không trả được nợ, nợ xấu cần tìm hiểu nguyên nhân:

+ Khách quan: Có thể cho gia hạn nợ, giảm lãi suất và giảm giá trị các khoản chi trả (tái cơ cấu nợ) để doanh nghiệp vẫn có thể trả nợ và “không bị ném ra kCầu nhà” (nếu dùng nhà để thế chấp cho khoản vay). nhưng yêu cầu khách hàng bổ sung vào tài sản đảm bảo 30% giá trị bị sụt giảm:  $740 - 518 = 222$

Với trường hợp này Ngân hàng sẽ không tiến hành phát mại tài sản đảm bảo vì như thế sẽ lỗ mất 30% giá trị tài sản đảm bảo quay về cách làm trên

+ Có thể giải kiểu khác.

$$\text{- Nhu cầu vốn lưu động} = 1.200 \times 70\% + 100 = 940 \text{ triệu}$$

$$\text{- HMTD} = \text{Nhu cầu vốn lưu động} - \text{Vốn sở hữu tham gia} = 940 - 200 = 740 \text{ triệu}$$

$$\text{Mức cho vay tối đa} = 2.100 \times 50\% = 1.050 \text{ triệu}$$

$$\text{Vậy HMTD} = 740 \text{ triệu}$$

Theo 70% phần nợ còn lại được trả sau khi tiêu thụ xong toàn bộ hàng hóa là phần được tính trả chậm, không thể coi đó là nhu cầu vốn lưu động được, nhu cầu vốn lưu động phải là tổng Chi phí = 1.300 và bạn cũng đã bỏ qua chi tiết: vốn khác (vốn doanh nghiệp chiếm dụng) =  $30\% \times 1.200 = 360$

## Bài (22).

DN A gửi đến NHTM 1 bộ hồ sơ đề nghị cấp 1 hạn mức tín dụng cho năm 2011 để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động. Kế hoạch kinh doanh năm 2011 gửi cho ngân hàng có 1 số nội dung như sau (đvt: triệu)

Tổng chi phí thực hiện kinh doanh: 22.520

CP nguyên,vật liệu 16.973

CP nhân công 265

CP khấu hao Tài sản cố định 2.520

CP dịch vụ mua ngoài 1.950

CP khác bằng tiền 812

Sau khi thẩm định, ngân hàng đã đồng ý cho vay với lãi suất 1.2%/tháng và ổn định năm 2011. Các số liệu phát sinh trong năm 2011 như sau

Vay theo hạn mức tín dụng	Thu tiền bán hàng trong tháng
ngày 11/1 vay 1000	ngày 31/1 thu 1500
ngày 16/2 vay 1000	ngày 28/2 thu 1000
ngày 5/4 vay 2000	ngày 31/3 thu 1500

ngày 16/5 vay 800	ngày 30/4 thu 1000
ngày 21/6 vay 1500	ngày 31/5 thu 1000
	ngày 30/6 thu 1500

Yêu cầu:

- 1- Xác định hạn mức tín dụng năm 2011?
- 2- Xác định hạn mức tín dụng còn lại sau mỗi lần vay và cuối mỗi tháng?
- 3- Tính tiền lãi doanh nghiệp phải trả hàng tháng cho NH?

Biết rằng:

- Theo dự tính của doanh nghiệp A: Vốn lưu động ròng và các khoản vốn khác được sử dụng trong năm 2011 là 1.000. Vòng quay vốn lưu động trong năm 2011 bình quân 1.25 vòng/ quý
- Giả định dư nợ cho vay theo hạn mức tín dụng của doanh nghiệp đến cuối 2010=0
- Hàng tháng doanh nghiệp phải trích 80% tiền thu bán hàng để trả nợ gốc cho NH

**Hướng dẫn trả lời:**

1. Vòng quay Vốn lưu động/năm =  $1,25 \times 4 = 5$  vòng

Nhu cầu Vốn lưu động =  $(22.520 - 2.520) / 5 = 4.000$

vốn tự có = 1.000

-> hạn mức tín dụng =  $4.000 - 1.000 = 3.000$

2. Hạn mức tín dụng sau mỗi lần vay và sau mỗi tháng là:

hạn mức tín dụng sau lần vay ngày 11/1 là  $3.000 - 1.000 = 2.000$

hạn mức tín dụng cuối tháng 1 là: 3.000

hạn mức tín dụng sau lần vay ngày 16/2 là  $3.000 - 1.000 = 2.000$

hạn mức tín dụng cuối tháng 2 là:  $2.000 + (1.000 \times 80\%) = 2.800$

hạn mức tín dụng cuối tháng 3 là: 3.000

hạn mức tín dụng sau lần vay ngày 5/4 là:  $3.000 - 2.000 = 1.000$

hạn mức tín dụng cuối tháng 4 là:  $1.000 + (1.000 \times 80\%) = 1.800$

hạn mức tín dụng sau lần vay ngày 16/5 =  $1.800 - 800 = 1.000$

hạn mức tín dụng cuối tháng 5 là:  $1.000 + (1.000 \times 80\%) = 1.800$

hạn mức tín dụng sau lần vay ngày 21/6 là:  $1.800 - 1.500 = 300$

hạn mức tín dụng cuối tháng 6 là:  $300 + (1.500 \times 80\%) = 1.500$  [COLOR=Silver]

3.

ngày	Dư nợ ngân hàng	Số ngày dư số	Tích số dư
11/1	1.000	21	21.000
1/2	0	16	0
16/2	1.000	13	13.000
1/3	200	31	6.200
1/4	0	5	0
5/4	2.000	26	52.000
1/5	1.200	16	19.200
16/5	2.000	16	32.000
1/6	1.200	21	25.200

21/6	2.700	10	27.000
------	-------	----	--------

Lãi tháng 1:  $21.000 \times 1,2\% / 30 = 8,4$

Lãi tháng 2:  $13.000 \times 1,2\% / 30 = 5,2$

Lãi tháng 3:  $6.200 \times 1,2\% / 30 = 2,48$

Lãi tháng 4:  $52.000 \times 1,2\% / 30 = 20,8$

Lãi tháng 5:  $(19.200 + 32.000) \times 1,2\% / 30 = 19,68$

Lãi tháng 6:  $(25.200 + 27.000) \times 1,2\% / 30 = 20,88$

### **Bài (23).**

Một doanh nghiệp dệt may xuất khẩu được ngân hàng cho vay theo phương thức CV theo hạn mức tín dụng. Sau khi xem xét kế hoạch vay vốn lưu động quý 4/N, ngân hàng đã thống nhất một số tài liệu như sau:

- Giá trị vật tư hàng hoá cần mua vào trong quý: 14.895,5 triệu đồng
- Chi phí khác của khách hàng trong quý là: 655 triệu đồng
- Giá trị sản lượng hàng hoá thực hiện: 13.233,5 triệu đồng
- Tài sản lưu động:
  - + Đầu kỳ: 3.720 triệu đồng, trong đó vật tư hàng hoá kém phẩm chất chiếm 15%
  - + Cuối kỳ: 4.650 triệu đồng, trong đó dự trữ vật liệu xây dựng cơ bản 250 triệu đồng
- Vốn lưu động tự có và các nguồn vốn khác dùng vào kinh doanh: 2.730 triệu đồng
- Giá trị tài sản đảm bảo: 2.812 triệu đồng
- Từ ngày 1/10/N đến hết ngày 26/12/N trên TK cho vay theo hạn mức tín dụng của doanh nghiệp:
  - + Doanh số phát sinh nợ: 4.500 triệu đồng
  - + Doanh số phát sinh có: 3.820 triệu đồng

Trong 5 ngày cuối quý có phát sinh một số nghiệp vụ:

- Ngày 27/12: Vay mua vật tư: 450 triệu đồng
- Thu tiền nhận gia công sản phẩm: 70 triệu đồng
- Ngày 28/12: vay thanh toán tiền điện khu nhà ở của cán bộ công nhân viên: 25 triệu đồng
- Ngày 29/12: Vay thanh toán sửa chữa thường xuyên máy móc thiết bị: 38 triệu đồng
- Thu tiền bán hàng: 458 triệu đồng
- Ngày 30/12: vay mua vật liệu xây dựng cho công trình mở rộng sản xuất: 65 triệu đồng
- Ngày 31/12: Vay mua vật tư: 160 triệu đồng
- Vay thanh toán tiền vận chuyển thiết bị: 20 triệu đồng

Yêu cầu:

- 1- Xác định hạn mức tín dụng quý 4/N của doanh nghiệp
- 2- Hướng dẫn trả lời: quyết các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong 5 ngày cuối tháng

Biết rằng:

- Số dư TK cho vay theo hạn mức tín dụng của doanh nghiệp cuối ngày 30/9/N: 560 triệu đồng. DN không phát sinh nợ quá hạn và dư nợ cuối quý là nợ lành mạnh

### **Hướng dẫn trả lời:**

1. Xác định hạn mức tín dụng quý 4:

Tổng chi phí phát sinh trong quý:  $14.895,5 + 655 = 15.550,5$  Trđ

Vốn lưu động bình quân =  $((3.720 \times (1 - 0,15)) + (4650 - 250)) / 2 = 3781$  Trđ

Vòng quay vốn lưu động bình quân =  $13.233,5 / 3781 = 3,5$  vòng

Nhu cầu vốn lưu động =  $15.550,5 / 3,5 = 4443$  trđồng

CVTD với TSDDDB là:  $2.812 \times 70\% = 1968,4$  trđồng (Giả sử cho vay tối đa là 70%)

hạn mức tín dụng quý 4 =  $4443 - 2730 - 560 = 1.153$  trđồng

2. quyết các nghiệp vụ kinh tế phát sinh cuối tháng:

hạn mức tín dụng đến hết ngày 26/12 năm N là:  $1.153 - (4.500 - 3.820) = 473$  trđồng

hạn mức tín dụng ngày 27/12 là: 93 trđồng

hạn mức tín dụng ngày 28/12 là: 68 trđồng

hạn mức tín dụng ngày 29/12 là: 488 trđồng

hạn mức tín dụng ngày 30/12 là: 423 trđồng

hạn mức tín dụng ngày 31/12 là: 243 trđồng

Các khoản thu của doanh nghiệp đều trả nợ hết ngân hàng

### **Bài (24).**

Công ty lắp máy điện nước có nhu cầu vay từng lần để thực hiện một hợp đồng ký giữa Công ty lắp máy điện nước và một Công ty liên doanh, nhận mua và lắp đặt trạm biến áp, thiết bị lạnh. Tổng giá trị hợp đồng khoán gọn: 4.540 trđồng (giả thiết coi như hợp đồng đảm bảo nguồn thanh toán chắc chắn), thời gian thực hiện hợp đồng từ tháng 1/7/200X đến tháng 1/11/200X phải bàn giao. Bên A ứng trước vốn là: 1.000 trđồng, số tiền còn lại sẽ được thanh toán sau 1 tháng khi công trình bàn giao. Trong tháng 6/200X, công ty có xuất trình một hợp đồng đã ký để mua máy biến áp và các thiết bị lạnh trị giá 4.000 trđồng, phải thanh toán tiền ngay trong tháng.

Biết rằng:

- Lãi suất vay hiện hành: 0,8%/tháng

- Vốn tự có tham gia: 500 trđồng

- Tổng chi phí cho việc vận chuyển và lắp đặt thiết bị: 300 trđồng

Yêu cầu:

1. Hãy cho biết ngân hàng có nên giải quyết cho vay đối với công ty hay không? Tại sao?

2. Theo anh (chị) mức cho vay và thời hạn vay tối đa là bao nhiêu?

### **Hướng dẫn trả lời:**

Tổng chi phí thực hiện dự án:  $4000 + 300 = 4300$  trđồng

Lợi nhuận:  $4540 - 4300 = 240$  Trđồng

Mức sinh lời  $240 / 4300 = 5,58\%$

Thời gian cho vay tính từ lúc nhập NVL tới lúc thu \$ tức là từ 1/7-1/11 (4 tháng)

-> mức sinh lời/tháng:  $5,58\% / 4 = 1,39\% >$  lãi suất vay hiện hành

(giả thiết coi như hợp đồng đảm bảo nguồn thanh toán chắc chắn)

-> cho vay

N/c vay = Nhu cầu vốn lưu động - vốn tự có - Vốn # =  $4000 - 500 - 1000 = 2500$  trđồng

Hạn mức tín dụng = 2500 trđồng và thời gian vay tối đa là 5 tháng (1 tháng sau khi bàn giao trả nốt). Nếu ngân hàng cho vay 2500 trđồng chỉ đủ để trang trải tiền mua máy và thiết bị, trong khi còn 300 trđồng tiền chi phí vận chuyển có thể tính vào để cấp hạn mức tín dụng.

Giả sử các nguồn vẫn như trên thì doanh nghiệp sẽ không đủ tiền để hoàn thành dự án?

Hạn mức tín dụng =  $4300 - 1000 - 500 = 2500 + 300 = 2800$  đồng.

Cách giải

Thứ nhất xác định thời kỳ ngân quỹ: Từ khi mua thiết bị đến khi được trả tiền: 6/2011 - 12/2011: 6 tháng

+ Tổng vốn đầu tư =  $4.000 + 300 = 4.300$  đồng, Giá trị hợp đồng =  $4.540$  đồng

lợi nhuận TT & LV =  $4.540 - 4.300 = 240$  đồng.

Tỷ lệ sinh lời =  $(\text{lợi nhuận TT \& LV} / \text{Tổng VĐT}) / \text{chu kỳ ngân quỹ}$

=  $(240/4300)/6 = 0.93\% / \text{tháng} > 0.8\% = \text{lãi suất/tháng}$

DA có khả thi và hiệu quả về mặt tài chính. Ngân hàng có thể cho vay.

Nhu cầu vay vốn =  $(\text{Tổng vốn đầu tư} - \text{Khấu hao Tài sản cố định}) - \text{vốn tự có} - \text{Vốn \#}$

=  $4.300 - 500 - 1.000 = 2.800$  đồng. (1)

Giả sử khả Nguồn vốn của ngân hàng và mức cho vay max (theo Giá trị tài sản đảm bảo & Luật quy định) thoả mã (2)

$M_{cv} = \min(1,2) = 2800$  đồng.

và  $T_{cv} = \text{Chu kỳ ngân quỹ} = 6$  tháng.

Vậy Ngân hàng có thể cho vay và cho vay với mức 2800 đồng trong vòng 6 tháng.

Đây là cho vay Từng lần tài trợ vốn lưu động chứ không phải dự án trung, dài hạn, cũng không xét dòng tiền hiện tại và tương lai nên không xét đến IRR.

### **Bài (25).**

Một công ty A có nhu cầu vay vốn để thực hiện phương án kinh doanh.

Nhu cầu vay vốn là 1,5 tỷ đồng.

Vốn tự có: 800 đồng.

Kế hoạch bán hàng:

Tháng 7 là 400 đồng: Thu liền 60% còn lại 40% cho khách hàng chịu đến hết 30/12

Tháng 8 là 300 đồng:

Tháng 9 là 350 đồng: (8,9,10 thu tiền ngay.)

Tháng 10 là 500 đồng:

Bắt đầu thực hiện phương án vào ngày 1/6/2010

Nguyên vật liệu đầu vào có thời gian trả chậm là 15 ngày.

1, Xác định hạn mức tín dụng.

2, Chu kỳ ngân quỹ của phương án trên, thời hạn cho vay tối đa, các kỳ hạn nợ nếu có.

Theo mình bài này là làm theo món tuy nhiên do dòng tiền của khách hàng chảy vào các thời điểm khác nhau vì vậy yêu cầu khách hàng thứ 1, tài khoản về ngân hàng phát vay; thứ 2, khi dòng tiền thanh toán về tài khoản thì cắt nợ gốc ngay.

### **Hướng dẫn trả lời:**

1, Hạn mức tín dụng dành cho khách hàng =  $1,500 - 800 = 700$  đồng

2, Chu kỳ ngân quỹ.

Như đã nói ở trên do dòng tiền của khách hàng chảy về hàng tháng chứ không phải dồn lại tại một thời điểm chính vì vậy ngân hàng sẽ xác định thời hạn chót của món vay dựa trên dòng tiền trả gốc của khách hàng mà cụ thể ở đây là  $T7+T8 + T9 = 400 \times 60\% + 300 + 350 = 890 > 700$  đồng.

Như vậy thời hạn cho vay tối đa cho món vay này là đến T9/2010.

Do Nguyên vật liệu đầu vào được trả chậm 15 ngày nên thời gian bắt đầu ngân hàng tài trợ là 15/06/2010. Như vậy Chu kỳ ngân quỹ là 15/06/2010 đến T9/2010.

### Hướng dẫn trả lời:

#### Bài (26).

Một khách hàng ngân hàng A có tiền gửi thanh toán không kỳ hạn với số dư thường xuyên là 180 tỷ VNĐ. Khách hàng muốn vay thêm tại ngân hàng đó 1 khoảng 850 tỷ VNĐ trong vòng 12 tháng. Tính lãi suất cho vay cá biệt cho khách hàng này ??

Biết:

- Lãi suất tiền gửi không kỳ hạn là 2,5 %/năm
- Tỷ lệ dự trữ thanh toán bắt buộc là 16%.
- Lãi suất cho vay là 21% đối với các khách hàng thông thường khác.
- Lãi suất huy động vốn bình quân là 17.5%.
- Lãi suất huy động vốn ngắn hạn là 16.5 %

Xác định hạn mức tín dụng, thời điểm giải ngân và thu hồi nợ

### Hướng dẫn trả lời:

#### Bài (27).

Vào ngày 01/01/2005 công ty A là 1 doanh nghiệp thương mại gửi đến ngân hàng bộ hồ sơ vay, sau khi kết hợp với những nguồn thông tin khác, ngân hàng có được những thông tin tóm tắt như sau:

1. Bảng cân đối kế toán ngày 21/12/2004 (đơn vị tính: triệu đồng)

Tài sản	Nguồn vốn
Tài sản lưu động 135.000	Nợ phải trả 115.000
Tiền 40.000	Các khoản phải trả 15.000
Các khoản phải thu 35.000	Vay ngắn hạn 20.000
Tồn kho 60.000	Vay dài hạn 80.000
Tài sản cố định 100.000	Vốn chủ sở hữu 120.000
	Nguồn vốn kinh doanh 100.000
	Lợi nhuận chưa phân phối 20.000
Tổng tài sản 235.000	Tổng nguồn vốn 235.000

2. Hiện thời công ty đang kinh doanh duy nhất sản phẩm A, với hoạt động kinh doanh năm 2005 dự kiến như sau:

- Với giá bán 600.000 đồng thì số lượng sản phẩm A được tiêu thụ trong các quý dự kiến lần lượt là 200.000 SP (quý 1), 260.000 SP (quý 2), 400.000 SP (quý 3) và 250.000 SP (quý 4).
- Ước tính giá vốn hàng bán sản phẩm A khoảng 75% doanh thu.
- Chi phí quản lý và bán hàng mỗi quý, chưa kể khấu hao tài sản cố định, ước tính khoảng 20.000 triệu đồng.
- Khấu hao tài sản cố định 1 quý là 1.000 triệu đồng.
- Để đảm bảo đủ hàng tiêu thụ liên tục, ước tính tồn kho sản phẩm A mỗi quý (đơn vị triệu đồng) lần lượt là 62.000 (quý 1), 150.000 (quý 2), 100.000 (quý 3) và 65.000 (quý 4).
- Theo các hợp vay trước đó, công ty phải trả 20.000 triệu đồng nợ vay ngắn hạn trong quý 1.

3. Bắt đầu quý 2/2005, công ty dự định kinh doanh thêm sản phẩm B, dự tính như sau:

- Với giá bán 1 sản phẩm là 300.000 đồng thì số lượng sản phẩm B được tiêu thụ trong các quý dự kiến lần lượt là 10.000 (quý 2), 15.000 (quý 3), 12.000 (quý 4).
  - Ước tính giá vốn hàng bán sản phẩm B khoảng 75% doanh thu.
  - Chi phí quản lý và bán hàng mỗi quý, chưa kể khấu hao tài sản cố định, ước tính khoảng 2.000 đồng.
  - Khấu hao tài sản cố định là 2%/ nguyên giá.
  - Để chuẩn bị kinh doanh sản phẩm B, ngay trong quý 1, công ty sẽ vay dài hạn 10.000 đồng để trang bị thêm 1 số tài sản cố định.
  - Ngay từ quý 1, công ty phải chuẩn bị tồn kho cho sản phẩm B. Tồn kho sản phẩm B mỗi quý (đơn vị đồng) lần lượt là 20.000 (quý 1), 41.000 (quý 2), 32.000 (quý 3) và 10.000 (quý 4)
- Yêu cầu: hãy xác định hạn mức tín dụng, thời điểm giải ngân và thu hồi nợ của doanh nghiệp.

Biết rằng:

- Số tiền tối thiểu của công ty mỗi quý ( đồng) lần lượt là: 100 (quý 1), 150 (quý 2), 120 (quý 3) và 110 (quý 4).
- Lãi suất vay ngắn hạn là 0,5%/tháng, vay dài hạn là 1%/tháng.
- Thuế suất thuế thu nhập là 28%.
- Các khoản phải thu ước tính khoảng 30% doanh thu, các khoản phải trả ước 15% giá vốn hàng bán.
- Giả dụ trong năm công ty không chia cổ tức.
- Mỗi quý, công ty trả 12.000 đồng nợ vay dài hạn (gồm nợ cũ và mới)

#### **Hướng dẫn trả lời:**

##### **Bài (28).**

Một doanh nghiệp lập kế hoạch kinh doanh có giá trị sản lượng là 200 tỷ, dự kiến doanh thu đạt 70%. Vốn chủ sở hữu là 30 tỷ, lợi nhuận chưa phân phối là 4 tỷ, giá trị tài sản cố định là 17 tỷ, trong đó giá trị tài sản vô hình là 3 tỷ. Đầu tư tài chính dài hạn là 5,5 tỷ, nợ dài hạn là 8 tỷ. Vốn chiếm dụng của doanh nghiệp là 15% doanh thu. Khấu hao cơ bản Tài sản cố định là 15%. Thuế các loại dự tính là 5% doanh thu, lợi nhuận là 5% doanh thu. Vòng quay vốn lưu động là 2.

- 1) Xác định vốn lưu động tự có của doanh nghiệp có thể sử dụng trong năm kế hoạch
- 2) Tính hạn mức vốn lưu động cho vay

#### **Hướng dẫn trả lời:**

**Bài (29).** Một doanh nghiệp lập kế hoạch kinh doanh 2009 và đề nghị BIDV cấp hạn mức tín dụng ngắn hạn như sau:

- Giá trị sản lượng 178 tỷ đồng
- Doanh thu 160 tỷ đồng
- Vòng quay vốn lưu động năm 2009 bằng 2008
- Vốn tự có và coi như tự có là 5% doanh thu
- Khấu hao cơ bản 5% doanh thu
- Thuế các loại 3% doanh thu
- Chi phí quản trị điều hành 2% doanh thu
- Lợi nhuận 2% doanh thu



Doanh nghiệp được ngân hàng ứng trước tiền thanh toán bình quân là 10 tỷ đồng và phải trả nhà cung cấp nguyên vật liệu được duy trì ổn định là khoảng 6 tỷ đồng. Ngoài ra doanh nghiệp đang được ngân hàng công thương cấp hạn mức tín dụng năm 2009 là 10 tỷ đồng.

**Yêu cầu:** Hãy tính toán hạn mức tín dụng ngắn hạn BIDV sẽ cấp cho doanh nghiệp năm 2009, Biết rằng tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp năm 2008 như sau:

- Sản lượng thực hiện 162 tỷ đồng
- Doanh thu thuần 150 tỷ đồng
- Thuế các loại 4,2 tỷ đồng
- Lợi nhuận 3 tỷ đồng
- Tài sản lưu động bình quân 2008 là 50 tỷ đồng

### **Hướng dẫn trả lời:**

#### **Bài (30).**

Công ty TNHH sản xuất kinh doanh đồ Gỗ xuất khẩu Ngọc Hà có nhu cầu vay từng lần để thực hiện hợp đồng xuất khẩu hàng cho một nhà nhập khẩu Hà Lan. Tổng giá trị hợp đồng đã được quy đổi: 6000 triệu đồng (giả thiết hợp đồng bảo đảm nguồn thanh toán chắc chắn), thời gian giao hàng thỏa thuận trong hợp đồng là 17/08/07 thời gian thanh toán sau khi giao hàng 2 tháng.

Để thực hiện hợp đồng, Công ty cần thực hiện những khoản chi phí sau:

- Chi phí mua nguyên vật liệu: 3650 triệu đồng.
- Chi phí trả công lao động: 623 triệu đồng.
- Khấu hao tài sản cố định: 800 triệu đồng.
- Các chi phí khác: 90 triệu đồng.

Công ty xuất trình hợp đồng mua nguyên liệu ký ngày 15/06/07, điều kiện thanh toán sau 1 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp với giá thị trường 5300 triệu đồng với đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

#### **Yêu cầu:**

1. Hãy cho biết ngân hàng có nên giải quyết cho vay đối với Công ty hay không? Vì sao?
2. Xác định mức cho vay, thời hạn cho vay.

#### **Biết rằng:**

- Lãi suất cho vay hiện hành 0.8%/ tháng.
- Vốn tự có của Công ty tham gia vào phương án KD: 1300 triệu đồng.
- ngân hàng quy định mức cho vay tối đa bằng 70% giá trị tài sản thế chấp.

### **Hướng dẫn trả lời:**

1) Doanh thu nếu thực hiện Hợp đồng: 6000

Chi phí = Chi phí mua nguyên vật liệu + Chi phí trả công lao động + Khấu hao tài sản cố định + Các chi phí khác = 3650 + 623 + 800 + 90 = 5163

Nếu thực hiện hợp đồng, doanh nghiệp có lãi: 6000 - 5163 = 837

NH nên cho vay vì dự án có lãi và nguồn thanh toán chắc chắn. 09

Tổng CPSXKD: đúng

Tài sản lưu động bao gồm: tiền và các khoản tương đương tiền, Hàng tồn kho, đầu tư TC ngắn hạn,...

Trong VD trên thì là Nguyên vật liệu.



Để biết ngân hàng có cho vay hay không thì căn cứ như trên đã giải thích

2) Hạn mức Tín dụng:

DN có vốn tự có 1300

Nhu cầu vay vốn phục vụ SXKD của doanh nghiệp = 5163 - 1300 = 3863

NH cho vay tối đa bằng 70% giá trị tài sản đảm bảo, tức là = 5300 x 70% = 3710 (< 3863). chênh lệch: 153 lúc này xảy ra hai trường hợp:

a, Ngân hàng không cho vay, mặc dù 1 ta tính được là nên cho doanh nghiệp vay vốn, tuy nhiên tài sản đảm bảo không đủ nên ngân hàng quyết định không cho vay để đảm bảo an toàn (tuy nhiên cách này không nên)

b, Ngân hàng sẽ cấp tín dụng cho doanh nghiệp với yêu cầu:

- Doanh nghiệp bổ sung giá trị tài sản đảm bảo hoặc tăng vốn tự có phù hợp với món vay

- Đi vay TCTD khác cho nhu cầu vốn 153

- Yêu cầu có người bảo lãnh cho món nợ 153

- Xem xét hồ sơ tín dụng của doanh nghiệp trong quá khứ, nếu tốt thì rải ngân số tiền 153

- Hoặc cũng có thể yêu cầu điều chỉnh giảm bớt Phương án kinh doanh để giảm tiền đầu tư

Tính NCV thì phải trừ đi khấu hao, chỉ tính chi phí mới cộng cả khấu hao, bài này là cho vay từng lần nên thời gian cho vay phải phụ thuộc vào chu kỳ ngân quỹ của DN, cụ thể là: NCV = tổng CF - khách hàng - vốn tự có - Vốn khác = 5136 - 800 - 1300 = 3063 đồng

mức CV theo tài sản đảm bảo = 3.710 đồng, mức CV của ngân hàng là 3.063 đồng và thời gian cho vay là 3 tháng (dựa theo chu kỳ ngân quỹ của DN).

### **Bài (31).**

Trong năm N, DNA được ngân hàng cấp 1 hạn mức tín dụng 500 đồng, tháng 3/N có 1 số giao dịch sau:

Ngày 5/3, DNA rút tiền vay 198 đồng

Ngày 10/3 rút 37 đồng

Ngày 18/3 trả nợ 230 đồng

Ngày 25/3 rút tiền vay 350 đồng

Hãy tính lãi tiền vay DNA phải trả ngân hàng trong tháng 3/N (theo dư nợ bình quân) biết dư nợ TK cho vay đầu tháng là 95 đồng, lãi suất cho vay của ngân hàng là 1%/tháng.

### **Hướng dẫn trả lời:**

### **Bài (32).**

Một công ty đề xuất phương án vay vốn với tình hình cân đối vốn lưu động cho phương án như sau: Hãy xác định mức cho vay.

Tài sản	Giá trị	Nguồn vốn	Giá trị
Tiền mặt	15.500	Phải trả	18.500
Tồn kho	35.500	Phải trả khác	23.500
Phải thu	22.600	Vốn chủ sở hữu	14.000
TSLĐ khác	10.400	Vay (dự kiến)	28.000
Tổng cộng	84.000		84.000

### **Hướng dẫn trả lời:**

Tổng tài sản lưu động 84000

Vốn lưu động ròng phải tham gia 16800 (84000 x 20%)  
 Tài sản nợ lưu động phi ngân hàng 42000 (18500 + 23500)  
 Mức cho vay tối đa 25200  
 hạn mức tín dụng là 25200  
 Mức cho vay trên tài sản đảm bảo = TSTC x 60% + TSCC  
 = 22000 x 60% + 22000 = 35200  
 Duyệt cho vay

### **Bài (33).**

Ngày 15/12/08 công ty M gửi tới ngân hàng E phương án tài chính ngày 31/12/08 của công ty như sau:  
 (ĐVT: triệu đồng)

Tài sản	Số tiền	nguồn vốn	Số tiền
1. tài sản lưu động		1. Nợ phải trả	
Tiền mặt	200	Nợ ngắn hạn	85.000
Các khoản phải thu	21.000	- Vay ngắn hạn	45.000
Hàng hóa tồn kho	78.000	- Phải trả ng bán	24.000
- Hàng mất phẩm chất	2.000	- Phải trả khác	16.000
Tài sản lưu động khác	1.000	2. Nợ dài hạn	12.500
2. Tài sản Cố định	37.300	3. Vốn chủ sở hữu	40.000
Tổng cộng	137.500		137.500

Biết:

- Vòng quay hàng tồn kho tối thiểu của công ty là 4 vòng: vòng quay các khoản phải thu là 15 vòng.
- Doanh thu dự kiến của năm 2008 là 240.000 triệu đồng
- Giá vốn hàng bán bằng 75% so với doanh thu.
- Quy chế cho vay của ngân hàng yêu cầu phải có 10% vốn lưu động của doanh nghiệp tham gia trong tài sản lưu động.

Yêu cầu:

1. Kiểm tra tính hợp pháp của phương án tài chính mà công ty đã gửi ngân hàng.
2. Xác định hạn mức tín dụng vốn lưu động cho công ty M trên cơ sở phương án tài chính hợp lý.

### **Hướng dẫn trả lời:**

#### **1- Kiểm tra tính hợp pháp của Hồ sơ vay vốn khách hàng**

Vòng quay Khoản Phải thu Công ty là 15 vòng

- Khoản phải thu của Công ty theo dự kiến = 240.000/15 = 16.000 triệu đồng

Vòng quay hàng tồn kho tối thiểu là 4 vòng

- Hàng tồn kho tối thiểu của công ty là = 0.75\*240.000/4 = 45.000 triệu đồng

So sánh với bảng CĐKT trên cho thấy hàng tồn kho và Phải thu của Công ty là lớn hơn nhiều tình hình tài chính công ty chưa lành mạnh, hoặc bảng CĐKT có vấn đề.

#### **2. Thay Khoản phải thu và hàng tồn kho mới tính vào Bảng CĐKT**

(không tính hàng mất phẩm chất khi tính Tài sản lưu động mới) vào ta có

Tài sản lưu động mới = 62.200

Xác định hạn mức tín dụng của DN = Nợ dài hạn + Vốn chủ sở hữu – Tài sản cố định và Đầu tư dài hạn – Vốn chủ sở hữu tham gia = 40.000 + 12.500 - 37.300 - 01x62.200 = 8.980 triệu

### 1. Kiểm tra tính hợp lý của phương án tài chính Công ty đã gửi cho NH

- Xác định hàng tồn kho bình quân

Giá vốn hàng bán = Doanh thu x 75% = 240.000 x 75% = 180.000 triệu

Hàng tồn kho bình quân = Giá vốn hàng bán/Vòng quay hàng tồn kho = 180.000/4 = 45.000 triệu.

- Xác định các khoản phải thu bình quân

Các khoản phải thu BQ = DT thuần/Vòng quay các khoản phải thu = 240.000/15 = 16.000 triệu

- Phương án tài chính hợp lý của Công ty đến ngày 31/12 như sau:

#### Đơn vị tính: triệu

Tài sản	Số tiền	Nguồn vốn	Số tiền
1. Tài sản lưu động		1. Nợ phải trả	
Tiền mặt	200	Nợ ngắn hạn	
Các khoản phải thu	16000	- vay ngắn hạn	7000
Hàng hóa tồn kho	45000	- Phải trả người bán	24000
- Hàng mất phẩm chất	2000	- Phải trả khác	16000
Tài sản lưu động khác	1000	2. Nợ dài hạn	12500
2. Tài sản cố định	37300	1. Vốn chủ sở hữu	40000
Tổng cộng	99500	Tổng cộng	99500

Cũng có thể lập luận để lấy giá trị hàng tồn kho là 47.000 triệu, trong đó có 2.000 triệu hàng mất phẩm chất đã loại ra. Kết quả này vẫn được xem là đúng.

### 2. Xác định hạn mức tín dụng vốn lưu động của công ty

Tài sản lưu động đã loại hàng kém, mất phẩm chất: 60.200 triệu

Vốn lưu động của công ty phải tham gia 10%: 60.200 x 10% = 6.020 triệu

Vốn đi chiếm dụng: (24.000 + 16.000) = 40.000 triệu

Mức cho vay tối đa: = 14.180 triệu

#### Bài (34).

Doanh nghiệp A cần một số vốn ngắn hạn trong vòng 6 tháng để thực hiện một hợp đồng mua hàng. Toàn bộ nhu cầu cần thiết của hợp đồng (bao gồm tiền mua hàng, thuế nhập khẩu, vận chuyển...) là 1500 triệu, trong đó tiền mua hàng chiếm khoảng 80%. Phần vốn tự tài trợ của doanh nghiệp là 35% tổng nhu cầu vốn (vượt mức quy định tối thiểu của ngân hàng là 5%).

1- Xác định mức cho vay của ngân hàng (biết rằng mọi điều kiện khác đều hợp lệ).

2- Hãy cho biết mức vốn tự tài trợ tối thiểu ngân hàng quy định đối với doanh nghiệp là bao nhiêu và ý nghĩa của việc quy định này đối với khách hàng.

Biết rằng trong chi phí tiền mua hàng, doanh nghiệp có thể trả chậm cho bên bán hàng là 30% cho đến khi tiêu thụ hàng hóa xong mới thanh toán. Ngoài ra, việc trả nợ của doanh nghiệp được ngân hàng xác định dựa vào chu kỳ ngân quỹ.

#### Hướng dẫn trả lời:

hạn mức tín dụng = Nhu cầu vốn lưu động – vốn tự có

Nhu cầu vốn lưu động =  $1500 \times 80\% = 1200$  triệu

vốn tự có =  $1200 \times 35\% = 420$  triệu

hạn mức tín dụng =  $1200 - 420 = 780$  triệu

Mức tối thiểu ngân hàng quy định =  $420 \times 100/105 = 400$  triệu

+ Tổng nhu cầu vốn lưu động =  $1500 \times (1 - 80\% \times 30\%) = 1140$  (vì 30% tiền hàng được trả chậm)

hạn mức tín dụng = Tổng nhu cầu vốn lưu động - Vốn tự có =  $1140 - 35\% \times 1140 = 741$

Mức vốn tự tài trợ tối thiểu ngân hàng quy định đối với doanh nghiệp là 30%. Vì doanh nghiệp thường lấy luôn lô hàng làm tài sản đảm bảo và mức cho vay tối đa trên tài sản đảm bảo thường khoảng 70%, yêu cầu doanh nghiệp tự tài trợ 30% nhằm nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp cũng như đảm bảo khả năng thu hồi nợ vay của ngân hàng.

### **Bài (35).**

Một doanh nghiệp sản xuất phân bón, thuộc trừ sâu được ngân hàng cấp một hạn mức tín dụng là 200 triệu, thời hạn 3 tháng đáp ứng nhu cầu vốn lưu động. Ngày bắt đầu có hiệu lực của hợp đồng tín dụng là 1/1/2005. Hãy giải quyết các nhu cầu rút tiền của khách hàng sau và giải thích cho từng trường hợp:

1- Ngày 5/1 doanh nghiệp yêu cầu được rút 50 triệu thanh toán tiền cho công ty hóa chất tiền mua nguyên vật liệu sản xuất.

2- Ngày 15/1 doanh nghiệp yêu cầu rút 100 triệu thanh toán tiền sửa chữa lớn các phương tiện vận tải.

3- Ngày 30/1 yêu cầu rút 50 triệu là lương công nhân.

4- Ngày 5/2 yêu cầu rút 50 triệu thanh toán tiền điện, nước.

5- Ngày 7/2 yêu cầu rút 40 triệu thanh toán tiền nhập hóa chất.

6- Ngày 12/2 yêu cầu rút 15 triệu để ứng trước tiền mua bao bì.

### **Hướng dẫn trả lời:**

Dư nợ: 200 triệu

Ngày 5/1:  $200 - 50 = 150$  triệu

Ngày 15/1: không cho vay đối với sửa chữa lớn

Ngày 30/1:  $150 - 50 = 100$  triệu

Ngày 5/2:  $100 - 50 = 50$  triệu

Ngày 7/2:  $50 - 40 = 10$  triệu

Ngày 12/2: không cho vay do quá hết hạn mức tín dụng

+ Hạn mức tín dụng được dùng để giải quyết những nhu cầu vốn lưu động. Không đáp ứng nhu cầu đầu tư sửa chữa lớn tài sản cố định.

1. Ngày 5/1: Giải ngân.

2. Ngày 15/1: Không giải ngân vì đối tượng cho vay không phù hợp

3. Ngày 30/1: Giải ngân

4. Ngày 5/2: Giải ngân

5. Ngày 7/2: Giải ngân

6. Ngày 12/2: Giải ngân 10 triệu vì vượt quá hạn mức. Nếu để ý chi tiết trả chậm 30% mà xem luôn bài giải trả chậm 30% thì:

Nhu cầu vốn lưu động =  $1500 \times 80\% \times (1 - 30\%) = 840$  triệu

Hạn mức TD =  $840 - 840 \times 35\% = 546$  triệu

### **Bài (36).**

Ngày 15/12/08 công ty M gửi tới ngân hàng A phương án tài chính ngày 31/12/08 của công ty như sau:

Tài Sản:	Nguồn vốn
1. Tài sản lưu động: - Tiền mặt: 200 nghìn - Các khoản phải thu: 21.000 - Hàng tồn kho: 78.000 - Hàng mất phẩm chất: 2.000 - Tài sản lưu động khác: 1.000	1. Nợ phải trả: - Nợ ngắn hạn: 45.000 nghìn - Vay ngắn hạn: 45.000 - Phải trả người bán: 24.000 - Phải trả #: 16.000
2. Tài sản cố định: 37.300	2. Nợ dài hạn: 12.500 3. Vốn chủ sở hữu: 40.000

**Biết rằng:** vòng quay hàng tồn kho tối thiểu của công ty là 4 vòng ; vòng quay các khoản phải thu là 15 vòng ; Doanh thu dự kiến năm 2008 là 240.000 nghìn ; giá vốn hàng bán bằng 75% doanh thu. Quy chế cho vay của ngân hàng yêu cầu phải có 10% vốn lưu động của doanh nghiệp tham gia trong tài sản lưu động.

**Yêu cầu:**

1. Kiểm tra tính hợp pháp của phương án tài chính mà công ty đã gửi ngân hàng.
2. Xác định hạn mức tín dụng cho công ty M trên cơ sở phương án tài chính hợp lý.

**Hướng dẫn trả lời:**

Tính lại vòng quay hàng tồn kho và khoản phải thu xem đã chính xác chưa

$$\text{giá vốn hàng bán} = DT * 75\% = 240 * 75\% = 180$$

$$\text{Vòng quay hàng tồn kho} = \text{Giá vốn hàng bán} / \text{hàng tồn kho} = 180 / 78 = 2.3$$

$$\text{Vòng quay khoản phải trả} = \text{doanh thu thuần} / \text{khoản phải trả} = 240 / 21 = 11.4$$

Cho thấy vòng quay hàng tồn kho và các khoản phải trả cao hơn so với thực tế, điều đó có nghĩa doanh nghiệp sẽ chiếm dụng nhiều vốn hơn, nên phương án tài chính không chính xác tính lại hàng tồn kho và khoản phải trả

$$\text{Hàng tồn kho} = \text{Giá vốn hàng bán} / \text{vòng quay hàng tồn kho min} = 180 / 4 = 45$$

$$\text{Khoản phải trả} = \text{doanh thu thuần} / \text{vòng quay khoản phải trả min} = 240 / 15 = 16$$

$$\text{Tài sản lưu động (hay nhu cầu vốn lưu động)} = 0.2 + 45 + 16 + 2 + 1 = 64.2$$

$$\text{Hạn mức tín dụng hợp lý} = \text{nhu cầu vốn lưu động} - \text{vốn lưu động ròng} - \text{vốn khác}$$

$$\text{Vốn lưu động ròng} = \text{Vốn chủ sở hữu} + \text{nợ dài hạn} - \text{Tài sản cố định} \\ = 40 + 12.5 - 37.3 = 15.2$$

$$\text{Vốn khác} = 24 + 16 = 40$$

$$\text{Hạn mức tín dụng hợp lý} = 64.2 - 15.2 - 40 = 9$$

$$\text{Hạn mức tín dụng theo quy định của ngân hàng} = \text{nhu cầu vốn lưu động} - \text{vốn chủ sở hữu} - \text{vốn khác}$$

$$\text{Vốn chủ sở hữu} = 10\% \text{ Tài sản lưu động} = 10\% * 64.2 = 6.42$$

$$\text{Hạn mức tín dụng theo quy định của ngân hàng} = 64.2 - 6.42 - 40 = 17.78$$

từ 2 kết quả trên ta có Hạn mức tín dụng mà ngân hàng áp dụng là 9

- Do tài sản đảm bảo sụt giá trị 20% so với ban đầu =  $1050 - 1050 * 20\% = 840 > 740$  (hạn mức tín dụng).

Ngân hàng nhắc nhở chấn chỉnh đối với doanh nghiệp để tìm ra nguyên nhân sửa chữa

- Vì nợ hạn mức tín dụng ngân hàng cấp cho là  $740 > 518$  (giá trị tài sản đảm bảo sụt còn 70% nợ gốc =  $740 - 740 \cdot 0,3\% = 518$ )

DN không trả được nợ, nợ xấu. tìm hiểu nguyên nhân:

+ Khách quan: Có thể cho gia hạn nợ, giảm lãi suất và giảm giá trị các khoản chi trả (tái cơ cấu nợ) để doanh nghiệp vẫn có thể trả nợ và “không bị ném ra kCâu nhà” (nếu dùng nhà để thế chấp cho khoản vay). nhưng yêu cầu khách hàng bổ sung vào tài sản đảm bảo 30% giá trị bị sụt giảm:  $740 - 518 = 222$

Với trường hợp này Ngân hàng sẽ không tiến hành phát mại tài sản đảm bảo vì như thế sẽ lỗ mất 30% giá trị tài sản đảm bảo quay về cách làm trên

Có thể giải kiểu khác.

- Nhu cầu vốn lưu động =  $1200 \cdot 70\% + 100 = 940$  trđồng

- Hạn mức tín dụng = Nhu cầu vốn lưu động – Vốn sở hữu tham gia =  $940 - 200 = 740$  trđồng

Mức cho vay tối đa là  $2100 \cdot 50\% = 1050$  trđồng

Vay hạn mức tín dụng = 740 trđồng

Theo 70% phần nợ còn lại được trả sau khi tiêu thụ xong toàn bộ hàng hóa là phần được tính trả chậm, không thể coi đó là nhu cầu vốn lưu động được, nhu cầu vốn lưu động phải là tổng Chi phí = 1300 và bạn cũng đã bỏ qua chi tiết: vốn khác (vốn doanh nghiệp chiếm dụng) =  $30\% \cdot 1200 = 360$

### **Bài (37).**

Doanh nghiệp A vay mua nông sản, giá trị hợp đồng chưa thuế là 5 tỷ, đặc cọc 10% giá trị hợp đồng. Thời gian thanh toán, thanh toán ngay 70% và thanh toán phần còn lại sau 30 ngày khi nhận hàng. Xin vay 50% tổng chi phí. Phí vận chuyển 200 trđồng, thuế gtgt 10%. Dự kiến sau 90 ngày sẽ thu tiền về là 8,5 tỷ. Tất cả các yếu tố của khách hàng đều đáp ứng yêu cầu nh, vốn tự có tham gia 30%. Bạn giải quyết hồ sơ này như thế nào? Lãi suất vay 12%/năm.

### **Hướng dẫn trả lời:**

### **Bài (38).**

Trong năm 2015, DN A được NH cấp 1 HMTD: 500 trđ. Tháng 3/15 có một số giao dịch như sau:

- Ngày 5/3, rút tiền vay: 198 tr đ
- Ngày 10/3, rút tiền vay: 37 tr đ
- Ngày 18/3, trả nợ: 230 tr đ
- Ngày 25/3, rút tiền vay: 350 tr đ

Hãy tính lãi tiền vay DN A phải trả NH trong tháng 3/15 (theo dư nợ bình quân). Biết dư nợ TK cho vay đầu tháng là 95 trđ. Lãi suất cho vay của NH là 0,95%/tháng.

### **Hướng dẫn trả lời:**

(Lập bảng trong Excel)

### **Bài (39).**

Một khách hàng nhận được khoản tín dụng 100.000 USD với các điều kiện sau:

Vốn vay được rút làm 02 lần, lần đầu rút 50.000 USD, 02 tháng sau rút tiếp 50.000 USD. Sau thời gian sử dụng tiền vay 07 tháng kể từ ngày rút vốn lần 2, khách hàng trả nợ gốc 60.000 USD, số còn lại được trả sau 03 tháng tiếp theo.

- Lãi suất cho vay: 6% năm;

- Phí trả nợ trước hạn: 0,1%/ tháng tính trên số tiền trả nợ trước hạn;

- Phí cam kết: 0,2%/ số tiền vay;
- Thủ tục phí ngân hàng quy định là 0,1% số tiền vay;
- Ngân hàng thu ngay tiền lãi và thủ tục phí;

Yêu cầu: Tính phí suất tín dụng của khoản tín dụng trên theo năm và cho nhận xét?

Biết rằng: Ngay từ lần trả đầu tiên, theo sự đồng ý của ngân hàng, khách hàng đã trả hết nợ.

### Hướng dẫn trả lời:

$$\begin{aligned} \text{Phí suất} &= [(\text{thu nhập NH}) / (\text{số tiền KH thực nhận} \times \text{ki dư nợ BQ})] \times 100\% \\ &= [(50 \times 6\% \times 2/12 + 100 \times 6\% \times 7/12 + 40 \times 3 \times 0.1 + 100 \times (0.2\% + 0.1\%))] / [100 - (50 \times 6\% \times 2/12 + 100 \times 6\% \times 7/12 + 40 \times 6\% \times 3/12 + 100 \times 0.1)] \times ((50 \times 2 + 100 \times 7) / 100) \\ &= \end{aligned}$$

### Bài (40).

Một doanh nghiệp xây dựng có nhu cầu vay theo hạn mức tín dụng trong năm N + 1, gửi bộ hồ sơ vay vốn đến NH A, trong đó có tài liệu sau:

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm N + 1. (Đơn vị: triệu đồng)

1. Kế hoạch giá trị sản lượng năm N + 1 là: 129.621
2. Doanh thu dự kiến năm N + 1 là: 102.000
3. Vòng quay VLD 2 vòng/năm
4. Chi phí:
  - Nguyên nhiên vật liệu 94.623
  - Chi lương 15.554
  - Chi phí máy 3.888
  - Thuế GTGT phải nộp (phong pháp khấu trừ) 6.481
  - Chi phí trực tiếp khác 1.944
  - Chi phí quản lý 2.592
  - Lãi vay vốn 1.440

Yêu cầu: Xác định hạn mức tín dụng năm N + 1 của DN tại NH A, biết rằng VLD ròng và vốn mà doanh nghiệp chiếm dụng, vay mượn được của NH khác năm N + 1 là 40 tỷ đồng.

### Hướng dẫn trả lời:

Dưới đây là cụm công thức PHẢI NHỚ khi làm các BT về tính HMTD

HMTD = Nhu cầu vốn LD - Vốn TC tham gia - Nguồn tham gia khác

Vốn TC tham gia = TSLĐ - Nợ Ngắn hạn

Nhu cầu VLD = Chi phí SXKD / vòng quay vốn LD

Vòng quay vốn LD = DT thuần / TSLĐ BQ

+ Tổng chi phí SXKD := 122.490 triệu đồng, bao gồm:

- Nguyên nhiên vật liệu 94.623 triệu đồng
- Chi lương 15.554 triệu đồng
- Chi phí máy 3.888 triệu đồng
- Thuế GTGT phải nộp (phong pháp khấu trừ) 6.481 triệu đồng
- Chi phí trực tiếp khác 1.944 triệu đồng

Từ Vòng quay VLD : 2 vòng / năm



=> Nhu cầu VLD =  $122.490/2 = 61.245$  đồng

=> HMTD =  $61.245 - 40.000 = 21.245$  đồng

### **Bài (41).**

Trong tháng 9/N công ty gồm sứ X có đề nghị NHTM A cấp một hạn mức tín dụng cho quý IV/N, để đáp ứng các nhu cầu vốn lưu động. Kế hoạch kinh doanh quý IV/N gửi cho ngân hàng có một số nội dung như sau:

Sau khi thẩm định, ngân hàng A đã đồng ý cho vay với lãi suất 0,9%/tháng. Khi thực hiện hạn mức này, vào cuối ngày 30/11/N dư nợ tài khoản cho vay là: 4.647 đồng. Trong tháng 12/N có phát sinh một số nghiệp vụ kinh tế như sau:

Ngày 1/12:

- Xin vay để trả tiền mua men và bột màu: 564 đồng, hạn trả vào 25/12/N.

- Xin vay thanh toán tiền mua thiết bị: 543 đồng, hạn trả vào 27/12/N.

Ngày 10/12:

- Đến hạn trả ngân hàng A theo cam kết trên giấy nhận nợ phát sinh từ tháng trước: 653 đồng

- Xin vay chi thường cho nhân viên: 32 đồng, hạn trả vào tháng 1/N+1.

- Xin vay thanh toán tiền điện sản xuất: 23 đồng, hạn trả trong tháng 1/N+1.

Ngày 15/12:

- Nộp séc bảo chi do công ty G phát hành số tiền: 454 đồng

- Xin vay thanh toán tiền chi quảng cáo: 25 đồng, hạn trả trong tháng 1/N+1.

Ngày 18/12:

- Vay thanh toán tiền mua ô tô chở hàng: 870 đồng, hạn trả trong tháng 1/N+1.

- Xin vay chi lương: 20 đồng, hạn trả trong tháng 1/N+1.

Yêu cầu:

1. Xác định hạn mức tín dụng quý IV/N?

2. Xác định số dư tài khoản cho vay cuối tháng 12/N và lãi tiền vay phải trả trong tháng 12/N?

Biết rằng:

1. Công ty X chỉ có một tài khoản cho vay tại ngân hàng A.

2. Ngân hàng A tự trích tài khoản tiền gửi của công ty X để thu nợ khi đến hạn.

3. Theo dự tính của doanh nghiệp X: Vốn lưu động ròng và các khoản vốn khác được sử dụng trong quý IV/N là 6.045 đồng. Vòng quay vốn lưu động trong năm N là 6 vòng.

4. Giả định Tài khoản tiền gửi của công ty X luôn đủ số dư để thanh toán nợ.

### **Hướng dẫn trả lời:**

-Vay để trả tiền mua men và bột màu: 564 đồng, hạn trả vào 25/12/N => Đồng ý cho vay

+ Ngày 1/12 : dư nợ 5211 đồng ( tồn dư 9 ngày )

-Vay thanh toán tiền mua thiết bị: 543 đồng, hạn trả vào 27/12/N => Từ chối

Lý do: Đây ko thuộc vay VLD mà từ nguồn vay khác

-Trả ngân hàng A theo cam kết trên giấy nhận nợ phát sinh từ tháng trước: 653 đồng => Đồng ý

+ Ngày 10/12 : dư nợ 4581 tr trong 5 ngày

-Vay chi thường cho nhân viên: 32 đồng, hạn trả vào tháng 1/N+1=> Từ chối

-Xin vay thanh toán tiền điện sản xuất: 23 đồng, hạn trả trong tháng 1/N+1 => Đồng ý

-Nộp séc bảo chi do công ty G phát hành số tiền: 454 đồng (=> Ko liên quan)



+Ngày 15/12, dư nợ 4606, số ngày 3  
 -Xin vay thanh toán tiền chi quảng cáo: 25 triệu, hạn trả trong tháng 1/N+1 => Đồng ý  
 +Ngày 18/12, dư nợ 4626 tr, số ngày 7  
 -Vay thanh toán tiền mua ô tô chở hàng: 870 triệu, hạn trả trong tháng 1/N+1 => Từ chối  
 -Vay chi lương: 20 triệu, hạn trả trong tháng 1/N+1 => Đồng ý  
 +Ngày 18/12, dư nợ 4646 tr, số ngày 7  
 + Vòng quay vốn LD theo quý  $6/4 = 1.5$  vòng / quý  
 Tổng chi phí ngắn hạn  
 => nhu cầu VLD = nguồn vốn CSh và nguồn vốn khác tham gia 6.045

HMTD =

Lãi tính theo dư nợ BQ :  $(\text{tổng } (D_i \cdot N_i) \cdot i) / 31$

Lãi tính theo dư nợ thực tế ;

$5211 \cdot 0.9\% \cdot 9 / 30 + 4581 \cdot 0.9\% \cdot 5 / 30 + 4606 \cdot 0.9\% \cdot 3 / 30 + 4626 \cdot 0.9\% \cdot 7 / 30 =$  (Tự tính)

### **Bài (42).**

Một doanh nghiệp dệt may xuất khẩu được NH cho vay theo phương thức CV theo HMTD. Sau khi xem xét kế hoạch vay VLD quý 4/N, NH đã thống nhất một số tài liệu như sau:

- Giá trị vật tư hàng hoá cần mua vào trong quý: 14.895,5 trđ
- Chi phí khác của khách hàng trong quý là: 655 trđ
- Giá trị sản lượng hàng hoá thực hiện: 13.233,5 trđ
- TSLĐ:
  - + Đầu kỳ: 3.720 trđ, trong đó vật t hàng hoá kém phẩm chất chiếm 15%
  - + Cuối kỳ: 4.650 trđ, trong đó dự trữ vật liệu xây dựng cơ bản 250 trđ
- VLD tự có và các nguồn vốn khác dùng vào kinh doanh: 2.730 trđ
- Giá trị TSĐB: 2.812 trđ
- Từ ngày 1/10/N đến hết ngày 26/12/N trên TK cho vay theo HMTD của DN:
  - + Doanh số phát sinh nợ: 4.500 trđ
  - + Doanh số phát sinh có: 3.820 trđ

Trong 5 ngày cuối quý có phát sinh một số nghiệp vụ:

- Ngày 27/12: Vay mua vật tư: 450 trđ
- Thu tiền nhận gia công sản phẩm: 70 trđ
- Ngày 28/12: vay thanh toán tiền điện khu nhà ở của cán bộ công nhân viên: 25 trđ
- Ngày 29/12: Vay thanh toán sửa chữa thường xuyên máy móc thiết bị: 38 trđ
- Thu tiền bán hàng: 458 trđ
- Ngày 30/12: vay mua vật liệu xây dựng cho công trình mở rộng sản xuất: 65 trđ
- Ngày 31/12: Vay mua vật tư: 160 trđ
- Vay thanh toán tiền vận chuyển thiết bị: 20 trđ

Yêu cầu:

Xác định hạn mức tín dụng quý 4/N của doanh nghiệp

Giải quyết các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong 5 ngày cuối tháng

Biết rằng:

Số dư TK cho vay theo HMTD của doanh nghiệp cuối ngày 30/9/N: 560 trđ

DN không phát sinh nợ quá hạn và dư nợ cuối quý là nợ lành mạnh

**Hướng dẫn trả lời:**

**Bài (43).** Ngày 1/4 khách hàng được xét duyệt khoản vay 500 triệu, thời hạn 3 tháng, lãi suất 12%/năm. Ngày 20/5 khách hàng trả trước 250 triệu, Ngày 13/6 khách hàng trả 150 triệu, phần còn lại trả đúng hạn cam kết ngày 1/7. Biết lãi suất cho vay 12%, Hoa hồng phí trả quản lí tiền vay 0,2% số tiền vay (gốc); Thủ tục phí 0,1% số tiền vay (gốc). Ngân hàng thu ngay tiền lãi và thủ tục phí. Hãy tính

1. Dư nợ vay thực tế bình quân.

- |              |                |
|--------------|----------------|
| a. 554 triệu | b. 480,2 triệu |
| c. 465 triệu | d. 451,3 triệu |

2. Thời gian cho vay trung bình.

- |              |              |
|--------------|--------------|
| a. 69,2 ngày | b. 78,3 ngày |
| c. 74,2 ngày | d. 62,5 ngày |

3. Tổng số tiền lãi vay phải trả.

- |                |                |
|----------------|----------------|
| a. 15,85 triệu | b. 16,84 triệu |
| c. 13,65 triệu | d. 14,5 triệu  |

4. Tổng số tiền cho vay thực tế

- |                 |                 |
|-----------------|-----------------|
| a. 451,45 triệu | b. 462,15 triệu |
| c. 485,5 triệu  | d. 435,85 triệu |

5. Phí suất tín dụng của khoản vay.

- |           |           |
|-----------|-----------|
| a. 15,84% | b. 14,18% |
| c. 16,5%  | d. 18,55% |

**Hướng dẫn trả lời:**

**Bài (44).** Ngày 10/10 một khách hàng được xét duyệt khoản vay 800 triệu, có thời hạn ba tháng, lãi suất 15%/năm. Dự kiến trả nợ vay theo ba kì hạn: lần đầu ngày 10/11 là 400 triệu; lần thứ hai vào ngày 10/12 số tiền 300 triệu; còn lại trả hết vào ngày 10/01 năm sau. Biết tiền lãi được thu theo nợ gốc. Tính tiền nợ lãi phải thu theo mỗi kì hạn và vào cuối mỗi tháng.

**Hướng dẫn trả lời:**

**Bài (45).** Căn cứ vào các dữ liệu về nhu cầu vốn luân chuyển bình quân của công ty Y trong kì. Hãy tính nhu cầu vốn vay và mức cho vay. Biết vốn tự có tham gia phải chiếm 20%, vốn huy động khác chiếm 10% nhu cầu vay; Vay các TCTD khác không có.

(đơn vị tính: triệu)

Các chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ kế hoạch
1/ Doanh thu bán hàng thuần	6000	7200
2/ Giá vốn hàng hoá mua vào	3800	5300
<b>3/ Các chỉ tiêu bình quân</b>		
a. Giá trị tồn kho bình quân	900	1200
b. Nợ phải thu bình quân	1400	1600
c. Nợ phải trả bình quân	1300	1500
<b>4/ Các chỉ tiêu khác</b>	60%	62%
-Tỷ lệ bán chịu bình quân	3500	4800
-Tỷ lệ mua chịu bình quân	64%	65%
-Giá vốn hàng bán ra	6000	7200
-Chênh lệch tồn kho cuối/đầu kỳ	300	500

#### Hướng dẫn trả lời:

Mức cho vay vốn luân chuyển tối đa được xác định như sau:

(đơn vị tính: triệu đồng)

Các chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Kỳ kế hoạch	So sánh KH/BC
1/ Doanh thu bán hàng thuần	5.500	7.000	1.500
Trong đó: Doanh thu bán chịu	3.300	3.850	550
2/ Giá vốn hàng hoá mua vào	3.500	4.500	1.000
Trong đó: Hàng hoá mua chịu	2.240	2.790	550
3/ Các chỉ tiêu bình quân			
a. Giá trị tồn kho bình quân	956	1.125	169
b. Nợ phải thu bình quân	1.320	1.560	240
c. Nợ phải trả bình quân	1.170	1.421	251
4/ Các chỉ tiêu thời gian			
- Thời gian dự trữ (=3a x 365/2)	86.45	82.64	(3.81)
- Thời gian thu nợ (=3b x 365/1)	141.94	130.82	(11.12)
- Thời gian trả nợ (=3c x 365/2)	195.11	158.93	(36.18)
- TG thiếu nguồn tài trợ (=4 – 5 + 6)	33.28	54.54	21.25
<b>5/ Nhu cầu VLC bình quân (=1 x 7/365)</b>	547.15	1,075.86	528.71
6/ Vốn tự có tham gia (20%)	109.43	215.17	105.74
7/ Vốn huy động khác (10%)	54.71	107.59	52.87
8/ Vay bổ sung VLC TCTD khác	-	-	-
<b>9/ Nhu cầu vay VLC (=8 – 9 – 10 – 11)</b>	383.00	753.10	370.09

## Chương (6) NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG TRUNG VÀ DÀI HẠN TÀI TRỢ SXKD

### CÂU HỎI ÔN TẬP

1. So sánh khác nhau về mục đích đối tượng giữa cho vay ngắn hạn và dài hạn doanh nghiệp.
2. Trình bày sự khác nhau giữa dự án đầu tư và phương án sản xuất kinh doanh.
3. Nói nguồn trả nợ của các khoản cho vay trung và dài hạn là khấu hao và lợi nhuận đúng không?
4. Ngân hàng có thể cho vay để khách hàng trả lãi trong thời gian ân hạn khi thực hiện đầu tư dự án đầu tư không?
5. Trình bày tổng quát về cho thuê tài chính
6. Tín dụng cho thuê tài chính ít rủi ro hơn cho vay, điều đó đúng không, tại sao?
7. Cho thuê tài chính là hình thức cấp tín dụng bằng tài sản, nhưng tổ chức cho thuê thực sự không muốn bị ràng buộc các tài sản. Hãy nêu những biện pháp các tổ chức cho thuê thường thực hiện.
8. Đặc điểm của tín dụng thuê mua và lợi ích của hình thức tín dụng này.
9. Khi cho thuê do lỗi của người đi thuê buộc công ty cho thuê phải hủy hợp đồng trước hạn. Theo quy định Việt Nam người thuê phải thanh toán hết số tiền thuê còn thiếu và trả lại tài sản cho người cho thuê, anh chị có nhận xét gì không?
10. Trình bày sự khác nhau giữa cho thuê hoạt động và cho thuê tài chính
11. Hãy phân tích so sánh phương thức cho thuê tài chính với phương thức cho vay trả góp và cho vay trung dài hạn . phân tích ưu, nhược điểm of phương thức cho thuê tài chính so với các phương thức cho vay khác dưới 2 góc độ (1) Bên cho thuê, (2) Bên đi thuê ?

### BÀI TẬP THỰC HÀNH

#### Bài (1)

Doanh nghiệp A trong kỳ có các số liệu báo cáo sau: doanh thu thuần 11.000 trong đó giá vốn hàng bán = 80%, thuế lợi tức 20% trong lãi ròng , các chi phí ngoài sản xuất 1.300, tỷ số nợ 60%. Tổng tài sản 10.000 hãy xác định các chỉ tiêu sinh lợi của doanh nghiệp. Điều gì sẽ xảy ra nếu tỷ số nợ giảm xuống một nửa trong khi các số liệu khác không đổi.

#### Hướng dẫn trả lời:

- Lãi gộp =  $11.000(100\% - 80\%) = 2.200$
- Lãi ròng trước thuế =  $2.200 - 1.300 = 900$
- Lãi ròng sau thuế =  $900(100\% - 20\%) = 720$
- Mức sinh lời trên doanh thu =  $720/11.000 = 6,5\%$
- Thu nhập trên tổng tài sản =  $720/10.000 = 7,2\%$
- Thu nhập trên vốn thuần =  $720/(10.000(100\% - 60\%)) = 18\%$
- Nếu mọi số liệu không đổi, tỷ số nợ giảm đi  $\frac{1}{2}$  hay còn  $60\%/2 = 30\%$
- Thì thu nhập trên vốn thuần sẽ giảm đi =  $720/(10.000(100\% - 30\%)) = 10,3\%$

#### Bài (2)

Doanh nghiệp A dự kiến đầu tư vào một dây chuyền công nghệ với số vốn là 1.700 triệu trong đó 1.600 triệu đầu tư Tài sản cố định 100 triệu đầu tư TSLĐ. Vốn được bỏ ra một lần ở năm 0. Doanh nghiệp áp dụng phương pháp khấu hao đều đối với Tài sản cố định. Dự kiến thời gian hoạt động của dây chuyền là 4 năm. Tiền bán Tài sản cố định thanh lý (sau khi trừ chi phí thanh lý) là 100 triệu.

Hàng năm dây chuyền đem lại doanh thu là 1.600 triệu đồng, chi phí biến đổi bằng 60% doanh thu, chi phí cố định (không kể khấu hao, lãi vay, và thuế) là 100 triệu đồng. Thuế suất thuế TNDN là 32%, tỷ lệ chiết khấu là 10%. Doanh nghiệp không phải tính VAT.

Doanh nghiệp thực hiện phương thức tài trợ cho Tài sản cố định bằng 30% vốn chủ sở hữu, 70% vốn vay với thời hạn 4 năm, lãi suất 12%/năm và được trả đều hàng năm vào cuối mỗi năm bắt đầu từ năm thứ nhất. TSLĐ được tài trợ bằng vốn chủ sở hữu.

Hãy tính NPV và IRR của dự án.

Hướng dẫn trả lời

Chi tiêu		1	2	3	4
<b>Kết quả hoạt động SXKD</b>					
Doanh thu		1.600	1.600	1.600	1.700
Chi phí biến đổi		960	960	960	960
Chi phí cố định		100	100	100	100
Khấu hao		400	400	400	400
Lãi vay		134,4	100,8	67,2	33,6
Lợi nhuận trước thuế		5,6	39,2	72,8	206,4
Thuế TNDN		1,792	12,544	23,296	66,05
Lợi nhuận sau thuế		3,81	26,65	49,50	140,35
<b>Cân đối nguồn trả nợ</b>					
khách hàng TSCD		400	400	400	500
Lợi nhuận sau thuế		3,808	26,65	49,50	140,35
		-1.700			
Tổng:	-1700	403,81	426,65	449,50	640,35
NPV	(186,55)	-1.700			
IRR		5%			
Trả nợ vay ngân hàng:		400	400	400	400
Chênh lệch:		3,81	26,65	49,50	240,35
lãi vay		134,40	100,80	67,20	33,60
Dòng vào của dự án	-1700	538,21	527,45	516,70	673,95
		-1700			
		67,02			
IRR		12%			
CF		489,28	435,91	388,21	460,32
		1.773,72			
	<b>NPV</b>	<b>73,72</b>			
	<b>IRR</b>	<b>12%</b>			

Nếu giải theo cách WACC:  $WACC = 0,7 \times 12\%(1 - 32\%) + 0,3 \times 10\% = 8,71\%$

Từ đây tính NPV và IRR.

- Quan điểm tổng đầu tư (TIP)

- Quan điểm của Ngân hàng (EPV)

Giá trị thanh lý =  $100 - (100 - 0) \times 32\% = 68$

### Bài (3)

Công ty A dự định đầu tư 1 dây chuyền sx mới, giá trị 1.200; Biết năm 1 trả 600, năm 2: 450, năm 3: 350. Biết rằng Chi phí nguyên vật liệu và nhân công: 300. dự kiến Doanh thu hàng năm 700 mua về dây chuyền được vận hành ngay, DN khấu hao theo phương pháp đường thẳng sau thời gian hoạt động dây chuyền được khấu hao hết. Thuế TNDN: 28%. Thời gian hoạt động của dây chuyền: 6 năm, sau 6 năm dây chuyền được bán với giá 500, tỷ suất chiết khấu là: 15%/năm. tính NPV?

### Hướng dẫn trả lời:

#### Bài (4)

Công ty A đầu tư dự án sản xuất chế biến thủy sản với tổng vốn đầu tư là 30,6 tỷ đồng. Sau khi xem xét tất cả các yếu tố có liên quan, công ty ước tính dòng tiền ròng thu được là 4,5 tỷ đồng vào năm thứ nhất, 5,4 tỷ đồng vào năm thứ 2; 6,3 tỷ vào năm thứ 3; 5,76 tỷ cho những năm tiếp theo. vòng đời của dự án là 10 năm. Vốn vay bằng 60% tổng mức đầu tư và lãi suất cho vay là 10,5%/năm. Biết chi phí cơ hội của vốn tự có là 13,2%/năm. thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.

- Là nhân viên tín dụng bạn có cho vay không?

- Khi xác định cho vay tính NPV theo quan điểm tổng đầu tư hay chủ đầu tư

- Chi phí cơ hội của vốn tự có ở đây có phải là lãi suất chiết khấu hay không?

- Bài không nói đến khấu hao thì có phải tính không?

Hướng dẫn trả lời

+ Lãi suất chiết khấu có 3 cách tính tương ứng với 3 trường hợp.

- EPV lấy lợi tức yêu cầu vốn chủ sở hữu

- TIP1 lấy chi phí vốn bình quân trước thuế

- TIP2 lấy chi phí vốn bình quân sau thuế

Tính NPV theo quan điểm tổng vốn đầu tư (TIP1 & TIP2) vì Câu đề bài là cán bộ tín dụng có giải quyết cho vay không, tức là đứng trên quan điểm ngân hàng rồi, hay quan điểm tổng vốn đầu tư, chứ không phải quan điểm vốn chủ sở hữu được, có thể tính WACC cũng theo công thức:

$$WACC = (E/V) \times Re + (D/V) \times Rd \times (1 - Tc)$$

Nếu như so sánh với:  $WACC = \%E \times e + \%D \times d$

khác nhau chính là chỗ  $(D/V) \times Rd \times (1 - Tc)$  và  $\%D \times d$

#### Bài (5)

Công ty xây dựng Tràng An hoạt động trong lĩnh vực xây dựng dân dụng. Các hoạt động của doanh nghiệp tập trung vào việc xây dựng những công trình nhỏ trên nhiều địa bàn. Trong năm 2006, doanh nghiệp được ngân hàng TMCP Quân Đội cấp cho một HMTD: 1,2 tỷ đồng, nhằm bổ sung vốn lưu động trong hoạt động xây dựng. Lãi suất cho vay là 0.85%.

Yêu cầu: Hãy cho biết HMTD mà ngân hàng xác định có hợp lý hay không?

Biết rằng: Một số chỉ tiêu tài chính dự tính cho năm 2006:

- Tổng tài sản lưu động của Công ty Tràng An: 5.500 nghìn

- Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn: 1.2
- Hệ số khả năng thanh toán nhanh: 1
- Hệ số khả năng thanh toán tức thì: 0.16
- Hệ số các khoản phải thu/ các khoản phải trả: 1.2

Biết:

1. Công suất thiết kế: 2.200 tấn sp/ năm

2. Vốn đầu tư thiết kế: 40.000 triệu đồng

Vốn đầu tư nhà xưởng: 28.000 triệu đồng

Tổng vốn đầu tư: 68.000 triệu đồng

Chi phí thiết kế và nhà xưởng sản xuất đầu tư 1 lần, vòng đời dự án khấu hao theo thiết bị

Nguồn vốn đầu tư toàn bộ là vốn chủ đầu tư.

1. Chi phí sản xuất biến đổi cho 1 tấn sp: 15 triệu đồng

- Chi phí cố định 1 năm là 4.000 triệu đồng (cp cố định chưa kể khấu hao)

- Khấu hao thiết bị là 5 năm, khấu hao nhà xưởng là 7 năm.

- Doanh thu năm 1 đạt 80% ; năm 2 đạt 85% ; năm 3 đạt 90% ; năm 4 và 5 đạt 100% công suất thiết kế.

- Giá 27 triệu đồng/ tấn

- Thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%

Tính NPV ? với tỷ suất chiết khấu là 10%

Hướng dẫn trả lời:

-Nợ ngân hàng = TSLĐ/Hệ số TT ngắn hạn = 1,2/1,2 = 1 tỷ đồng

-Hàng tồn kho = TSLĐ - (Nợ ngân hàng x Hsố TT nhanh) = 0,2 tỷ đồng

-Tiền mặt = Hệ số TT tức thì x Nợ ngân hàng = 0,16 x 1 = 0,16 tỷ đồng

-Nợ phi ngân hàng = Khoản phải trả = khoản phải trả/1,2

-Khoản phải trả = TSLĐ - TM - hàng tồn kho = 1,2 - 0,16 - 0,2 = 0,84 tỷ đồng

-Nợ phi ngân hàng = 0,84/1,2 = 0,7 tỷ đồng

=>NCV = TSLĐ - vốn lưu động R - Nợ phi ngân hàng = 1,2 - (1,2 - 1) - 0,7 = 0,3 tỷ đồng

Do : NCV < HMTD => HMTD mà ngân hàng cấp cho doanh nghiệp là chưa hợp lý.

### **Bài (6)**

ngày 01/3 doanh nghiệp A vay ngân hàng 600 triệu đồng để lắp đặt dây chuyền (trị giá 1 tỷ, 400 triệu đồng là vốn tự có). thời gian thi công 5 tháng. Rút tiền vay 1 lần. Hiệu quả kinh tế hàng năm thu được là 300 triệu đồng, doanh nghiệp dùng 80% để trả nợ ngân hàng. Khấu hao Tài sản cố định là 10%/năm. doanh nghiệp dùng khấu hao tài sản hình thành từ vốn vay để trả nợ ngân hàng. Nguồn trả nợ khác là 60 triệu đồng một năm. Lãi suất cho vay là 1%/Tháng. Kỳ trả nợ là 6 tháng. Hãy xác định thời hạn cho vay, thời điểm trả nợ cuối cùng, nghĩa vụ trả nợ của doanh nghiệp ở kỳ trả nợ đầu tiên và kỳ trả nợ cuối cùng. Biết rằng lãi vay thi công được phân bổ trả đều trong suốt thời gian trả nợ.

### **Hướng dẫn trả lời:**

- Tiền trả nợ mỗi năm:

+ Khấu hao 600 x 10% = 60 triệu đồng

+ Lợi nhuận 300 x 80% = 240 triệu đồng

+ Khác = 60 triệu

- Thời gian trả nợ =  $600 / (60 + 240 + 60) = 5/3$  năm = 20 tháng

- Thời hạn cho vay = Thời gian cho vay + thời gian thi công = 20 + 5 = **25 tháng**

- Lãi trong thời gian thi công (5 tháng) =  $600 \times 5 \times 1\% = 30$  triệu

Vì lãi thi công phần bỏ trong thời gian trả nợ nên mỗi tháng phải trả là  $30/25 = 1,2$  triệu

- Tổng dư nợ cuối cùng của dự án là  $600 + 30 = 630$  triệu

- Mỗi tháng phải trả nợ + gốc là  $630/25 = 25,2$  triệu

- Vì Kỳ trả nợ là 6 tháng nên 25 tháng = 4 kỳ + 1 tháng

- Do dư 1 tháng nên kỳ đầu sẽ trả là  $25,2 \times 7$  tháng = 176,4 triệu

- 3 kỳ còn lại, mỗi kỳ sẽ trả  $25,2 \times 6$  tháng = 151,2 triệu

### **Bài (7)**

Trước quý 2/2008 Công ty ABC gửi đến NHCT Sài Gòn hồ sơ xin vay vốn cố định để thực hiện dự án mở rộng khu du lịch công ty đang đầu tư. Giá trị dự toán của dự án được ngân hàng chấp nhận như sau:

+ Tổng mức vốn đầu tư và thực hiện dự án gồm:

- Chi phí giải phóng mặt bằng: 180 tỷ đồng

- Chi phí XD CB 300 tỷ đồng

- Chi phí XD CB khác 50 tỷ đồng

- Dự kiến mua trang thiết bị 200 tỷ đồng

- Chi phí vận chuyển 0,4 tỷ đồng

+ Vốn tự có của doanh nghiệp tham gia thực hiện dự án = 30% giá trị dự toán của dự án

+ Lợi nhuận dự kiến doanh nghiệp thu được hằng năm sau khi thực hiện dự án là 5 tỷ. Biết rằng sau khi thực hiện dự án lợi nhuận tăng thêm 50% so với trước đầu tư.

+ Tỷ lệ khấu hao Tài sản cố định hằng năm 15%

+ Các nguồn vốn khác tham gia thực hiện dự án 16,7 tỷ đồng

Yêu cầu:

1- Xác định mức cho vay tối đa đối với dự án

2- Xác định thời hạn cho vay hợp lý với dự án

Biết rằng: Công ty cam kết dùng toàn bộ khấu hao từ được hình thành từ vốn vay và phần lợi nhuận tăng thêm sau khi thực hiện dự án được dùng để trả nợ Ngân hàng.

- Các nguồn khác để trả nợ ngân hàng hàng năm 30,230 tỷ

- Giá trị tài sản thế chấp 780 tỷ

- Khả năng vốn ngân hàng đáp ứng đủ nhu cầu vay

- Quy mô vốn của NHCT thời điểm xét là 4.100 tỷ

- Dự án khởi công ngày 15/07/2008 và đưa vào sử dụng 12 tháng sau ngày khởi công

- Công ty không có nợ với ngân hàng và các TCTD khác

### **Hướng dẫn trả lời:**

#### **1- Mức cho vay**

CP Thực hiện d/án khách hàng = CP giải phóng MB + CP XD CB + CP XD CB khác + Mua TB + CP vận chuyển = 730,4 tỷ

Nhu cầu vay vốn của khách hàng = CPTH dự án (730,4) - CP vận chuyển (0,4) - Vốn chủ sở hữu Tham gia (0,3x730) - Vốn khác (16,7) = 494,3 tỷ



tài sản đảm bảo là 780 tỷ. Giả sử tỷ lệ đảm bảo là 70% (đề bài không cho tỷ lệ đảm bảo) tức 546 tỷ cho vay 494,3 tỷ

## 2- Thời hạn cho vay

Nguồn trả nợ của khách hàng

- Từ 50% Doanh thu tăng thêm: 2,5 tỷ
- Khấu hao Tài sản cố định =  $0,15 \times 494,3 \text{ tỷ} = 74,145 \text{ tỷ}$
- Nguồn trả nợ khác: 30,23 tỷ
- Tổng nguồn trả nợ 1 năm = 106,875 tỷ
- Thời hạn trả hết nợ =  $494,3/106,875 = 4,63 \text{ năm}$
- Khách hàng cần 1 năm để đưa dự án vào hoạt động sinh lợi
- Thời hạn cho vay là 5,63 năm

## Bài (8)

Công ty X đầu tư dự án sản xuất gạch với tổng vốn đầu tư là 32 tỷ đồng ở năm 0. Sau khi xem xét tất cả các yếu tố liên quan, công ty ước tính dòng tiền ròng thu được ở năm thứ nhất là 4,5 tỷ; năm thứ hai là 5 tỷ và từ năm thứ 3 trở đi là 6 tỷ. Vòng đời dự án là 10 năm. Vốn vay = 60% tổng mức đầu tư. Biết tỷ suất lợi nhuận đòi Cầu của vốn chủ sở hữu là 13,2%/năm và lãi suất cho vay là 10,5%/năm. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.

- Tính chỉ phí sử dụng vốn bình quân trọng số của dự án (WACC)
- Là nhân viên tín dụng, bạn đề nghị ngân hàng nên chấp nhận hay từ chối cho vay dự án này? Tại sao?
- Kết quả b thay đổi thế nào nếu tỷ suất lợi nhuận đòi Cầu của vốn chủ sở hữu là 20%.
- Nếu dùng tiêu chuẩn thời gian hoàn vốn của dự án là 7 năm để xem xét thì có nên cho vay không? tỷ suất lợi nhuận vốn chủ sở hữu có tác động tới NPV không?

## Hướng dẫn trả lời:

### Bài (9)

Công ty A dự định mua dây chuyền sản xuất, có 2 phương án lựa chọn:

- Phương án 1: trả ngay vào đầu năm thứ nhất: 2100 triệu VNĐ
- Phương án 2: trả vào đầu năm thứ 1: 1050 triệu, đầu năm thứ 2: 620 triệu VNĐ, đầu năm thứ 3: 550 triệu VNĐ

Biết: CP NVL và nhân công hàng năm: 300 triệu VNĐ; Dự kiến Doanh thu hàng năm: 860 triệu VNĐ. Sau khi mua về dây chuyền được đưa vào vận hành ngay. doanh nghiệp trích khách hàng theo Phương pháp đường thẳng. Sau thời gian hợp đồng dây chuyền được khấu hao hết. Thuế TNDN là 25%. Thời gian hoạt động của dây chuyền là 6 năm (dây chuyền sẽ được khấu hao hết giá trị), sau 6 năm dây chuyền bán đi với giá 500 triệu VNĐ Tỷ suất chiết khấu 12%/năm).

Yêu cầu:

- Theo Bạn doanh nghiệp nên lựa chọn Phương án nào ?

## Hướng dẫn trả lời:

- Tính NPV của Phương án lựa chọn 1, cùng là phương án sản xuất như vậy, phương án nào cho giá trị hiện tại của khoản tiền ban đầu chi ra thấp hơn thì chọn phương án đó:
  - + Phương án 1: Chi phí hiện tại là: 2100 triệu

+ Phương án 2: CP hiện tại:  $1050/1,12 + 620/1,12^2 + 550/1,12^3 = 1823,23934$  triệu

Nhận định, chọn Phương án 2

2, Để tính NPV, kẻ bảng ra, mô tả các cột: Năm, Doanh thu, Chi phí, vốn đầu tư, Khấu hao, lợi nhuận trước thuế, Thuế, lợi nhuận số tiền, Thanh lý, Dòng tiền.

Năm: 0,1,2,3,4,5,6

- Doanh thu: ghi từ năm 1: mỗi năm 860

- Chi phí: - chi phí NVL + NC : Từ năm 1, mỗi năm 300

- Vốn đầu tư: N1: 1050, N2: 620, N3: 550, các năm còn lại ghi 0

- Khấu hao: từ năm 1, 350 hàng năm ( $2100/6$ )

- Lntt = DT - CP - khách hàng

- Thuế = 25% lợi nhuận trước thuế

- Lợi nhuận sau thuế = lợi nhuận trước thuế - Thuế

- Thanh lý: ghi vào năm thứ 6: 500

Dòng tiền = thanh lý + lợi nhuận sau thuế + lãi trả (không có) + khấu hao - vốn đầu tư ban đầu ra dòng tiền. Sau đó tính NPV như thường, chiết khấu 12%.

- Dòng tiền thuần vận hành hàng năm =  $(DT - CF) \times (1 - t\%) + \text{khách hàng} \times t\%$

- Dòng tiền thuần vận hành hàng năm =  $(860 - 300) \times (1 - 0,25) + 350 \times 0,25 = 507,5$

- Thu nhập sau thuế của việc bán máy ở năm cuối:  $500 \times 0,75 = 375$

+ Giá trị hiện tại của các khoản thu nhập trong tương lai là:

$507,5 \times PVFA(12\%, 6) + 375 \times PVF(12\%, 6) = 2276,5$

+ Phương án 1: NPV =  $2276,5 - 2100 = 176,5$

+ Phương án 2: NPV =  $2276,5 - 1050 - 620 \times PVF(12\%, 1) - 550 \times PVF(12\%, 2) = 234,5$

Nhận định, do NPV 2 > NPV 1 nên ta chọn Phương án 2. Đây là dạng bài đầu tư dài hạn của doanh nghiệp nên thông thường người ta căn cứ theo 2 chỉ tiêu là NPV và IRR để xét. Tuy nhiên NPV vẫn là phương pháp đánh giá hiệu quả hơn.

a) Lựa chọn Phương án?

Phương án 1: + Trả luôn 2100 triệu

Phương án 2: + Năm 1 trả: 1050 triệu

+ Năm 2 trả: 620 triệu

+ Năm 3 trả: 550 triệu

- Số tiền 620 triệu trả đầu năm thứ 2 quy về hiện tại là:  $620 / 1,12$

- Số tiền 550 triệu trả đầu năm thứ 3 quy về hiện tại là:  $550 / 1,12^2$

- Số tiền thực tế mà Phương án 2 phải trả (quy về hiện tại)  $2042 < 2100$

Phương án được lựa chọn là Phương án 2.

b) NCF = (Doanh thu - chi phí - khấu hao + thanh lý) x (1 - Thuế) + khấu hao

Áp dụng từng năm ta sẽ thu được dòng tiền của năm đó

Năm 1->5: NCF =  $(860 - 300 - 350) \times (1 - 0,25\%) + 350 = 507,5$

Năm 6: NCF =  $(860 - 300 - 350 + 500) \times (1 - 0,25\%) + 350 = 882,5$

Suy ra NPV =  $507,5 \times (1,12^{-1} + 1,12^{-2} + 1,12^{-3} + 1,12^{-4} + 1,12^{-5}) +$

$882,5 \times 1,12^{-6} - 2042 = 234,5$

Hoặc tính nhanh:  $507,5 \times [(1 - 1,12^{-5})/0,12] + 882,5 \times 1,12^{-6} - 2042 = 234,5$

### Bài (10)

Cho dự án mua dây chuyền sx, công ty có 2 phương thức thanh toán:

- Phương án 1: trả ngay đầu năm nhất 1200.
- Phương án 2: đầu năm nhất trả 600, đầu năm 2 trả 450 và đầu năm 3 trả 350

Dự án được tiến hành trong 6 năm, khấu hao theo đường thẳng, công ty tính toán được:

- Doanh thu hàng năm là 700
- Chi phí nhân công và quản lý là 300, cuối năm thứ 6 thu thanh lý được 500
- Lãi suất chiết khấu 15%
- Thuế thu nhập là 28%

Yêu cầu:

- 1, Công ty nên chọn phương án mua nào? tại sao?
- 2, Tính NPV của phương án chọn lựa? có nên thực hiện dự án k

#### Hướng dẫn trả lời:

- Thứ nhất: luồng tiền chi tiêu vốn đầu tư được xác định 1200
- Khấu hao hằng năm là  $1200/6 = 200$
- Giá trị thu hồi sau thuế là  $500 \times (1 - 28\%) = 360$

$$OCF = (\text{Doanh thu} - \text{Chi phí})(1 - T) + \text{Khấu hao} \times T = (700 - 300)(1 - 28\%) + 200 \times 28\% = 344$$

#### Phương án 1:

	0	1	2	3	4	5	6
OCF		OCF	OCF	OCF	OCF	OCF	OCF
Chi tiêu vốn	-1200						
Thay đổi vốn lưu động ròng							360
Tổng luồng tiền	-1200	OCF	OCF	OCF	OCF	OCF	360 + OCF
Tổng luồng tiền/ (1+r). T		299,13	260,11	226,19	196,68	171,03	304,36

Với  $T = 28\%$  và  $r = 15\%$  ta có

$$NPV1 = - 1200 + 299,13 + 260,11 + 226,19 + 196,68 + 171,03 + 304,36 = 257,5$$

#### Phương án 2:

	0	1	2	3	4	5	6
OCF		OCF	OCF	OCF	OCF	OCF	OCF
Chi tiêu vốn	-600	-450	-350				
Thay đổi vốn lưu động ròng							360
Tổng luồng tiền	-600	OCF-450	OCF-350	OCF	OCF	OCF	360+ OCF
Tổng luồng tiền/ (1+r). T		-80,15	-3,95	226,19	196,68	171,03	304,36

$$NPV2 = - 600 - 80,15 - 3,95 + 226,19 + 196,68 + 171,03 + 304,36 = 214,16$$

Kết luận như sau:

- Chọn phương án 1 vì có NPV1 > NPV2
- NPV1 = 257,5 > 0 nên có thể thực hiện dự án

### Bài (11)

Doanh nghiệp A dự kiến đầu tư vào một dây chuyền công nghệ với số vốn là 1700 triệu trong đó 1600 triệu đầu tư Tài sản cố định 100 triệu đầu tư Tài sản lưu động. Vốn được bỏ ra một lần ở năm 0. Doanh nghiệp áp dụng phương pháp khấu hao đều đối với Tài sản cố định. Dự kiến thời gian hoạt động của dây chuyền là 4 năm. Tiền bán Tài sản cố định thanh lý (sau khi trừ chi phí thanh lý) là 100 triệu. Hàng năm dây chuyền đem lại doanh thu là 1.600 triệu, chi phí biến đổi bằng 60% doanh thu, chi phí cố định (không kể khấu hao, lãi vay, và thuế) là 100 triệu. Thuế suất thuế TNDN là 32%, tỷ lệ chiết khấu là 10%. Doanh nghiệp không phải tính VAT.

Doanh nghiệp thực hiện phương thức tài trợ cho Tài sản cố định bằng 30% vốn chủ sở hữu, 70% vốn vay với thời hạn 4 năm, lãi suất 12%/năm và được trả đều hàng năm vào cuối mỗi năm bắt đầu từ năm thứ nhất. Tài sản lưu động được tài trợ bằng vốn chủ sở hữu.

Hãy tính NPV và IRR của dự án.

### Hướng dẫn trả lời:

Chỉ tiêu		1	2	3	4
Kết quả hoạt động SXKD					
Doanh thu		1600	1600	1600	1700
Chi phí biến đổi		960	960	960	960
Chi phí cố định		100	100	100	100
Khấu hao		400	400	400	400
Lãi vay		134,4	100,8	67,2	33,6
Lợi nhuận trước thuế		5,6	39,2	72,8	206,4
Thuế TNDN		1,792	12,544	23,296	66,048
Lợi nhuận sau thuế		3,808	26,656	49,504	140,352
<b>Cân đối nguồn trả nợ</b>					
khách hàng TSCD		400	400	400	500
Lợi nhuận sau thuế		3,808	26,656	49,504	140,352
		-1700			
Tổng:	-1700	403,808	426,656	449,504	640,352
NPV	(\$186,55)	-1700			
IRR		5%			
Trả nợ vay ngân hàng:		400	400	400	400
Chênh lệch:		3,808	26,656	49,504	240,352
lãi vay		134,4	100,8	67,2	33,6
Dòng vào của dự án	-1700	538,208	527,456	516,704	673,952
		-1700			
		\$67,02			
IRR		12%			

CF		489,28	435,914	3,882,074	4,603,183
		17,737,197			
	<b>NPV</b>	<b>73,719,697</b>			
	<b>IRR</b>	12%			

Nếu giải theo cách WACC

$$WACC = 0,7 \times 12\% \times (1 - 32\%) + 0,3 \times 10\% = 8,71\%$$

Từ đây tính NPV và IRR.

- Quan điểm tổng đầu tư (TIP)

- Quan điểm của Ngân hàng (EPV) cũng chính là cái mình được dạy,

$$\text{Giá trị thanh lý} = 100 - (100 - 0) \times 32\% = 68$$

### **Bài (12)**

Công ty A dự định đầu tư 1 dây chuyền sx mới, giá trị 1.200; Biết năm 1 trả 600, năm 2: 450, năm 3: 350. Biết rằng Chi phí nguyên vật liệu và nhân công: 300. dự kiến Doanh thu hàng năm 700 mua về dây chuyền được vận hành ngay, DN khấu hao theo phương pháp đường thẳng sau thời gian hoạt động dây chuyền được khấu hao hết. Thuế TNDN: 28%. Thời gian hoạt động của dây chuyền: 6 năm, sau 6 năm dây chuyền được bán với giá 500, tỷ suất chiết khấu là: 15%/năm. tính NPV?

Công ty A đầu tư dự án sản xuất chế biến thủy sản với tổng vốn đầu tư là 30,6 tỷ đồng. Sau khi xem xét tất cả các yếu tố có liên quan, công ty ước tính dòng tiền ròng thu được là 4,5 tỷ đồng vào năm thứ nhất, 5,4 tỷ đồng vào năm thứ 2; 6,3 tỷ vào năm thứ 3; 5,76 tỷ cho những năm tiếp theo. vòng đời của dự án là 10 năm. Vốn vay bằng 60% tổng mức đầu tư và lãi suất cho vay là 10,5%/năm. Biết chi phí cơ hội của vốn tự có là 13,2%/năm. thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.

Là nhân viên tín dụng bạn có cho vay không?

- Khi xác định cho vay tính NPV theo quan điểm tổng đầu tư hay chủ đầu tư
- Chi phí cơ hội của vốn tự có ở đây có phải là lãi suất chiết khấu hay không?
- Bài không nói đến khấu hao thì có phải tính không?

### **Hướng dẫn trả lời:**

+ Lãi suất chiết khấu có 3 cách tính tương ứng với 3 trường hợp.

- EPV lấy lợi tức yêu cầu vốn chủ sở hữu
- TIP1 lấy chi phí vốn bình quân trước thuế
- TIP2 lấy chi phí vốn bình quân sau thuế

Tính NPV theo quan điểm tổng vốn đầu tư (TIP1 & TIP2) vì Câu đề bài là cán bộ tín dụng có giải quyết cho vay không, tức là đứng trên quan điểm ngân hàng rồi, hay quan điểm tổng vốn đầu tư, chứ không phải quan điểm vốn chủ sở hữu được, có thể tính WACC cũng theo công thức:

$$WACC = (E/V) \times RE + (D/V) \times RD \times (1-TC)$$

Nếu như so sánh với:  $WACC = \%E \times e + \%D \times d$

khác nhau chính là chỗ  $(D/V) \times RD \times (1-TC)$  và  $\%D \times d$

### **Bài (13)**

Công ty A là công ty con trực thuộc Tập đoàn TKS VN, đang thực hiện 1 dự án đầu tư. Công ty đã tự bỏ vốn ra để thực hiện dự án. Tuy nhiên, Công ty lại có nhu cầu muốn vay vốn ngân hàng X với mục đích bù đắp số vốn đã bỏ ra để thực hiện dự án. Theo bạn mục đích vay vốn như vậy có hợp pháp không, và liệu ngân hàng có chấp nhận cho vay không? Tài sản lưu động: bao gồm? ngân hàng có nên cho vay dự án này hay không?

### **Hướng dẫn trả lời:**

## **Chương (7) NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG TIÊU DÙNG VÀ HỘ SXKD**

### **CÂU HỎI ÔN TẬP**

1. Vì sao chi phí cho vay hộ gia đình lại cao.
2. Lợi ích của HĐTD ba bên trong phương thức cho vay trực tiếp hộ nông dân.
3. Phân tích tính đặc thù trong phân tích tín dụng khi cho vay hộ nông dân.
4. Phân biệt sự khác nhau về đối tượng cấp tín dụng và nguồn trả nợ ngắn hạn giữa cho vay tiêu dùng và cho vay sản xuất kinh doanh? Tại sao nói lãi suất là yếu tố không nhạy cảm với nhu cầu vay tiêu dùng?
5. Phân tích cho vay bán trực tiếp trong cho vay hộ nông dân
6. Cơ sở để xây dựng định mức cho vay hộ nông dân
7. Phân tích phương pháp cho vay trực tiếp trong cho vay hộ nông dân
8. Phân tích tính đặc thù khi thẩm định tín dụng trong cho vay hộ nông dân
9. Hiện nay trong thời gian ân hạn ngân hàng khi tính lãi vay nhưng không nhập gốc. Nếu bạn nhập gốc, bạn phải giải thích như thế nào với khách hàng.

### **BÀI TẬP THỰC HÀNH**

#### **Bài (1).**

Hai khách hàng tuổi trên 50 đang làm việc có tình hình tài chính như sau: (đồng)

- Lương tháng chồng 1.800.000
- Lương tháng vợ 590.000
- Giá trị căn nhà cùng sở hữu 250.000.000
- Các khoản đầu tư 8,5 trđ (trong đó: TP 2, chứng chỉ TG 5, sổ tiết kiệm 1,5)

Biết Chồng sẽ bị công ty cho nghỉ hưu trước hạn, lương hưu mỗi tháng theo chế độ 400.000. Vợ cũng dự định sẽ nghỉ hưu với trợ cấp thôi việc một lần không đáng kể. Họ dự tính mua một quán Bar kinh doanh, bằng cách bán nhà phần thiếu đi vay ngân hàng. Giá trị quán Bar định mua khoảng 350.000.000 đ. Kết quả kinh doanh hiện tại của chủ bar là

- Doanh thu 90.000.000
- Giá vốn hàng bán 72.000.000
- Lợi nhuận gộp 18.000.000
- Chi phí phục vụ quản lý 9.800.000 lợi nhuận ròng 8.200.000.
- Họ dự tính sẽ tăng doanh thu lên 10%.

Yêu cầu: là nhân viên ngân hàng tiếp nhận hồ sơ xin vay của họ, hãy

- 1/ Xác định số tiền họ cần vay.
- 2/ Ước tính khả năng trả nợ của họ.

Biết rằng:

- Chi phí chuyển quyền sở hữu bất động sản là 5% trên giá trị tài sản, do bên mua trả.
- Hàng tồn kho bình quân của quán là 30.000.000 đ, trong đó 30% là mua chịu.
- Khách hàng của quán rất ít khi mua chịu.
- Thuế đóng hàng tháng là chi phí cố định nằm trong chi phí phục vụ quản lý.
- Lương của hai vợ chồng đủ chi tiêu hàng tháng.

**Hướng dẫn trả lời:**

**Bài (2)**

Gia đình ông A nuôi heo nái. Sau khi thẩm định CBTD ghi nhận được một số dữ liệu sau: chuyên trồng lúa và đủ ăn, có QSDĐ là 1 ha. Ông A là lao động chính, vợ nội trợ. Phương án vay có hiệu quả, dự định nuôi heo ở khoảng đất sau nhà nhưng chưa có chuồng trại, đã vay ngân hàng mua phân bón cho lúa 1 trđ. Theo bạn CBTD có cho vay không? Vì sao?

**Hướng dẫn trả lời:**

- Có thể cho vay ngắn hạn nhưng hộ phải có chuồng trại và tự lo 1 phần thức ăn.
- Có thể cho vay trung và dài hạn bao gồm cả chuồng trại, giống và thức ăn.

**Bài (3).**

Từ phương án vay vốn của hộ X có các số liệu sau:

- Tổng chi phí cho vụ hè thu là 3.600.000
- Vốn tự có (ruộng 1 ha, công cấy bừa, chăm sóc, thu hoạch, phân chuồng): 2.400.000
- Vay ngân hàng (chi phí thủy lợi, lúa giống, phân, thuốc BVTV): 1.200.000

Hãy cho nhận xét về nhu cầu vay của hộ. Biết theo định mức vay vốn thì mức vay chiếm 30% trong tổng doanh số thu, sản lượng dự kiến 5,2 tấn/ha, giá bán 1,2 trđ/tấn

**Hướng dẫn trả lời:**

Các chi phí là chấp nhận được, trừ phí thủy lợi chưa rõ là phí nội đồng hay tưới tiêu:

Nhu cầu vay < định mức cho vay :  $1.200.000 < (5,2 \times 1.200.000 \times 0,3)$

**Bài (4)**

Biết doanh thu thuần trong năm 1.000 trong đó giá vốn hàng bán 80%, số dư tồn kho đầu năm 300, cuối năm 340, số dư nợ phải thu đầu năm 180 cuối năm 220. Hãy xác định thời hạn vay tối đa trong các trường hợp

- Cho vay đối tượng nợ phải thu
- Cho vay đối tượng hàng tồn kho

**Hướng dẫn trả lời:**

Tính kỳ thu nợ bình quân để xác định thời hạn cho vay tối đa

$$\text{Kỳ thu nợ bình quân} = \frac{\left[ \frac{(180 + 220)}{2} \right] \times 360}{1.000} = 72 \text{ ngày}$$

$$= \frac{\left[ \frac{(300 + 340)}{2} \right] \times 360}{1.000 \times 80\%} = 144 \text{ ngày}$$

-Thời gian lưu kho bình quân

=>Đây cũng là thời gian cho vay tối đa.

### Hướng dẫn trả lời:

#### Bài (5)

Định mức cho vay nuôi tôm nước lợ là 10 trđ/ha mặt nước, thời hạn tối đa là 18 tháng. Gia đình ông A dự kiến vay để bổ sung tôm giống bị hao hụt. Dự kiến trong ba tháng tới sẽ thu hoạch đợt đầu là 7 tạ, đợt 2 15 tạ, giá bán 5,6 trđ/tạ. Bạn sẽ cho vay như thế nào, tại sao:

- 20 trđ với 18 tháng;

- 50 trđ với thời hạn 4 tháng;

Biết diện tích mặt nước nuôi là 2 ha và chưa vay ngân hàng.

### Hướng dẫn trả lời:

- Phương án 1, chọn cho vay 20 trđ với thời hạn 18 tháng.

Vì trong HMTD và có thể rút ngắn thời hạn do hộ đã đầu tư trước đó, ngoài ra không đảm bảo tín dụng

- Phương án 2, cho vay 50 trđ, thời hạn cho vay 4 tháng. Nhưng khi giá tôm giống dự kiến sẽ tăng lên và ông A phải có sẵn tài sản đảm bảo. Vì mức vay quá lớn vượt định mức.

#### Bài (6)

Một khách hàng xin vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, biết tài sản đảm bảo nợ vay là ngôi nhà trị giá 150 trđ. Hãy tiến hành các thủ tục xét duyệt cần thiết khi cấp tiền vay

### Hướng dẫn trả lời:

#### Bài (7)

Ong A đề nghị vay tiêu dùng với 1 tài sản trị giá 100 trđ, vốn tự có tham gia là 30%, thời gian đề nghị vay là 2 năm. Ngân hàng tiến hành thẩm định bằng phương pháp phán đoán và chấp nhận các yếu tố trong đề nghị vay. Trong hợp đồng tín dụng có thêm yếu tố : định kỳ thu nợ theo tháng, số tiền trả mỗi kỳ tính theo phương pháp gộp, lãi suất 8% năm

- Phân tích ưu điểm của phương pháp phán đoán trong tín dụng tiêu dùng, mà phương pháp điểm số không có được.

- Tính số tiền trả nợ từng định kỳ.

- Tính lãi suất hiệu dụng

### Hướng dẫn trả lời:

1-Phương pháp phán đoán: là quá trình phân tích và đánh giá tất cả thông tin định tính và định lượng về khách hàng nhằm hạn chế bớt các khoản vay nhiều rủi ro, có thể đánh giá tư cách khách hàng về khả năng trả nợ, điều kiện kinh tế hiện tại, những bảo đảm cần tuân thủ nội dung chính sách cho vay của ngân hàng, có thể khắc phục được những thông tin có tính chủ quan về khách hàng như thái độ, diện mạo, khả năng quan hệ với ngân hàng trong tương lai,.. đặc biệt có thể tiếp xúc các khách hàng có hoàn cảnh cá biệt.

2- Số tiền trả nợ từng kỳ

-Nhu cầu vay:  $100 - 30 = 70$  trđ

-Thời hạn vay 24 tháng

-Số tiền gốc phải trả theo định kỳ:  $70/24 = 2,916$  trđ



- Tổng lãi phải trả theo phương pháp gộp:  $70 \times 24 \times 8\% = 11,2$  triệu đồng

- Lãi phải trả theo định kỳ:  $11,2/24$  tháng = 0,466 triệu đồng

- Số tiền phải trả hàng tháng:  $2,916 + 0,466 = 3,383$  triệu đồng

$$\Rightarrow \text{Lãi suất hiệu dụng} = \frac{2 \times m \times L}{V \times (n+1)} = \frac{2 \times 12 \times 11,2}{70 \times (24+1)} = 15,36\%$$

### **Bài (8)**

Tại NHTM trong ngày có các nhu cầu sau

- Ông A đề nghị được thanh toán tiền điện, nước, đóng bảo hiểm,... hàng tháng từ thu nhập.

- Bà B muốn chuyển tiền về quê cho người thân

- Doanh nghiệp thương mại C là khách hàng quen đang mở TKGD, có nhu cầu vay vốn bổ sung thời gian 1 năm

- Khách hàng D cần vay tiền để sửa chữa nhà, hiện đang nắm giữ một số chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu ngân hàng chưa đáo hạn

- Ông E là viên chức nhà nước có thu nhập ổn định thường xuyên, đang mở tài khoản sử dụng ATM có nhu cầu tín dụng đáp ứng mục đích chi tiêu cá nhân

- Doanh nghiệp G mới đi vào hoạt động cần vốn để thực hiện 1 đơn đặt hàng trong vòng 8 tháng.

Bạn hãy tư vấn cho khách hàng lựa chọn các sản phẩm thích hợp, mỗi trường hợp ít nhất 1 sản phẩm. Đối với khách hàng là doanh nghiệp C và G cần thêm những điều kiện gì?

### **Hướng dẫn trả lời**

1/ Tư vấn lựa chọn

- Mở tài khoản cá nhân

- Chuyển tiền điện tử

- Cho vay HMTD

- Cho vay cầm cố GTCC

- Cho vay tín chấp

- Cho vay từng lần ngắn hạn

2/ Điều kiện đối với doanh nghiệp C

- Báo cáo tài chính, giấy đề nghị vay vốn

- Phương án sản xuất kinh doanh

3/ Điều kiện đối với doanh nghiệp G

Bộ hồ sơ phải đủ gồm 2 đơn xin vay, giấy tờ pháp lý, phương án SXKD, giấy chứng minh quyền sở hữu

### **Bài (9)**

Công ty X gửi hồ sơ xin vay 55 tỷ đồng vốn lưu động với thời hạn 5 tháng, để thực hiện phương án thu mua chế biến hạt điều. Sau khi thẩm định ngân hàng xác định các số liệu như sau.

- Dự kiến Hạt điều thô mua từ nông trại Y là 11.000 tấn, giá thu mua 6,5 triệu/tấn.
- Chi phí vận chuyển 70.000 đ/tấn.
- Chi phí chế biến bảo quản đóng gói, bán hàng 500.000 đ/tấn.
- Vốn chủ sở hữu tham gia và phương án theo yêu cầu của NH là 30%.
- Thời gian thu hồi vốn của phương án là 4 tháng.
- Giá trị TSTC là 75 tỷ đồng, NH cho vay tối đa 70%.

- Các thủ tục giấy tờ liên quan đến phương án kinh doanh và DN đều ổn thỏa.

+Sau khi xem xét thông tin, NH xác định HMTD và thời hạn cho vay của KH như sau:

- Nhu cầu vay vốn của phương án:  $(6.500.000+70.000+500.000) \times 11.000 \times 70\% = 54,439$  tỷ đồng.
- Mức cho vay tối đa so với TSĐB:  $75 \text{ tỷ} \times 70\% = 52,5$  tỷ đồng.
- NH dự kiến phương án thu hồi vốn chỉ trong vòng bốn tháng, nên không cho vay 5 tháng.

Yêu cầu: Hãy nêu những lý lẽ khả dĩ để thuyết phục NH chấp nhận yêu cầu của KH.

### Hướng dẫn trả lời:

#### Bài (10)

Có 1 khách hàng đến mua hàng trả góp tại 1 cửa hàng trị giá 30 triệu, trả trước 10 triệu. Còn lại trả góp trong 10 kỳ liên tiếp với lãi suất 1%/tháng/kỳ. Sau khi trả góp được 6 kỳ liên tiếp khách hàng muốn trả góp làm 2 kỳ liên tiếp thay vì còn 4 kỳ như trước đây.

Yêu cầu:

- 1- Nêu phương án được chấp nhận. Tính số tiền trả góp của 1 kỳ trong 2 kỳ cuối theo phương án trả góp mới.
- 2- Bằng phương pháp giá trị hiện tại, hãy đánh giá và so sánh lựa chọn dự án đầu tư thiết bị chuyển mạch về phương diện tài chính, biết rằng  $r = 10\%$ , các thông số khác trong bảng:

Thông số	Dự án 1	Dự án 2	Dự án 3
1. Tổng vốn đầu tư ban đầu ( tr USD)	1.4	1.2	1.6
2. Khoản thu hàng năm ( tr USD)	1.0	1.0	1.2
3. Khoản chi phí hàng năm ( tr USD)	0.8	0.6	1.0
4. Giá trị còn lại ( tr USD)	0.8	0.7	0.9
5. Thời gian hoạt động (năm)	6	4	3

### Hướng dẫn trả lời:

Để làm được bài này chúng ta nên vẽ sơ đồ dòng tiền ra sau đó tính NPV của 3 dự án.

NPV chính là Tổng các khoản thu (quy về hiện tại) - Tổng chi phí (quy về hiện tại)

kết quả như sau

$$NPV1 = -1,06$$

$$NPV2 = 0,178$$

$$NPV3 = -1,13$$

Vậy nên chọn dự án thứ 2

Như đã biết, đích mà Doanh nghiệp cần hướng tới khi thực hiện dự án là làm gia tăng giá trị doanh nghiệp, và chỉ tiêu NPV là chỉ tiêu phản ánh giá trị mà dự án làm gia tăng (giảm đi) cho doanh nghiệp. Nhưng nhược điểm lớn nhất của NPV là không thể so sánh các dự án có thời hạn khác nhau và vốn đầu tư khác nhau được. Và thường người ta dùng chỉ tiêu EA để so sánh.

Cách tính:

$$NPV = EA/(1+r) + EA/(1+r).2 + \dots + EA/(1+r).n = EA[1/(1+r)+1/(1+r).2+\dots+1/(1+r).n] = EA * PVFA$$

$$\Rightarrow EA = NPV / PVFA \text{ với } PVFA = [1-(1+r).(-n)]/r$$

Thật ra đối với bài này có thể dùng ngang lúc tính NPV là được rồi vì 2 dự án kia có NPV âm rồi ta có thể biện luận sẽ dẫn đến chỉ có EA dự án 2 mới dương thôi nên chọn dự án 2. Tuy nhiên để làm rõ vấn đề và hiểu sâu thêm nếu gặp trường hợp cả 3 NPV đều dương nên mình giải chi tiết như vậy.

### **Bài (11)**

Ngân Hàng A cho Ông B vay tiêu dùng số tiền 5 tỷ, lãi suất vay 18%/năm, yêu cầu trả trong 10 năm, 6 tháng trả 1 lần, cuối kỳ, số tiền ngân hàng A phải thu nợ cuối mỗi năm là:

a, 0.5488

b, 0.5477

c, 0.5499

Tính vòng quay vốn tín dụng và hệ số thu nợ?

#### **Hướng dẫn trả lời:**

Dùng công thức trả nợ theo niên khoản  $V = a (1 - (1 + \text{lãi suất})^{-n}) / \text{lãi suất}$  với a là số tiền trả từng kỳ hạn, V là 5 tỷ 0.5477.

Áp dụng công thức tính:  $PV = (A/r) / (1 - (1+r)^{-n})$

$PV = 5, r = 0.09, n = 20$ . thay vào rồi tính

Cách vòng quay vốn tín dụng và hệ số thu nợ?

Nâng cao hiệu quả tín dụng, có phân tích 2 chỉ tiêu vòng quay vốn tín dụng và hệ số thu nợ.

Vòng quay vốn tín dụng = Doanh số thu nợ / Dư nợ bình quân

Hệ số thu nợ = Doanh số thu nợ / Doanh số cho vay

Hai chỉ số này chỉ khác nhau cái mẫu số.

- Dư nợ bình quân: là số tiền bình quân mà ngân hàng cho khách hàng vay tính tại 1 thời điểm.

- Doanh số cho vay: là số tiền ngân hàng cho vay tính tại 1 thời kì.

### **Bài (12)**

Ngày 14/08/2007, Khách hàng An vay vốn để mua chung cư, tính mức vay tối đa:

- Giá mua chung cư: 850 triệu

- Vốn tự có của bà An: 400 triệu

- Thu nhập hàng tháng: 40 triệu/ tháng (Bà An là chuyên viên cao cấp của ngân hàng ...). Hợp đồng làm việc của bà An đến ngày: 30/09/2008

a. 450 triệu

b. 420 triệu

c. 390 triệu

d. 300 triệu

#### **Hướng dẫn trả lời:**

1. Thu nhập là nguồn trả nợ chính nhưng phải chừa cho khách hàng tiền sinh hoạt chứ. Phải là thu nhập ròng thì mới có cơ sở tính toán.

2. Yếu tố cho vay phải đảm bảo khách hàng trả nợ đầy đủ bao gồm gốc và lãi vay. Vậy thì lãi suất vay là bao nhiêu?

3. Thời gian lao động ngắn vậy thì chỉ có nước tập trung thu nợ trong thời gian còn hiệu lực lao động. Dù khách hàng này có năng lực nhưng ai biết tham vọng về thu nhập của khách hàng như thế nào khi hết hd lao động.

### **Bài (13)**

Một khách hàng vay ngân hàng A 1 khoản tiền 200 triệu, thời hạn 6 tháng, lãi suất 1%/tháng. Kế hoạch vay vốn và trả nợ gốc như sau:

Ngày 5/3 rút 80 triệu;

Ngày 10/4 rút 90 triệu;

Ngày 3/5 rút 30 triệu;

Ngày 15/7 trả 50 triệu;

Ngày 10/8 trả 70 triệu;

Số còn lại trả khi hết hạn.

Yêu cầu: tính số lãi khách hàng trên phải trả vào các thời điểm trả nợ theo dư nợ thực tế và theo số tiền trả gốc.

### **Hướng dẫn trả lời:**

#### **Bài (14)**

Một khách hàng vay NHA 1 khoản tiền 200 triệu, thời hạn 6 tháng, lãi suất 1%/tháng. Tiền vay rút toàn bộ 1 lần ngày 5/3. Việc trả nợ được thực hiện theo kế hoạch:

- Sau 23 ngày kể từ ngày vay trả gốc 30 triệu;
- Sau 35 ngày kể từ ngày trả lần 1 trả 50 triệu;
- Sau 45 ngày kể từ ngày trả lần 2 trả 60 triệu;
- Sau 52 ngày kể từ ngày trả lần 3 trả 50 triệu;
- Số còn lại trả vào ngày đáo hạn;

Yêu cầu:

- + Xác định các thời điểm trả nợ theo kế hoạch
- + Tính số lãi khách hàng phải trả vào các thời điểm trả nợ

### **Hướng dẫn trả lời:**

#### **Bài (15)**

Công ty X kinh doanh xuất nhập khẩu gửi đến ngân hàng hồ sơ xin vay vốn lưu động để thực hiện phương án mua, chế biến hạt điều. Sau khi thẩm định, ngân hàng xác định được các số liệu như sau:

- Số lượng hạt điều thô dự kiến mua của nông trại là 11.000 tấn.
  - Giá thu mua: 6,5 triệu/1 tấn.
  - Chi phí vận chuyển: 70.000đồng/tấn.
  - Chi phí chế biến, đóng gói, bán hàng: 500.000đồng/tấn.
  - Tỷ lệ hao hụt trong chế biến 10%.
  - Giá xuất khẩu: 8,5 triệu/1tấn.
  - Vốn chủ sở hữu tham gia vào phương án theo yêu cầu của ngân hàng là 30%.
  - Giá trị TSTC là 75 tỷ đồng, ngân hàng cho vay tối đa đến 70% giá trị tài sản thế chấp.
  - Các giấy tờ liên quan đến phương án kinh doanh, bản thân doanh nghiệp đều đáp ứng được.
  - Số liệu tài chính cho thấy: Doanh thu thuần doanh nghiệp trong năm là 150 tỷ đồng.
- Tồn kho bình quân là 25 tỷ đồng. Khoản phải thu bình quân là 30 tỷ đồng. Thời gian mua hàng trả chậm bình quân là 12 ngày.

Yêu cầu: Nếu anh (chị) tiếp nhận nhu cầu vay vốn của doanh nghiệp, anh chị có giải quyết cho doanh nghiệp vay không? Nếu có, hãy tính số tiền cho vay và thời gian cho vay?

## Hướng dẫn trả lời:

### 1- Xác định nhu cầu vay vốn của khách hàng

Tổng chi phí thực hiện dự án của khách hàng = (CP mua NVL (6,5 triệu) + CP vận chuyển (0,07 triệu) + CP chế biến (0,5 triệu)) x 11.000 tấn = 77.770 triệu = 77,77 tỷ

Nhu cầu vay vốn của khách hàng = TCP – Vốn chủ sở hữu tham gia = 77,77 x 0,7 = 54,439 tỷ

### 2- Thẩm định tính khả thi và khả năng trả nợ Phương án

Doanh thu Phương án = 8,5 triệu x 10.000 tấn (hao hụt 10%) = 85 tỷ

Lợi nhuận Phương án = 85 - 77,77 = 7,23 tỷ (có lãi)

Tài sản đảm bảo có giá trị 75 tỷ có thể đảm bảo cho khoản vay có giá trị tối đa là 75 x 0,7 = 52,5 tỷ

Chỉ cho khách hàng vay: 52,5 tỷ

Thời hạn cho vay = Chu kỳ ngân lưu =  $360 / (150 / 30) + 360 / (6,5 \text{ triệu} \times 11.000 / 25.000) - 12 \text{ ngày} = 186 \text{ ngày}$

## Bài (16)

Một doanh nghiệp lập kế hoạch kinh doanh 2009 và đề nghị BIDV cấp hạn mức tín dụng

ngắn hạn như sau:

- Giá trị sản lượng 178 tỷ đồng
- Doanh thu 160 tỷ đồng
- Vòng quay vốn lưu động năm 2009 bằng 2008
- Vốn tự có và coi như tự có là 5% doanh thu
- Khấu hao cơ bản 5% doanh thu
- Thuế các loại 3% doanh thu
- Chi phí quản trị điều hành 2% doanh thu
- Lợi nhuận 2% doanh thu

Doanh nghiệp được ngân hàng ứng trước tiền thanh toán bình quân là 10 tỷ đồng và phải trả nhà cung cấp nguyên vật liệu được duy trì ổn định là khoảng 6 tỷ đồng. Ngoài ra doanh nghiệp đang được ngân hàng công thương cấp hạn mức tín dụng năm 2009 là 10 tỷ đồng.

Yêu cầu: Hãy tính toán hạn mức tín dụng ngắn hạn BIDV sẽ cấp cho doanh nghiệp năm 2009,

Biết rằng tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp năm 2008 như sau:

- Sản lượng thực hiện 162 tỷ đồng
- Doanh thu thuần 150 tỷ đồng
- Thuế các loại 4,2 tỷ đồng
- Lợi nhuận 3 tỷ đồng
- Tài sản lưu động bình quân 2008 là 50 tỷ đồng

## Hướng dẫn trả lời:

### Bài (17)

Công ty xây dựng Trảng An hoạt động trong lĩnh vực xây dựng dân dụng. Các hoạt động của doanh nghiệp tập trung vào việc xây dựng những công trình nhỏ trên nhiều địa bàn. Trong năm 2006, doanh nghiệp được ngân hàng TMCP Quân Đội cấp cho một hạn mức tín dụng: 1,2 tỷ đồng, nhằm bổ sung vốn lưu động trong hoạt động xây dựng. Lãi suất cho vay là 0.85%.

Yêu cầu: Hãy cho biết hạn mức tín dụng mà ngân hàng xác định có hợp lý hay không?

Biết rằng: Một số chỉ tiêu tài chính dự tính cho năm 2006:

- Tổng tài sản lưu động của Công ty Tràn An: 5500 triệu
- Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn: 1.2
- Hệ số khả năng thanh toán nhanh: 1
- Hệ số khả năng thanh toán tức thì: 0.16
- Hệ số các khoản phải thu/ các khoản phải trả: 1.2

Biết:

1. Công suất thiết kế: 2.200 tấn sp/ năm

2. Vốn đầu tư thiết kế: 40.000 triệu

Vốn đầu tư nhà xưởng: 28.000 triệu

Tổng vốn đầu tư: 68.000 triệu

Chi phí thiết kế và nhà xưởng sản xuất đầu tư 1 lần, vòng đời dự án khấu hao theo thiết bị

Nguồn vốn đầu tư toàn bộ là vốn chủ đầu tư.

1. Chi phí sản xuất biến đổi cho 1 tấn sp: 15 triệu

- Chi phí cố định 1 năm là 4.000 triệu (cp cố định chưa kể khấu hao)

- Khấu hao thiết bị là 5 năm, khấu hao nhà xưởng là 7 năm.

- Doanh thu năm 1 đạt 80% ; năm 2 đạt 85% ; năm 3 đạt 90% ; năm 4 và 5 đạt 100% công suất thiết kế.

- Giá 27 triệu/ tấn

- Thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%

Tính NPV ? với tỷ suất chiết khấu là 10%

### Hướng dẫn trả lời:

Nợ ngân hàng = Tài sản lưu động/Hsố TT ngắn hạn = 1,2/1,2 = 1 tỷ

hàng tồn kho = Tài sản lưu động - (Nợ ngân hàng x Hsố TT nhanh) = 0,2 tỷ

TM = Hsố TT tức thì x Nợ ngân hàng = 0,16 x 1 = 0,16 tỷ

Nợ phi ngân hàng = Khoản phải trả = khoản phải trả/1,2

khoản phải trả = Tài sản lưu động - TM - hàng tồn kho = 1,2 - 0,16 - 0,2 = 0,84 tỷ

Nợ phi ngân hàng = 0,84/1,2 = 0,7 tỷ

NCV = Tài sản lưu động - vốn lưu động R - Nợ phi ngân hàng = 1,2 - (1,2 - 1) - 0,7 = 0,3 tỷ

NCV < hạn mức tín dụng, hạn mức tín dụng mà ngân hàng cấp cho doanh nghiệp là chưa hợp lý.

### Bài (18)

Ông A có căn hộ đang cho người khác thuê, có hợp đồng cho thuê hợp pháp, trị giá khoảng 02 tỷ đồng, đã thế chấp cho Vietinbank vay 800 triệu. Nay đề nghị NHNo nhận thế chấp để xin vay số tiền 500 triệu. Nếu các điều kiện vay đầy đủ, NHNo có được nhận làm bảo đảm để cho vay không? Tại sao?

### Hướng dẫn trả lời:

### Bài (19)

Có 1 khách hàng mới, nhưng quen biết thân thiết với lãnh đạo, ngành nghề chính là kinh doanh vận tải thuê bằng xe đầu kéo. (đầu tư mua 21 xe đầu kéo đã qua sử dụng. tổng giá trị cả đầu kéo và sơ mi romooc là 17 tỷ). Họ chuyên vận chuyển vải nhẵn khô xuất sang trung quốc. Nhưng cả đầu vào, đầu ra chủ yếu là qua các nhà buôn rải rác khắp các tỉnh thành trên cả nước. Hóa đơn không có. giờ đặt vấn đề vay khoảng 15 tỷ càng dài hạn càng tốt. Hiện, xe mua thì thanh toán xong rồi, nguồn từ đi vay rải rác từ các cá nhân,

nên không thể cho vay để bù đắp vốn này được. vay lưu động thì không có hóa đơn chứng từ. bảo phải đưa ra quyết định nhanh để làm mùa vụ nhân vải sắp tới.

### **Hướng dẫn trả lời:**

#### **Bài (20)**

Bà C có nhu cầu vay vốn để phục vụ sản xuất kinh doanh. Tình hình tài chính tốt. Bà C đem tài sản thế chấp là căn nhà do Bà đứng tên trên giấy chủ quyền cấp năm 2001. Chồng Bà C đã chết năm 2003 và vợ chồng ông, bà có tất cả 4 người con đều đã thành niên. Bà C đến ABCbank để liên hệ vay vốn, giả định bỏ qua các điều kiện khác, theo CSTD hiện hành, Anh (chị) sẽ đồng ý hay không đồng ý cho bà C vay?

### **Hướng dẫn trả lời:**

## **Chương (8) NGHIỆP VỤ TÀI TRỢ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU**

### **CÂU HỎI ÔN TẬP**

1. Nhược điểm của bao thanh toán
2. Trình bày tổng quát về bao thanh toán
3. Phân tích những lợi ích của bao thanh toán đối với khách hàng và ngân hàng.
4. Theo bạn làm thế nào để mở rộng hơn nữa dịch vụ này?
5. Tại sao chi phí bao thanh toán lại lớn hơn chiết khấu?
6. Phân biệt những điểm giống và khác nhau giữa chiết khấu và bao thanh toán.
7. Bao thanh toán có những lợi ích gì đối với các bên tham gia thương mại?
8. Nguyên tắc và phương thức bao thanh toán theo quy chế BTT của Việt Nam.
9. So sánh phương thức bao thanh toán (factoring) với phương thức cho vay thông thường khác ;
10. So sánh phương thức bao thanh toán với các phương thức thanh toán quốc tế?
11. Tại sao bao thanh toán chưa thực sự phổ biến ở Việt Nam ?
12. Phân tích hoạt động bao thanh toán và cho biết nhà xuất khẩu nên sử dụng bao thanh toán trong những trường hợp nào, tại sao?
13. Tìm và phân tích 5 lợi ích của dịch vụ bao thanh toán đối với người mua và đối với người bán mà bạn cho là tốt nhất
14. Bảo lãnh NH là gì? Trình bày quy trình bảo lãnh 3 bên, 4 bên?
15. Trình bày nội dung cơ bản của một quy trình nghiệp vụ bảo lãnh ? theo anh chị nội dung nào thể hiện đặc thù của nghiệp vụ ? tại sao ?
16. Nêu những điểm giống và khác nhau giữa bảo lãnh và cho vay.
17. Trong bảng CĐKT của ngân hàng bảo lãnh được xếp vào khoản mục nào ? tại sao ?
18. Cho biết sự khác nhau giữa bảo lãnh thanh toán và bảo lãnh chứng từ.
19. TCTD được thực hiện bảo lãnh đối với những nghĩa vụ nào của khách hàng? Tại sao phải quy định giới hạn trị giá hợp đồng. Để được bảo lãnh khách hàng phải thỏa mãn những điều kiện gì?
20. Bảo lãnh vay vốn khác với bảo đảm tín dụng ở những điểm nào? Tại sao các doanh nghiệp thích sử dụng dịch vụ bảo lãnh vay vốn hơn? Để được bảo lãnh vay vốn doanh nghiệp cần thỏa mãn những điều kiện nào? Tại sao phải qui định giới hạn giá trị hợp đồng?
21. Thế nào là đồng bảo lãnh, được sử dụng trong các trường hợp nào?

22. Vì sao những cam kết bảo lãnh của ngân hàng đối với khách hàng là một nghiệp vụ tín dụng
23. Vai trò của tài trợ xuất nhập khẩu đối với xã hội, doanh nghiệp, ngân hàng trong tình hình hội nhập kinh tế quốc tế. Tài trợ nhập khẩu và cho vay nhập khẩu khác nhau ở chỗ nào?
24. Phân tích so sánh nghiệp vụ phát hành thư bảo lãnh với nghiệp vụ phát hành thư tín dụng của ngân hàng thương mại

## BÀI TẬP THỰC HÀNH

### Bài (1)

Ngày 20/5 NHTM X chiết khấu một Thương phiếu còn thời hạn và khách hàng nhận được số tiền là 482,5 Trđg. Hãy xác định mệnh giá của Thương phiếu và Lãi suất chiết khấu, biết chi phí hoa hồng là 5 Trđg và bằng 1% mệnh giá, Thương phiếu được phát hành vào ngày 5/4 có thời hạn 120 ngày.

#### Hướng dẫn trả lời:

- Tính Mệnh giá TP: từ  $H = MG \times h$  suy ra  $MG = H/h = 5\%/1\% = 500$  Tr đgg.
- Tính Lãi suất chiết khấu:

Hiện giá Số tiền KH nhận =  $MG - ST$  chiết khấu – phí hoa hồng = 482,5

Hay  $MG - MG \times TG \times LS - H$ , Suy ra  $LS = (MG - H - P)/MG \times TG$

- Tính TG: thời hạn phát hành 120 ngày (4 tháng)

Thời hạn từ ngày phát hành đến ngày chiết khấu: từ 5/4 – 30/4: 25 ngày; từ 1/5 – 20/5 : 20 ngày: tổng cộng 45 ngày, vậy số ngày còn lại là:  $120 - 45 = 75$  ngày (2,5 tháng)

$$\text{Suy ra } LS = \frac{(500 - 5 - 482,5)}{500 \times 2,5} = 1\%$$

### Bài (2)

Khách hàng xin chiết khấu Thương phiếu, không trả lãi suất, mệnh giá là 50.400.000 đ. Thời hạn chiết khấu là hai tháng. Hãy giải quyết nghiệp vụ nếu biết lãi suất cho vay trung bình là 3% tháng. Sau hai tháng bên thừa lệnh không trả tiền cho ngân hàng hãy cho biện pháp xử lý.

#### Hướng dẫn trả lời:

Số tiền NH chiết khấu =  $MG \times LS \times TG = 50.400.000 \times 2 \times 3\% = 3.024.000$  đ.

Số tiền KH nhận là:  $MG - CK = 50.400.000 - 3.024.000 = 47.376.000$  đ.

Sau hai tháng nếu bên thừa lệnh không trả tiền NH sẽ thực hiện một trong hai cách sau.

- Cách 1: trả lại TP cho người xin chiết khấu.
- Cách 2: đòi một trong các bên có tên trong TP.

Nếu quá thời hạn sẽ phạt chậm trả theo quy định.

### Bài (3)

Doanh nghiệp A cần có 100 Trđg vốn để SXKD trong 1 tháng và có Thương phiếu còn thời hạn với mệnh giá 200. Hãy lựa chọn hình thức cấp tín dụng chiết khấu hoặc tín dụng cầm cố có lợi nhất và nêu thủ tục cần thực hiện để nhận tiền theo hình thức lựa chọn. Biết:

- Thời hạn còn lại của Thương phiếu là 30 ngày.
- Lãi suất chiết khấu bằng lãi suất cho vay: 2% tháng.
- Doanh nghiệp A hội đủ các điều kiện cấp tín dụng ở cả hai hình thức.

#### Hướng dẫn trả lời:



- Theo Hình thức chiết khấu TP

Số tiền KH nhận được =  $MG - MG \times LS \times T = 200 - 200 \times 1 \times 2\% = 196$  nghìn

- Theo Hình thức cầm cố, giả sử cầm cố ở mức cao nhất là 80% MG, thì

Số tiền KH nhận được =  $80\% \times 200 = 160$  nghìn

Như vậy nếu như DN A chỉ cần 100 Tr đg thì nên sử dụng hình thức tín dụng cầm cố TP. Vì có thể hưởng lợi tức nếu TP được trả lãi, Ngoài việc trả lãi cho NH DN A không phải mất phí huê hồng.

Thủ tục cầm cố TP:

- Lập chứng từ cầm cố TP
- TP được giao cho NH quản lý (nếu là hối phiếu phải có chữ ký của người thụ lệnh trước).
- Mục đích vay và sử dụng vốn.
- Khi KH trả nợ, giao lại TP cho KH.

#### Bài (4)

Một Doanh nghiệp cần 100 Trđg đồng vốn sản xuất kinh doanh trong 1 tháng, Hỏi nhà Doanh nghiệp sẽ có lợi khi đi vay hay xin chiết khấu Thương phiếu đang có. Biết rằng lãi suất chiết khấu và cho vay là 3% tháng.

#### Hướng dẫn trả lời:

So sánh giữa hai hình thức.

- Theo Hình thức chiết khấu:

Từ Số tiền KH nhận được =  $MG - MG \times TG \times LS$

$$\Rightarrow MG = \frac{STKHnhận}{1 - TG \times LS} = \frac{100}{1 - 1 \times 3\%} = 103,09 \text{ nghìn}$$

Vậy số tiền phải trả cho NH là:  $103,09 - 100 = 3,09$  nghìn

- Theo Hình thức vay cầm cố:

- Nếu trả lãi trước KH phải vay là:  $100 \times 1 \times 3\% + 100 = 103$  nghìn.

- Nếu trả lãi sau KH chỉ vay là 100 nghìn.

Như vậy KH nên vay cầm cố trả lãi sau sẽ có lợi hơn. lại được hưởng thêm lợi tức trên TP.

#### Bài (5)

Doanh nghiệp B ngày 1/9 đến ngân hàng xin chiết khấu Thương phiếu và nhận số tiền là 98 nghìn. Hãy xác định mệnh giá của Thương phiếu và thời gian xin chiết khấu, nếu lãi suất chiết khấu là 2% tháng, thời hạn chiết khấu là 1 tháng. Hết thời hạn chiết khấu Thương phiếu không được chi trả hãy xử lý.

#### Hướng dẫn trả lời:

- Xác định mệnh giá và thời hạn xin chiết khấu

Từ Số tiền KH nhận được =  $MG - MG \times TG \times LS$

$$\Rightarrow MG = \frac{STKHnhận}{1 - TG \times LS} = \frac{98}{1 - 1 \times 2\%} = 100$$

Khi tới thời hạn người thụ lệnh không chi trả xảy ra các tình huống xử lý sau:

- Trả lãi TP cho người xin chiết khấu (gốc và lãi).
- Đòi tiền một trong những bên có tên trong TP.
- Đưa ra toà án xét xử.

### Bài (6)

Mệnh giá một Thương phiếu là 50 Tr đg, được ngân hàng chiết khấu với lãi suất là 3% tháng, số tiền ngân hàng chiết khấu là 8,75 Tr đg. Ngày lập Thương phiếu là 20/2. Hãy xác định ngày khách hàng mang Thương phiếu xin chiết khấu, biết thời hạn của Thương phiếu là 90 ngày.

#### Hướng dẫn trả lời:

- Xác định thời gian xin chiết khấu

Ta có số tiền NH chiết khấu = MG x TG x LS

$$\text{Suy ra } TG = \frac{STNHCK}{MG \times LS} = \frac{8,75}{50 \times 3\%} = 5,8 \text{ tháng (175 ngày)}$$

Như vậy thời hạn cho vay lớn hơn thời hạn của TP (90 ngày), NH nên xem xét lại khoản chiết khấu để tránh rủi ro. Cách xử lý

- Thu hồi lại số tiền cho vay
- Xác định lại thời hạn cho vay.

### Bài (7)

Ngày 15/3 một Doanh nghiệp xin chiết khấu Thương phiếu phát hành ngày 15/2 với mệnh giá 150 Tr đg. Ngày thanh toán 15/5 lợi suất hối phiếu là 9% tháng. Hãy tính toán số tiền mà khách hàng sẽ nhận được. Biết rằng suất chiết khấu bằng 80% lợi suất hối phiếu. Hoa hồng thu phí trên mệnh giá hối phiếu với tỷ lệ 0,05%.

#### Hướng dẫn trả lời:

Các trường hợp rủi ro trong CKTP

- TP giả (không xảy ra trong thương vụ ban đầu).
- Khả năng trả nợ của người thụ lệnh kém.
- Rủi ro bất khả kháng.

Xác định số tiền KH nhận

$$ST \text{ KH nhận} = MG - ST \text{ NHCK} - \text{hoa hồng phí.}$$

$$ST \text{ KH nhận} = MG - MG \times TG \times LS - MG \times \text{Tỷ lệ phí.}$$

$$ST \text{ KH nhận} = 150 - 150 \times 2 \times 7,2\% - 150 \times 0,05\% = 128,325 \text{ trđồng}$$

$$\text{Trong đó: } LS = 80\% \times 9\% = 7,2\%.$$

### Bài (8)

Ngày 1/7 doanh nghiệp xin chiết khấu Thương phiếu và nhận được số tiền là 187,6 Tr đg, với lãi suất chiết khấu 3% tháng. Tỷ lệ hoa hồng phí 0,2%. Yêu cầu hãy xác định mệnh giá chiết khấu và thời hạn chiết khấu và ngày đến hạn. Biết hoa hồng phí là 400.000 đg, giả định thời hạn chiết khấu bằng thời hạn còn lại của Thương phiếu.

#### Hướng dẫn trả lời:

- Xác định mệnh giá chiết khấu.

$$\text{Hoa hồng phí} = MG \times \text{tỷ lệ phí hoa hồng}$$

$$\text{Suy ra } MG = \frac{\text{Hoahồngphí}}{\text{tỷ lệ phí hoahồng}} = \frac{0,4}{0,05\%} = 200$$

- Xác định thời hạn chiết khấu:

$$ST \text{ KH nhận} = MG - ST \text{ NHCK} - \text{hoa hồng phí.}$$

ST KH nhận = MG – MGxTGxLS – hoa hồng phí

$$TG = \frac{(MG - HH\text{phí} - STKH\text{nhận})}{MG \times LS} = \frac{(200 - 0,4 - 187,6)}{(200 \times 3\%)} = 2\text{tháng}$$

Suy ra

Như vậy ngày đến hạn là ngày 1/9.

### **Bài (9)**

Thứ Hai ngày 10/1/2007 Công ty QS là người sở hữu các chứng từ dưới đây đã đến ngân hàng K xin chiết khấu:

1. Hối phiếu; Số tiền 180.000.000 đ; Ngày thanh toán 19/7/2007.
2. Trái phiếu; MG 200.000.000 đ; Thời hạn 1 năm; Lãi suất 12%/năm; Ngày đến hạn: 7/9/2007. Vốn gốc và lãi được thanh toán 1 lần khi đến hạn.
3. Trái phiếu chính phủ; MG 100.000.000 đ; Thời hạn 1 năm; Lãi suất 10%/năm; Ngày đến hạn: 20/4/2007. Trả lãi trước.

Biết ngân hàng đã kiểm tra các chứng từ trên và đồng ý chiết khấu. Lãi suất cho vay 1,2%/tháng; Tỷ lệ hoa hồng chiết khấu 0,5%; Phí cố định thu 50.000 đ/chứng từ.

### **Yêu cầu:**

- 1-Tính số tiền chiết khấu NH K nhận được?
- 2-Xác định số tiền còn lại thanh toán cho công ty QS?

### **Hướng dẫn trả lời:**

### **Bài (10)**

Thứ Hai, ngày 31/5/2007, Cty A đến NH Công thương K xin vay chiết khấu các chứng từ sau:

1. Trái phiếu; MG: 800.000.000 đ; Thời hạn: 2 năm; Lãi suất: 9%/năm. Ngày đáo hạn: 7/1/2008; Lãi và vốn gốc thanh toán một lần khi đến hạn.
2. Trái phiếu chính phủ; MG 700.000.000 đ; Thời hạn 2 năm; Lãi suất 10%; Trả lãi trước. Ngày đáo hạn 9/3/2008.

Biết ngân hàng chấp nhận chiết khấu; Lãi suất cho vay: 1,2%/tháng; Tỷ lệ hoa hồng phí: 0,5%.

### **Yêu cầu:**

- 1-Tính số tiền chiết khấu NH K được hưởng?
- 2-Giá trị còn lại thanh toán cho Cty A?

### **Hướng dẫn trả lời:**

### **Bài (11)**

Công ty A – người hưởng lợi 2 chứng từ sau đây đến NH KLB để xin chiết khấu vào ngày 12/5/2009.

1. Chứng từ thứ nhất: Hối phiếu số 018/HP có nội dung như sau:  
Số tiền HP: 658.000.000  
Người ký phát: Công ty BK  
Người trả tiền: Công ty ML  
Ngày thanh toán: 18/12/2009
2. Chứng từ thứ hai: Trái phiếu số TP0045 do KBNN X phát hành.  
Ngày phát hành: 12/10/2008  
Ngày đáo hạn: 12/10/2009  
Mệnh giá: 500.000.000

Thời hạn: 1 năm  
Lãi suất: 10%

Tiền mua trái phiếu và lãi được thanh toán 1 lần khi đến hạn.

Biết Ngân hàng KLB sau khi đã kiểm tra chứng từ nói trên đã đồng ý nhận chiết khấu với điều kiện: Lãi suất cho vay: 1%/tháng, Tỷ lệ hoa hồng phí: 0,5%.

**Yêu cầu:**

- 1-Xác định số tiền chiết khấu NH KLB được hưởng?
- 2-Giá trị còn lại thanh toán cho Cty A?

**Hướng dẫn trả lời:**

**Bài (12)**

Ngày 15/10/2008 công ty ABC đến ngân hàng công thương xin chiết khấu các chứng từ dưới đây:

1. Hối phiếu số 018/HP:
  - Số tiền: 200.000.000
  - Ngày ký phát: 5/5/2008
  - Ngày chấp nhận: 10/5/2008
  - Người ký phát: Công ty KP
  - Người hưởng lợi: Công ty ABC
  - Ngày thanh toán: 10/02/2009
2. Trái phiếu kho bạc số 0425/TP:
  - Mệnh giá: 500.000.000
  - Thời hạn: 3 năm
  - Ngày phát hành: 15/01/2006
  - Ngày đáo hạn: 15/01/2009
  - Lãi suất: 10%/năm
  - Tiền mua trái phiếu và lãi được thanh toán 1 lần khi đến hạn.
  - Người mua trái phiếu: Công ty ABC
  - Người phát hành: Kho bạc nhà nước
3. Trái phiếu ngân hàng số 002928:
  - Mệnh giá: 300.000.000
  - Thời hạn: 3 năm
  - Ngày phát hành: 15/4/2006
  - Ngày đáo hạn: 15/4/2009
  - Lãi suất: 9%/năm, trả lãi định kỳ hàng năm
  - Đơn vị phát hành: Ngân hàng công thương
  - Người sở hữu trái phiếu: Công ty ABC

Sau khi kiểm tra các chứng từ nói trên ngân hàng công thương đồng ý chiết khấu ngay trong ngày với điều kiện: Lãi suất chiết khấu là: 1,2%/tháng, Tỷ lệ hoa hồng phí: 0,6%

**Yêu cầu:**

- 1-Xác định giá trị chiết khấu các chứng từ nói trên,
- 2-Tính số tiền chiết khấu ngân hàng công thương được hưởng.
- 3-Tính giá trị còn lại thanh toán cho công ty ABC.

### **Hướng dẫn trả lời:**

#### **Bài (13)**

Ngày 4/3/2009, Công ty XNK tổng hợp Đại Dương xuất trình 1 hối phiếu để xin chiết khấu tại Ngân hàng ngoại thương – Chi nhánh TP. Hối phiếu có nội dung như sau: Số tiền: 1.200.000 USD; Ngày ký phát: 20/02/2009; Ngày chấp nhận: 26/02/2009; Ngày thanh toán: 90 ngày kể từ ngày chấp nhận; Người ký phát: Cty XNK tổng hợp Đại Dương; Người chấp nhận: Kazura Bank (Nhật Bản); Người hưởng lợi: Cty XNK Đại Dương

Yêu cầu:

1. Hãy nêu những nội dung mà Ngân hàng Ngoại thương cần thẩm định trước khi đồng ý chiết khấu?
2. Nếu sau 2 ngày ngân hàng ngoại thương đồng ý chiết khấu, hãy xác định số tiền Ngân hàng ngoại thương phải thanh toán cho công ty XNK Đại Dương (biết rằng lãi suất chiết khấu là 0,9%/tháng, tỷ lệ hoa hồng phí là 0,7%)?
3. Khi đến hạn Ngân hàng ngoại thương sẽ phải xuất trình HP trên cho ai và được thanh toán bao nhiêu tiền? Xác định số thu nhập thực tế của Ngân hàng ngoại thương, biết rằng phí nhờ thu và chuyển tiền là 0,2%?
4. Nêu những rủi ro mà Ngân hàng ngoại thương TP sẽ phải đối mặt khi thực hiện chiết khấu HP trên?

### **Hướng dẫn trả lời:**

#### **Bài (14)**

Ngày 5/4/08 công ty X đề nghị ngân hàng chiết khấu 1 tín phiếu kho bạc mệnh giá 120 trđ, ngày ký phát 15/3/08. Thời hạn thanh toán 90 ngày, lãi suất 1% tháng, lĩnh lãi khi đáo hạn. Hỏi:

1-Giấy tờ trên hội đủ các điều kiện để chiết khấu không?

2-Hãy xác định số tiền ngân hàng cấp cho khách hàng?

Biết lãi suất chiết khấu là 15% năm, ngày làm việc của ngân hàng bằng 0, hoa hồng phí được tính bằng 0.8% của mệnh giá.

### **Hướng dẫn trả lời:**

#### **Bài (15)**

Ngày 1/2/2008 doanh nghiệp A ngay sau khi bán chịu 1 lô hàng đã gửi ngân hàng 1 hối phiếu có mệnh giá 30 trđ, thời hạn thanh toán 3 tháng) và 1 tín phiếu kho bạc có mệnh giá 100, thời hạn 2 năm, lãi suất 8%, lĩnh lãi khi đáo hạn, doanh nghiệp đã giữ được 1 năm. Yêu cầu ngân hàng chiết khấu.

Hãy xác định giá trị ròng và lãi suất hiệu dụng, biết lãi suất chiết khấu ngân hàng thông báo là 12% năm, huê hồng tính trên hồ sơ chiết khấu là 0,3 trđ, ngày làm việc tại ngân hàng là 1 ngày

### **Hướng dẫn trả lời:**

+ Chiết khấu hối phiếu

Từ: từ =  $2/5 - 1/2 + 1$  ngày = 90 ngày (do ngày 1/5 nghỉ lễ)

=>Giá trị ròng =  $300 - 300 \times 12\% \times 90/365 = 291,13$  trđ

+ Chiết khấu tín phiếu

-Số tiền khi đáo hạn =  $100 + 100 \times 8\% \times 2 = 116$  trđ

Từ số ngày còn lại :  $365 - 2 + 1 = 364$  ngày

=>Giá trị ròng =  $116 - 116 \times 12\% \times 364/365 = 102,12$  trđ

+ Giá trị ròng của hối phiếu và tín phiếu là:  $(291,13 + 102,12) - 0,3 = 392,95$  trđ

+ Lãi suất hiệu dụng =  $0,12/(1 - 0,12) = 0,1363$  hay 13,63%

Sử dụng phương pháp điểm số, thông tin dựa vào quá khứ

### **Bài (16)**

Ngày 1/1/2009 Ngân hàng X nhận được chứng từ xin chiết khấu

- Hối phiếu phát hành ngày 15/4/2008, đến hạn 15/4/2009, mệnh giá 62.500 usd

- Trái phiếu Chính phủ 2 năm phát hành ngày 17/6/2007 lãi suất 10% năm, mệnh giá 1 tỷ.

Hãy xác định số tiền khách hàng nhận được. Biết phí huê hồng là 0,5%, lãi suất cho vay 8% đối với USD và 15% đối với VND, thời gian làm việc ngân hàng 1 ngày.

#### **Hướng dẫn trả lời:**

+ Chiết khấu hối phiếu:

-Thời gian chiết khấu: từ 1/1/2009 – 15/4/2009: 104 ngày + 1 làm việc NH = 105 ngày

-Lãi chiết khấu:  $62.500 \times 12\% \times 105/365 = 2.157,5$  đồng

-Phí huê hồng:  $62.500 \times 0,5\% = 312,5$  đồng

=>Số tiền khách hàng nhận được:  $62.500 - 2.157,5 - 312,5 = 60.030$  đồng

+ Chiết khấu trái phiếu

-Thời gian chiết khấu: từ 1/1/2009 – 17/6/2009: 167 ngày + 1 làm việc NH = 168 ngày

-Lãi chiết khấu:  $1.000 \times 15\% \times 168/365 = 68,6$  đồng

-Phí huê hồng:  $1.000 \times 0,5\% = 5$  đồng

-Lãi trái phiếu:  $1.000 \times 8\% \times 168/365 = 36,6$  đồng

=>Số tiền khách hàng nhận được:  $1.000 - 68,6 - 5 + 36,6 = 963$  đồng

### **Bài (17)**

Công ty Trường Thịnh sở hữu 1 lô trái phiếu CP gồm 4 loại sau đây:

1. Trái phiếu A: Mệnh giá: 500.000.000; Thời hạn: 3 năm; Lãi suất: 10%/năm trả lãi 1 lần khi đáo hạn; Ngày phát hành 20/09/2006; Ngày đáo hạn 20/09/2009.

2. Trái phiếu B: Mệnh giá: 600.000.000; Thời hạn: 3 năm; Lãi suất: 9,6%/năm trả lãi định kỳ hàng năm; Ngày phát hành 20/09/2006; Ngày đáo hạn 20/09/2009.

3. Trái phiếu C: Mệnh giá: 700.000.000; Thời hạn: 3 năm; Lãi suất: 9%/năm trả lãi trước hàng năm; Ngày phát hành 20/09/2006; Ngày đáo hạn 20/09/2009.

4. Trái phiếu D: Mệnh giá: 800.000.000; Thời hạn: 3 năm; Lãi suất: 8,5%/năm trả lãi trước 1 lần; Ngày phát hành 20/09/2006; Ngày đáo hạn 20/09/2009.

Vào ngày 18/4/2009, do cần vốn để kinh doanh, công ty đến ngân hàng K xin chiết khấu. Sau khi thẩm định lô trái phiếu, Ngân hàng K đã đồng ý chiết khấu ngay trong ngày với lãi suất CK là 1%/tháng, hoa hồng phí là 0,4%.

Yêu cầu:

1. Xác định giá trị CK lô TP trên?
2. Xác định thời hạn chiết khấu?
3. Xác định số tiền NH K được hưởng?
4. Tính số tiền NH K phải thanh toán cho Cty?
5. Xác định xem vào thời gian nào, NH K sẽ phải xuất trình lô TP cho ai và được thanh toán bao nhiêu tiền?

#### **Hướng dẫn trả lời:**

### **Bài (18)**

Ngày 26/4/2009, Cty Phú Gia đến NH Kiên Long xin chiết khấu 3 chứng từ sau đây:

1. Hối phiếu số 0296/HP: Số tiền 1800000000đ; ngày thanh toán 24/10/2009; người trả tiền: công ty CN; Người hưởng lợi: Cty Phú Gia.

2. Trái phiếu CP số 0369/TPCP: Mệnh giá 2000000000; thời hạn 2 năm; lãi suất 10%/năm; trả lãi khi đáo hạn; ngày phát hành: 15/10/2007; ngày đáo hạn: 15/10/2009; người phát hành: Kho bạc Nhà nước; Người mua trái phiếu: Cty Phú Gia.

3. Trái phiếu NH số 0676/TPNH: Mệnh giá 1500000000; thời hạn 3 năm; lãi suất 11%/năm; trả lãi khi đáo hạn; ngày phát hành: 23/9/2006; ngày đáo hạn: 23/9/2009; người phát hành: NH Kiên Long; Người mua trái phiếu: Cty Phú Gia.

Ngân hàng Kiên Long đồng ý chiết khấu vì nhận thấy các chứng từ nói trên đều hợp lệ, hợp pháp, đảm bảo khả năng thanh toán khi đáo hạn.

Yêu cầu:

1. Xác định giá trị CK lô TP trên?
2. Xác định thời hạn chiết khấu?
3. Xác định số tiền NH K được hưởng biết rằng ngân hàng đang áp dụng lãi suất CK là 0,9%/tháng; tỷ lệ hoa hồng 0,3%?
4. Tính số tiền NH K phải thanh toán cho Cty?
5. Lập bảng kê chiết khấu?

**Hướng dẫn trả lời:**

**Bài (19).**

Chứng từ	Số tiền	Ngày phát hành	Ngày đến hạn
Hối phiếu 1	60 triệu	30/4/2005	30/7/2005
Hối phiếu 2	30 triệu	15/4/2005	15/7/2005
Hối phiếu 3	15 triệu	14/5/2005	14/8/2005
Hối phiếu 4	50 triệu	20/7/2000	20/7/2005
Hối phiếu 5	36 triệu	20/3/2005	30/6/2005
Hối phiếu 6	40 triệu	1/6/2005	1/10/2005

**Yêu cầu:** Tính toán chiết khấu đối với những chứng từ sau.

**Biết rằng:**

1. Theo quy định của ngân hàng chỉ nhận chiết khấu thời hạn còn lại không dưới 20 ngày và không quá 90 ngày.
2. Lãi suất chiết khấu 9%/năm. Tỷ lệ hoa hồng ký hậu 0,6%/năm. tối thiểu là 20.000đ; hoa hồng phí cố định là 15.000đ cho mỗi hối phiếu.
3. Hạn mức chiết khấu tối đa ấn định cho khách hàng là 150 triệu ; dư nợ tài khoản chiết khấu tại thời điểm khách hàng xin chiết khấu là 60 triệu .
4. Ngân hàng thực hiện chiết khấu ngày 15/6/2005.

**Hướng dẫn trả lời:**

**Bài (20).**

NH A ngày 15/7/200X nhận được yêu cầu chiết khấu của khách hàng 1 lượng Trái phiếu do ngân hàng B phát hành vào 15/9/2013, có mệnh giá 500 triệu, kỳ hạn 3 năm, lãi suất 15%/ năm, trả lãi cuối hàng năm. Lãi suất chiết khấu của ngân hàng hiện tại là 1,1%/tháng.

a) Tính số tiền ngân hàng thanh toán cho khách hàng

b) Tính lãi suất sinh lời khách hàng với giả thiết khách hàng mua Trái phiếu từ đầu năm 200X với giá 500 triệu và so sánh với lãi suất danh nghĩa. Hãy phân tích lý do có sự chênh lệch giữa 2 lãi suất này.

**Hướng dẫn trả lời:**

Trị giá ck = mệnh giá + lãi chưa trả = 500 triệu + 500 triệu \* 1 \* 15% = 575 triệu

thời gian ck = 62 ngày

lãi suất ck =  $575 * 62 * 1,1\% / 30 = 13,07$  triệu

mức ck = lãi + hoa hồng phí = 13,07 triệu + 0 = 13,07 triệu

giá trị còn lại khách hàng nhận = 575 triệu - 13,07 triệu = 561,93 triệu

**Bài (21).**

Ngày 20/1/2011, ngân hàng Y xin chiết khấu không hoàn lại 1 lô trái phiếu CP tại NHTW. Lô trái phiếu có nội dung như sau: 100 tỷ, Thời hạn 3 năm, Lãi suất 9.5%/năm, trả lãi 1 lần khi đáo hạn, Ngày phát hành 20/4/2008, đáo hạn 20/4/2011.

Ngân hàng đồng ý nhận Chiết khấu với Lãi suất 7%/năm, xác định kết quả kinh doanh của ngân hàng Y bao gồm lợi nhuận đầu tư tài chính và lợi nhuận kinh doanh tín dụng, biết rằng Lãi suất cho vay ngắn hạn tại ngân hàng Y là 16%/năm, chi phí kinh doanh tín dụng 4.3%/năm.

Tính số tiền trả vay mỗi năm

**Hướng dẫn trả lời:**

**Bài (22).**

Ngày 13/6/2001 doanh nghiệp A gửi đến ngân hàng các thương phiếu sau để xin chiết khấu tiền mặt.

Số hiệu	Mệnh giá	Nơi thanh toán	Ngày ký phát	Ngày đến
033	60	Hải phòng	20/4/2012	30/7/2012
037	30	Hà tây	15/4/2012	15/7/2012
052	36	Hà Nội	30/3/2012	20/6/2012
087	40	Nam định	10/6/2012	15/8/2012
090	20	Thái nguyên	10/5/2012	20/7/2012

1- Hãy xem xét và quyết định việc nhận chiết khấu các thương phiếu (có giải thích)

2- Tính toán số tiền phải thu, phải trả cho khách hàng đối với những thương phiếu được ngân hàng chấp nhận chiết khấu

Biết rằng,

- Khả năng nguồn vốn của ngân hàng đáp ứng đủ nhu cầu của khách hàng
- Theo quy định thì ngân hàng chỉ chiết khấu những thương phiếu thời hạn thanh toán tối đa không quá 90 ngày và có thời hạn còn lại tối thiểu là 10 ngày.
- Lãi suất chiết khấu 8% năm, tỷ lệ hóa hồng phí là 0,6%/năm (mức tối thiểu là 50.000 đồng).
- Ngân hàng thực hiện chiết khấu ngày 13/6/2012
- Công ty A là doanh nghiệp có tình hình tài chính lành mạnh, có uy tín với ngân hàng, các thương phiếu trên đã được kiểm tra và đảm bảo tính pháp lý.
- Giá thuyết 1 tháng có 30 ngày



## Hướng dẫn trả lời:

### Bài (23).

Chứng từ	Số tiền	Ngày phát hành	Ngày đến hạn
Hối phiếu 1	60 nghìn đồng	30/4/2005	30/7/2005
Hối phiếu 2	30 nghìn đồng	15/4/2005	15/7/2005
Hối phiếu 3	15 nghìn đồng	14/5/2005	14/8/2005
Hối phiếu 4	50 nghìn đồng	20/7/2000	20/7/2005
Hối phiếu 5	36 nghìn đồng	20/3/2005	30/6/2005
Hối phiếu 6	40 nghìn đồng	1/6/2005	1/10/2005

**Yêu cầu:** Tính toán chiết khấu đối với những chứng từ sau.

### Biết rằng:

- Theo quy định của ngân hàng chỉ nhận chiết khấu thời hạn còn lại không dưới 20 ngày và không quá 90 ngày.
- Lãi suất chiết khấu 9%/năm. Tỷ lệ hoa hồng ký hậu 0,6%/năm. tối thiểu là 20.000đ; hoa hồng phí cố định là 15.000đ cho mỗi hối phiếu.
- Hạn mức chiết khấu tối đa ấn định cho khách hàng là 150 nghìn đồng ; dư nợ tài khoản chiết khấu tại thời điểm khách hàng xin chiết khấu là 60 nghìn đồng .
- Ngân hàng thực hiện chiết khấu ngày 15/6/2005.

## Hướng dẫn trả lời:

### Bài (24)

Công ty ICC trúng thầu thực hiện 1 dự án tầm cỡ quốc gia. Phía chủ đầu tư yêu cầu phải có một bảo lãnh của ngân hàng nhằm hạn chế rủi ro về chất lượng và thời hạn hoàn thành dự án. Theo yêu cầu, NHCT phát hành bảo lãnh nhưng vì giá trị quá lớn nên đề nghị cả ba ngân hàng khác cùng tham gia. Hãy cho biết tên loại bảo lãnh được phát hành, các thành phần tham gia, phương thức phát hành, quá trình xử lý khi công ty ICC vi phạm hợp đồng.

### Hướng dẫn trả lời:

- Đây là bảo lãnh thực hiện hợp đồng
- Công ty ICC là người được bảo lãnh, chủ đầu tư là người thụ hưởng, bốn ngân hàng tham gia là người phát hành bảo lãnh.
- Phương thức phát hành là đồng bảo lãnh, trong đó NHCT đóng vai trò đầu mối, các ngân hàng tham gia liên đới chịu trách nhiệm trên toàn bộ giá trị bảo lãnh
- Khi công ty ICC vi phạm hợp đồng, người thụ hưởng sẽ truy đòi NHCT, sau đó NHCT truy đòi các NH thành viên.

### Bài (25)

Doanh nghiệp A hợp đồng xây nhà cho công ty B. ngân hàng C phát hành bảo lãnh thực hiện hợp đồng. Do A chậm trễ trong thi công nên công ty B yêu cầu ngân hàng thực hiện cam kết bảo lãnh. Ngân hàng sẽ

xử lý như thế nào sau khi tìm hiểu lý do của sự chậm trễ là do B cung cấp vật tư không đúng thời hạn như thỏa thuận và đây là dạng bảo lãnh đồng nghĩa vụ.

#### **Hướng dẫn trả lời:**

- Đây là loại bảo lãnh thực hiện hợp đồng do NH phát hành cho công ty B thụ hưởng, doanh nghiệp A là người được bảo lãnh.

- Ngân hàng không thực hiện cam kết, vì trong bảo lãnh đồng nghĩa vụ, phụ thuộc chính vào nghĩa vụ của người được bảo lãnh. Tuy nhiên nghĩa vụ chính được miễn giảm do vay trung và dài hạn, vì phạm của bên hưởng bảo lãnh, do đó nghĩa vụ của ngân hàng cũng được miễn giảm theo.

#### **Bài (26).**

Ngày 1/6/2008, doanh nghiệp A có nhu cầu mở L/C nhập hàng số tiền 400.000 USD, ký quỹ 30% giá trị L/C (bằng USD) bằng vốn tự có của doanh nghiệp. Thời gian từ khi mở L/C đến khi thanh toán L/C ước tính tối đa 1 tháng. Doanh nghiệp phải vay vốn ngân hàng số tiền còn lại để thanh toán L/C với thời gian vay vốn là 3 tháng. doanh nghiệp không có khả năng tự tạo ngoại tệ và phải mua toàn bộ ngoại tệ từ ngân hàng. Tỷ giá giao ngay ngày 1/6/2008 là 16.400 VND/USD

Ngân hàng đồng ý mở L/C và đưa ra 2 phương án cho doanh nghiệp chọn lựa:

- Phương án 1: doanh nghiệp nhận nợ vay bằng tiền VND để mua ngoại tệ thanh toán L/C với lãi suất 0.9%/tháng với tỷ giá xác định trước là 16.450 VND/USD

- Phương án 2: doanh nghiệp nhận nợ vay bằng USD để thanh toán L/C với lãi suất 5%/năm. Ngân hàng sẽ bán USD cho doanh nghiệp để trả nợ gốc và lãi với tỷ giá bằng tỷ giá giao ngay tại thời điểm trả nợ cộng 30 điểm. Tốc độ tăng tỷ giá bình quân trong tháng 4 là 0.6%

Hỏi doanh nghiệp nên chọn dự án nào ?

#### **Hướng dẫn trả lời:**

DN hiện tại đang cần vay 280.000 USD (70% x 400.000) trong vòng 3 tháng và có 2 phương án là vay USD và vay VND từ ngân hàng.

+ Xét phương án 1: (tức vay ngân hàng bằng VNĐ để mua USD đập vào LC)

- Chi phí để mua 280.000 USD là  $280.000 \times 16.400 = 4.606$  ( trđồng VND)

- Sau 3 tháng doanh nghiệp phải trả cho ngân hàng số tiền:

$4.606(1 + 0,9\% \times 3) = 4.730,362$  ( trđồng VNĐ) (1)

+ Xét phương án 2: (tức vay USD), sau 3 tháng dùng VNĐ mua lại USD trả cho NH) sau 3 tháng, số USD phải trả cho ngân hàng là:  $280.000(1 + 5\%/12 \times 3) = 283.500$  (USD)

- Tỷ giá giao ngay tại thời điểm trả nợ (sau 3 tháng) là:  $16.450(1 + 0,6\%/4 \times 3) = 16.524,025$  (VND/USD)

- Tỷ giá ngân hàng bán USD cho doanh nghiệp sau 3 tháng là 16.554,025 (thêm 30 điểm)

Vậy số VND mà doanh nghiệp phải bỏ ra để mua 283.500 USD trả ngân hàng là:

$283.500 \times 16.554,025 = 4.693,066$  ( trđồng VND) (2)

+ So sánh (1) với (2) ta thấy phương án 2 có chi phí nhỏ hơn có thể chọn phương án 2

1. Phương án 1: Vay VNĐ để mua USD.

- Số tiền là  $280.000 \times 16.450 = 4.606$  trđồng VND (không phải 16.400)

- Sau 3 tháng, gốc và lãi là:  $4.606(1 + 0,9\% \times 3) = 4.730,362$  trđồng VND

2. Phương án 2: Vay USD hiện tại, chịu lãi và sau 3 tháng phải mua USD để trả nợ.

Tỷ giá giao ngay sau 3 tháng được tính theo công thức giá bán kỳ hạn.

Tỷ giá kỳ hạn 3 tháng = TG bán giao ngay + TG bán giao ngay x (LS VND - LS USD) x Số ngày/360

$= 16.400 + 16.400(10,8\% - 5\%)90/360 = 16.637,8$  (VND/USD)

Tỷ giá khách hàng phải mua là + thêm 30 điểm =  $16.637,8 + 30 = 16.667,8$  (VND/USD)

Số USD phải trả là  $280.000(1 + 5\%/12 \times 3) = 283.500$  USD

Số VND sẽ phải trả =  $283.500 \times 16,667,8 = 4.716,816$  triệu VND

Như vậy kết quả cuối cùng vẫn là chọn phương án 2. Có điều doanh nghiệp chỉ được lợi hơn ít thôi. Khoảng 13 triệu.

### **Bài (27)**

Phát hành L/C có phải là hình thức cho vay hay không? Hãy giải thích và chứng minh.

#### **Hướng dẫn trả lời:**

Phát hành LC là cấp tín dụng dưới hình thức bảo lãnh thanh toán nước ngoài cho nên sẽ phát sinh 2 nghiệp vụ: Bảo lãnh thanh toán và vay (nếu có). Ngân hàng sẽ phát sinh nghiệp vụ bảo lãnh từ khi mở LC cho đến khi đến hạn thanh toán LC (Ngân hàng phải nhập ngoại bảng theo dõi cho loại tài sản này). Ngân hàng sẽ cho vay (là hình thức cấp tín dụng) trong các trường hợp

+ Bên nhập khẩu không đủ nguồn vốn tự có (ký quỹ 1 phần) phần còn lại thanh toán bằng hạn mức tín dụng tại ngân hàng đó cấp

+ Hoặc: Khách hàng đến hạn nộp tiền thanh toán LC mà trong tài khoản không có tiền, Ngân hàng phải cho vay bắt buộc theo lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn

+ Khi mở LC, Khách hàng không có tiền nên vay để ký quỹ LC phần còn lại sẽ thanh toán bằng nguồn vốn tự có hoặc bằng hạn mức tín dụng/bảo lãnh được cấp

bên ngân hàng phải có nhiệm vụ thẩm định tài chính và tư cách khách hàng để trình cấp tín dụng trước khi khách hàng mở LC trong trường hợp muốn vay vốn hoặc không có khả năng thanh toán đến hạn phải cho vay bắt buộc

Như vậy, LC (Letter of Credit) cũng là một hình thức cho vay tại các tổ chức tín dụng

### **Bài (28)**

Một doanh nghiệp được ngân hàng cấp hạn mức tín dụng là 10 tỷ đồng. Trong đó hạn mức tín dụng cho vay là 6 tỷ, hạn mức tín dụng mở L/C là 4 tỷ (bao gồm cả 10% ký quỹ). tài sản đảm bảo là Tài sản cố định có trị giá bằng 70% giá trị tài sản, tài sản đảm bảo là hàng hoá có trị giá bằng 60% giá trị và sẽ được bổ sung khi phát sinh khoản vay.

1. Dư nợ của doanh nghiệp là 3,5 tỷ đồng. doanh nghiệp muốn vay thêm 3 tỷ đồng để thanh toán cho người bán thì phải bổ sung thêm tài sản đảm bảo có trị giá là bao nhiêu ? Biết rằng giá trị tài sản đảm bảo của doanh nghiệp hiện nay là 7 tỷ đồng.

2. Doanh nghiệp đề nghị tăng khoản ký quỹ lên 20% và độc lập với hạn mức tín dụng mở L/C. Hạn mức tín dụng bằng USD mà doanh nghiệp được phép duy trì để mở L/C có trị giá bằng bao nhiêu ? Biết Tỷ giá USD = 21.000

#### **Hướng dẫn trả lời:**

### **Bài (29)**

Công ty XNK nông sản Bắc Việt lập hồ sơ vay vốn 5,5 tỷ VND, thời hạn trả nợ 5 tháng. Chi phí phát sinh:

+ Thu mua 1100 tấn NVL

- + Giá mua 6,5 triệu/tấn
- + Chi phí vận chuyển 70.000 vnd/tấn
- + Chi phí chế biến, gia công, bán hàng: 500.000 vnd/tấn
- + Vốn chủ sở hữu tham gia = 30% nhu cầu sử dụng vốn.
- + Thời gian luân chuyển vốn là 3 tháng
- + Thời gian thu hồi vốn là 4 tháng
- + Giá trị tài sản thế chấp là 7,5 tỷ

Yêu cầu: Theo bạn có nên chấp nhận mức cho vay và thời hạn vay trên không? Nêu rõ lý do tại sao?

Biết:

- + Mọi thủ tục pháp lý đủ tiêu chuẩn, ngân hàng đủ khả năng cho vay
- + Hạn mức cho vay bằng 70% giá trị tài sản đảm bảo.

### **Hướng dẫn trả lời:**

Chi phí mua NVL là: 1100 tấn x 6.5 triệu = 7,15 tỷ

Chi phí vận chuyển: 1100 x 70000 = 77 triệu

Chi phí chế biến, gia công, bán hàng: 1100 x 500000 = 550 triệu

Tổng chi phí = 7,777 tỷ

Nhu cầu vay ngân hàng = Nhu cầu vốn lưu động cho sxkd - Vốn tự có - Vốn khác  
= 7,777 - 30% x 7,777 = 5.4439 tỷ (1)

Ngân hàng đủ khả năng cho vay (2)

Giới hạn CV tối đa = 7,5 tỷ x 70 % = 5.25 tỷ (3)

Mức cho vay = min {1,2,3} = 5.25 tỷ

Thời hạn cho vay tính theo chu kỳ ngân quỹ = chu kỳ kinh doanh – thời gian phải trả người bán  
chu kỳ KD = thời gian thu hồi vốn = 4 tháng

Vậy mức cho vay là 5.25 tỷ với thời hạn CV là 4 tháng.

### **Hướng dẫn trả lời:**

#### **Bài (30)**

Ngày 14/5/2009, Công ty ACB (Việt Nam) ký hợp đồng nhập 400 MT thép với giá 650 GBP/MT CIF cảng Đà Nẵng cho công ty SMITH'S Co., Ltd (Anh Quốc). Điều khoản thanh toán trong hợp đồng quy định như sau:

- 30% Giá trị hợp đồng tương đương 78.000 GBP sẽ được người mua chuyển tiền bằng điện cho người bán 10 ngày sau khi ký hợp đồng. Phần còn lại sẽ được thanh toán bằng một thư tín dụng không thể hủy ngang trả ngay mở tại Ngân hàng ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) qua ngân hàng Standard Chartered cho SMITH'S Co., Ltd hưởng.

- Ngày 02/7/2009, ACB mở L/C số IM6789 tại Vietcombank, ngày 28/7/2009, SMITH'S Co., Ltd giao hàng và ký hóa đơn. Nếu tính lãi cho khoản tiền trả trước, ACB sẽ còn phải thanh toán bao nhiêu tiền nữa nếu lãi suất áp dụng là 2%/tháng?

- Giả sử để mở L/C tại Vietcombank, ACB sẽ phải ký quỹ 50% giá trị L/C. Phí mở L/C là 0,1 %/tháng. Lãi suất tiền gửi không kỳ hạn là 3%/năm, trả lãi đầu kỳ. Hỏi, ACB sẽ cần bao nhiêu GBP để có thể mở được L/C

+ Biết tỷ giá hối đoái do Vietcombank công bố vào lúc xin mở L/C như sau:

USD/VND = 18.540/18.660

GBP/USD = 1,6573/1,6624

Nếu ACB không có tài khoản ngoại tệ tại Vietcombank, ACB sẽ phải bỏ ra bao nhiêu VND để mở được L/C

Yêu cầu: Hỏi ký phát hối phiếu đòi tiền theo luật áp dụng trong trường hợp này.

### Hướng dẫn trả lời:

#### Bài (31)

Một L/C quy định thanh toán một tổng số tiền 100.000 USD = 5% và giao hàng làm 2 lần, hàng tháo rời CKD. Ngân hàng đã thanh toán cho người hưởng lợi 95.000 USD. Người mua từ chối hoàn trả tiền lại cho ngân hàng, với lý do hàng thiếu, không đồng bộ, nên không lắp ráp được. Hội đồng trọng tài phán xét rằng Ngân hàng sai, do đó phải bồi thường thiệt hại cho người mua. Ngân hàng không đồng ý vì dựa trên cơ sở dẫn chiếu điều 39C UCP 500? Hỏi vấn đề này lý giải thế nào? Nếu tính lãi cho khoản tiền trả trước, ACB sẽ còn phải thanh toán bao nhiêu tiền nữa nếu lãi suất áp dụng là 2%/tháng?

### Hướng dẫn trả lời:

10 ngày sau khi ký hợp đồng (14/05/2009), khách hàng tạm ứng 78000 GBP Giá định ACB thanh toán đúng hạn (Nếu đã đi làm thực tế rồi thì đều biết TT sai hạn không ít). Đến ngày 02/07 thì mở L/C, coi như tại thời điểm mở L/C, ACB đã cam kết thanh toán toàn bộ số còn lại, Như vậy

Số tiền tạm ứng (78000 GBP) được hưởng lãi trong time từ 14/05 - 02/07 (39 ngày),

Số tiền thực tế còn phải thanh toán =  $400 \times 650 - 78000 - 78000 \times 2\% \times 39/30 = 179972$  GBP

Đối với câu: ACB sẽ cần bao nhiêu GBP để có thể mở được L/C?

Với L/C trả ngay thì trong vòng 5 ngày sau khi nhận bộ chứng từ bạn sẽ phải trả lời thanh toán hay không thanh toán. Có thêm những thông tin này thì mới tính được chính xác số lãi mà ACB được hưởng từ số tiền ký quỹ mở L/C. Ngoài ra, với phí mở L/C, mình thường thấy là thu trên giá trị L/C.

#### Bài (32)

Ngày 01/08/2010, công ty ABC ở Việt Nam ký hợp đồng nhập khẩu lô hàng thức ăn gia súc của công ty DEF ở Thái Lan theo phương thức thanh toán nhờ thu trả chậm 60 ngày sau ngày nhìn thấy hối phiếu. Ngày 08/08/2010, công ty DEF giao hàng, lập bộ chứng từ, hối phiếu và chuyển cho ngân hàng ThaiBank để thu hộ tiền ở công ty ABC. Sau khi nhận được chỉ thị nhờ thu từ công ty ABC, ThaiBank lập chỉ thị nhờ thu và chuyển toàn bộ chứng từ kèm hối phiếu đến Ngân hàng HCM nhờ thu hộ tiền của công ty ABC. Ngân hàng HCM nhận được bộ chứng từ kèm hối phiếu và chỉ thị nhờ thu ngày 12/08/2010 và thông báo ngay cho công ty ABC và gửi kèm hối phiếu. Công ty ABC nhận được vào ngày 13/08/2010, nhưng sau khi xác nhận với hãng vận chuyển, tàu chưa cập cảng. Công ty ABC quyết định chưa ký chấp nhận thanh toán tờ hối phiếu. Ngày 15/09/2010, công ty ABC nhận được giấy báo của hãng tàu là ngày 18/09/2010 tàu sẽ cập cảng. ngày 18/09/2010, công ty ABC quyết định ký chấp nhận thanh toán tờ hối phiếu để đổi lấy chứng từ nhận hàng.

### Yêu cầu:

1. Vẽ sơ đồ và phân tích tình huống phát sinh?
2. Theo bạn, việc không chấp nhận thanh toán tờ hối phiếu của công ty ABC vào ngày 13/08/2010 có hợp lệ hay không? Tại sao? Hãy xác định thời hạn thanh toán của tờ hối phiếu trên.

### Hướng dẫn trả lời:

#### Bài (33)

Tại ngân hàng thu hộ A có tình huống như sau:

Ngân hàng C nhận chỉ thị nhờ thu theo điều kiện D/P từ ngân hàng chuyển chứng từ R. Ngày 18/5/2006, ngân hàng C đòi tiền người mua nhưng người mua từ chối thanh toán. Ngày 19/05/2006, ngân hàng C giữ bộ chứng từ và thông báo việc người mua từ chối thanh toán cho ngân hàng R, đồng thời yêu cầu người bán xử lý bộ chứng từ. Ngày 20/05/2006 ngân hàng C nhận được yêu cầu chuyển tiền thanh toán và giao bộ chứng từ của người mua. Do đó ngân hàng C đã nhận tiền và giao bộ chứng từ cho người mua vì người mua là khách hàng của ngân hàng.

Ngày 21/05/2006 khi ngân hàng C tiến hành lập lệnh chuyển tiền cho ngân hàng R thì lại nhận được lệnh yêu cầu chuyển trả bộ chứng từ của ngân hàng R. Ngân hàng C đã giải trình toàn bộ sự việc phát sinh với ngân hàng R. Tuy nhiên ngân hàng R không chấp nhận giải trình này và đe dọa kiện ngân hàng C.

**Yêu cầu:** Bạn hãy nhận xét về cách xử lý nghiệp vụ của ngân hàng C và ngân hàng A dựa trên URC522.

### **Hướng dẫn trả lời:**

#### **Bài (34)**

Vào ngày 5/10/07, Banco Santander bank có nhận được L/C có nội dung sau:

Sender: BNP Paribas

Receiver: Banco Santander bank

-----  
31C Date of issue: 3 Oct 07

31D: Expiry date: 5 Dec 07

41D: Available with: Banco Santander bank by deffered  
payment at 180 days after shipment date

44C: Latest date of shipment: 10 Nov 07  
-----

Vào ngày 01/11/07, người thụ hưởng xuất trình bộ chứng từ đến Banco Santander bank để thương lượng. Ngân hàng này đã kiểm tra và xác định bộ chứng từ phù hợp L/C và đã ứng trước cho người thụ hưởng, sau đó gửi chứng từ đến BNP Paribas để yêu cầu thanh toán vào ngày đáo hạn. Nhưng BNP Paribas phát hiện bộ chứng từ giả mạo và từ chối hoàn trả cho ngân hàng Banco Santander bank. Vậy BNP Paribas hành động đúng hay sai?

### **Hướng dẫn trả lời:**

#### **Bài (35)**

Tháng 6 năm 2007, công ty xuất nhập khẩu tổng hợp (CENTRIMEX) đã ký hợp đồng nhập khẩu 10.000 tấn phân Ure của công ty HELM (Đức) với giá 145 USD/tấn, tổng trị giá hợp đồng gần 1.500.000 USD. Nếu có vấn đề tranh chấp sẽ nhờ trọng tài Singapore hoặc Việt Nam giải quyết. CENTRIMEX tìm được ngay đối tác nhận mua toàn bộ số hàng trên, đó là công ty Vật tư Nông Sản Hà Nội với giá 1.610.616,6 USD. Như vậy, CENTRIMEX thu vào hơn 2 tỷ đồng nhờ phần chênh lệch sau khi giao dịch của thương vụ này.

Trong khi hàng trên đường đến VN (vào tháng 9/2007) lũ lụt chưa từng có đã xảy ra ở đồng bằng sông Cửu Long, nhu cầu về phân Ure xuống rất thấp, giá phân Ure ở thị trường VN giảm tới 40 USD/tấn so với lúc nhập khẩu. CENTRIMEX đối mặt với nguy cơ lỗ vốn gần 6 tỷ đồng (400.000 USD).

Ngày 29/09/2007 hàng cập cảng Sài Gòn an toàn, không có sự tổn thất. CENTRIMEX và sở giao dịch 1 (Ngân hàng NN&PTNN) nhận thấy trong bộ hồ sơ đề nghị thanh toán của Ngân hàng NHF tại Đức có 3



lỗi, qua đó từ chối không nhận hàng với lý do “Bộ hồ sơ có lỗi” và đòi phía đối tác (HELM) hoàn trả số tiền đã trả theo hợp đồng gần 1,5 tr USD. Ba lỗi đó gồm:

- Trên vận đơn không ghi ngày xếp hàng lên tàu (nhưng trên vận đơn có ghi ngày phát hành vận đơn).
- Trên hối phiếu không ghi tên ngân hàng trả tiền (drawee có ghi sở giao dịch 1)
- Số tiền diễn tả bằng chữ không đúng luật (sai lệch với số tiền ghi bằng số)
- Còn số hàng 10.000 tấn phân Ure trên tàu không thể chờ đợi được nên công ty XNKTH 3 cho phép tàu rời cảng Sài Gòn. Sau đó Ngân hàng BHF chiết nợ 100% giá trị L/C bằng cách trừ chiết khấu từ tài khoản của ngân hàng NN&PTNN Việt Nam tại Ngân hàng BHF với số tiền gần 1,5 tr USD, đồng thời bắt phía Việt Nam chịu phạt lãi trả chậm số tiền còn thiếu 10.162 USD. Sau khi mất cả tiền lẫn hàng, ngày 07/11/2007, CENTRIMEX đã kiện công ty HELM ra trung tâm trọng tài quốc tế tại Việt Nam đòi bồi thường số tiền 1.666.000 USD cũng với lý do trên.

Biết rằng khi ký kết hợp đồng L/C được mở không hủy ngang tại Sở Giao Dịch 1 thuộc ngân hàng NN&PTNN Việt Nam và tuân theo quy tắc UCP 600. Chúng ta phải xử lý tình huống này như thế nào theo UCP 600?

### **Hướng dẫn trả lời:**

#### **Bài (36)**

Công ty xuất nhập khẩu (A) tiến hàng nhập khẩu phân bón từ một công ty tại Singapore (B). Đồng thời (A) tiến hàng bán toàn bộ lô hàng trên cho công ty vật tư nông nghiệp (C), và báo (C) đến nhận hàng tại cảng Hải Phòng.

Ngày giao hàng phân bón Trung Quốc chậm nhất là ngày 15/09/2007.

Ngày 01/09/2007, theo yêu cầu của (C), A yêu cầu tu chỉnh L/C: cảng giao hàng Hải Phòng sửa đổi thành cảng Sài Gòn.

Đến cuối ngày 12/09 không có chấp nhận hay từ chối tu chỉnh từ phía công ty bán hàng Singapore (B), (A) quyết định không thay đổi kế hoạch giao hàng với (C), và báo cho (C) việc vẫn nhận lô hàng tại cảng Hải Phòng.

Ngày 15.09, (B) giao hàng tại cảng Sài Gòn. Trong khi đó, (C) lại điều phương tiện vận chuyển đến cảng Hải Phòng để nhận, kết quả là không nhận được hàng.

Ngày 25/09/2007 Ngân hàng phát hành L/C Việt Nam nhận được đơn xuất trình ghi cảng đến là cảng Sài Gòn. Và lô hàng đã được (B) vận chuyển đến cảng Sài Gòn.

Từ đó phát sinh tranh chấp giữa 3 bên:

Công ty XNK (A) từ chối thanh toán với lý do: cảng đến sai so với L/C gốc là cảng Hải Phòng.

Công ty Singapore (B) không đồng ý và dọa kiện (A) ra hội đồng tranh chấp quốc tế.

Công ty vật tư nông nghiệp (C) điều phương tiện đến Hải Phòng để nhận hàng: không có hàng, từ chối thực hiện hợp đồng đòi công ty XHK (A) bồi thường thiệt hại.

Hãy phân tích tình huống và theo bạn, mọi chi phí, tổn thất do chuyển cảng nhận hàng ai chịu. Tại sao?

### **Hướng dẫn trả lời:**

#### **Bài (37)**

Một L/C không hủy ngang, trả ngay có trị giá 2,000,000.00 USD được mở ngày 06/9/2007 và hết hạn vào ngày 01/11/2007. L/C quy định: giao hàng trễ nhất vào ngày 6/10/2007, bộ chứng từ có thể xuất trình tại bất cứ ngân hàng nào để yêu cầu chiết khấu nhưng thời gian xuất trình là 21 ngày kể từ ngày giao hàng nhưng trong thời gian hiệu lực của L/C. Vào ngày 7/10/2007, người bán hàng xuất trình bộ chứng từ vào

ngày 28/10/2007 để yêu cầu thanh toán từ ngân hàng mở L/C. Nhưng bộ chứng từ bị từ chối do giao hàng và xuất trình chứng từ trễ hạn. Ngay sau đó, hàng lên giá. Người bán đã thỏa thuận với khách hàng khác giá cao hơn. Còn người mua thứ nhất cũng đến ngân hàng xin chấp nhận bất hợp lệ, chấp nhận thanh toán để nhận được hàng. Người bán không đồng ý. Trong khi đó, ngân hàng mở L/C lại trao bộ chứng từ cho người mua thứ nhất đi nhận hàng. Theo bạn, trong tình huống này, hành xử của đối tượng nào đúng và đối tượng nào sai? Hãy phân tích và giải thích lý do.

### **Hướng dẫn trả lời:**

#### **Bài (38)**

Cho 2 bộ chứng từ xuất trình cho L/C (đính kèm). Yêu cầu:

1. Phân tích nội dung của L/C phát sinh.
2. Vẽ và trình bày quy trình mở và thanh toán cho L/C trên (lưu ý liên hệ thực tế)
3. Giả sử bạn là nhân viên của ngân hàng VN, bạn hãy trình bày chi tiết quá trình kiểm tra từng chứng từ trong bộ chứng từ xuất trình theo L/C trên.

### **Hướng dẫn trả lời:**

#### **Bài (39)**

Doanh nghiệp X xuất trình hồ sơ vay ngân hàng A để mua hàng xuất khẩu, các số liệu thu thập được như sau: chi phí thanh toán cho nhà cung cấp theo hợp đồng là 1.200 triệu đồng ( trong đó thanh toán 70% phần nợ còn lại được trả sau khi tiêu thụ xong toàn bộ hàng hóa) chi phí tiêu thụ đi kèm: 100 triệu đồng; Vốn của Doanh nghiệp tham gia vào dự án: 200 triệu đồng; Tài sản đảm bảo được định giá: 2.100 triệu đồng (tỷ lệ cho vay không vượt quá 50%)

#### **Yêu cầu:**

1. Xác định hạn mức cho vay ?
2. Cho biết cách xử lý trong các trường hợp sau:
  - Trong lần tái xét khoản vay sau 2 tháng, ngân hàng nhận thấy doanh nghiệp có dấu hiệu giảm sút về tài chính, nguồn thu nợ từ bán hàng không rõ ràng, tài sản đảm bảo sụt giảm tới 20% so với giá trị ban đầu.
  - Trong thời hạn cho vay, doanh nghiệp không có dấu hiệu xấu, nhưng khi đáo hạn thì doanh nghiệp không trả được nợ, mặt khác do thị trường biến động nên giá trị tài sản đảm bảo chỉ còn khoảng 70% nợ gốc.

### **Hướng dẫn trả lời:**

nhu cầu vốn lưu động = 1200 + 100 = 1300

vốn khác (vốn doanh nghiệp chiếm dụng) = 30% x 1200 = 360

vốn chủ sở hữu = 200

giá trị Tài sản đảm bảo = 2100 x 50% = 1050

Từ: hạn mức tín dụng = nhu cầu vốn lưu động - vốn chủ sở hữu - vốn khác

= 1300 - 200 - 360 = 740

mức cho vay max = 1050

chấp nhận mức cho vay trên.

Doanh nghiệp biểu hiện khả năng tài chính giảm sút, khoản thu không rõ ràng thì cần nhắc nhở chấn chỉnh đối với doanh nghiệp, tìm ra nguyên nhân sai phạm. Tìm nguyên nhân doanh nghiệp không trả



được nợ. Nếu là nguyên nhân khách quan thì có thể gia hạn nợ, miễn giảm lãi vay mặc dù tài sản đảm bảo chỉ còn 70% giá trị ban đầu.

#### **Bài (40)**

Công ty kinh doanh xuất nhập khẩu Long Thành gửi hồ sơ đến chi nhánh NHCT Bình Thuận đề nghị vay 55 tỷ đồng vốn lưu động với thời hạn 5 tháng để thực hiện phương án thu mua, chế biến xuất khẩu hạt điều, niên vụ 2013. sau khi thẩm định ngân hàng đã xác định đã xác định được các số liệu sau:

- Số lượng hạt điều thô dự kiến mua: 11.000 tấn
- Giá thu mua: 6,5 triệu/tấn
- Chi phí vận chuyển: 150.000 đồng/tấn
- Chi phí chế biến, bán hàng, đóng gói: 800.000 đồng/tấn
- Vốn chủ sở hữu tham gia vào phương án: 30%
- Thời gian luân chuyển hàng hóa bình quân của đơn vị: 3 tháng
- Thời gian thu hồi vốn của phương án: 4 tháng
- Giá trị tài sản thế chấp của công ty: 75 tỷ đồng

**Yêu cầu:** Bạn có chấp nhận đề nghị của khách hàng về mức vay và thời hạn vay không? Hãy giải thích? Biết rằng

- Ngân hàng đủ nguồn vốn để đáp ứng nhu cầu vốn hợp lý của khách hàng.
- Giả thiết các nội dung về điều kiện vay vốn, thủ tục coi như đầy đủ, đạt yêu cầu
- Công ty thuộc diện phải thực hiện bảo đảm bằng tài sản đối với khoản vay. Theo quy định của NHCT: mức cho vay tối đa không được vượt quá 70% giá trị tài sản đảm bảo

#### **Hướng dẫn trả lời:**

Thời gian luân chuyển hàng hóa BQ & Thời gian thu hồi vốn dùng để xác định kỳ hạn cho vay doanh nghiệp này

Thời gian cấp hạn mức tín dụng = Thời gian SX hạt điều (3 tháng) + Thời gian xuất khẩu điều & bán ra nhu cầu ngoài (4 tháng), Khoảng thời gian cần thiết cho phương án sxkd là 7 tháng. Tuy nhiên Doanh nghiệp cần có 5 tháng, Khoảng thời gian cho vay tối đa là 5 tháng

- Tiếp theo là xác định hạn mức cho vay:

Bước 1: Thẩm định Tài sản

- Xem tài sản thế chấp đủ chưa:  $70\% \times 75 \text{ tỷ} = 52,5 \text{ (tỷ đồng)}$

Bước 2: Thẩm định phương án kinh doanh.

- Tổng chi phí từ phương án =  $11.000 \times (6.500.000 + 70.000 + 500.000) = 77,77 \text{ (tỷ đồng)}$

Hạn mức cho vay = Tổng tiền khách hàng cần vay - Vốn chủ sở hữu tham gia  
 $= 77,77 \text{ tỷ} - 30\% \times 77,77 \text{ tỷ} = 54,439 \text{ (tỷ đồng)}$

Giả thiết: khách hàng đủ điều kiện vay, ngân hàng đủ vốn.

Vậy Hạn mức cho vay = Min (Bước 1; Bước 2) = 52,5 (tỷ đồng) & thời gian cho vay tối đa là 5 tháng

#### **Bài (41)**

Giả sử 1 ngân hàng dự tính chi phí cận biên cho việc huy động vốn để thực hiện 1 khoản cho vay 10 tỷ đồng là 8,4%, chi phí hoạt động cho việc định giá và xử lý khoản vay này là 0,5%, phần bù rủi ro dự tính là 0,375%, phần bù rủi ro kỳ hạn dự tính là 0,625% và lợi nhuận cận biên của ngân hàng là 0,25%. Lãi suất cho vay nên xác định như thế nào, hàng năm khách hàng phải trả bao nhiêu tiền lãi ?

### **Hướng dẫn trả lời:**

#### **Bài (42)**

Một khách hàng có nhu cầu xin tái gia hạn hạn mức tín dụng 10 tỷ đồng trong khoảng thời gian 10 tháng. Dự tính nguồn thu và chi phí từ khoản vay này như sau:

a. nguồn thu dự tính:

- Thu từ lãi cho vay hàng năm: lãi suất cơ sở tổng 1%, 11%
- Phí cam kết 1% tính trên hạn mức tín dụng
- Phí quản lý TKTG 4,5 triệu
- Phí chuyển tiền: 3,5 triệu
- Phí cho các dịch vụ đại lý: 8,8 triệu

b. Chi phí dự tính:

- Chi trả lãi TKTG của khách hàng 9%
- Chi phí huy động vốn: 9,75%
- Chi phí cho các hoạt động của TK 19 triệu
- Chi phí chuyển tiền: 1,3 triệu
- Chi phí xử lý khoản cho vay 12,4 triệu
- Chi phí cho việc ghi chép quản lý TK 4,5 triệu

Những phân tích tín dụng cho thấy khách hàng sẽ duy trì số dư trên TKTG là 2125 triệu cho những hoạt động thường xuyên hàng năm. Tỷ lệ thu nhập dự tính hàng năm là bao nhiêu nếu như khách hàng sử dụng toàn bộ hạn mức tín dụng? ngân hàng sẽ đưa ra quyết định như thế nào trong điều kiện trên? Nếu bạn từ chối điều kiện này thì với điều kiện nào về thu nhập, chi phí, số dư TK sẽ thực hiện cho vay?

Các tình huống:

- Hãy xác định mức lãi suất cơ sở hoà vốn trong quan hệ với khách hàng với giả thiết thu nhập và chi phí khác không đổi
- Hãy xác định mức chi phí lãi hoà vốn trong quan hệ với khách hàng với giả thiết lãi suất cơ sở, thu nhập và chi phí khác không đổi
- Việc định giá đối với khách hàng này sẽ thay đổi như thế nào nếu lãi suất cơ sở giảm từ 11% xuống 9% trong khi chi phí đối với ngân hàng không đổi ?
- Bạn có thể đưa ra 1 kết luận khác với yêu cầu cho vay này nếu khách hàng đồng ý mở 1 TKTG kỳ hạn với lãi suất 9,25% thay 9% và lãi suất huy động vốn cho khoản vay này tăng từ 9,75% lên 10,65% trong khi lãi suất cơ sở giảm xuống 9,5% ? bạn có đồng ý hay không ? tại sao ?

### **Hướng dẫn trả lời:**

#### **Bài (43)**

Nhằm thực hiện 1 khoản cho vay 10 tỷ đồng trong vòng 1 năm đối với 1 trong những khách hàng tốt nhất, NHA đã bán kỳ phiếu ngân hàng cho những người đầu tư tổng trị giá 6 tỷ đồng, lãi suất hàng năm là 8,75% và vay 4 tỷ đồng từ thị trường liên ngân hàng với lãi suất 8,4%. Chi phí cho việc quản lý, thẩm định tín dụng và chi phí giám sát TK dự tính là 25 triệu. Phòng phân tích tín dụng yêu cầu 1% phần bù rủi ro

và 0,25% lợi nhuận. ngân hàng sử dụng phương pháp định giá tổng hợp chi phí trong trường hợp này. khách hàng phải chịu 1 mức lãi suất là bao nhiêu ?

Các tình huống:

a. Giả sử NHA vay toàn bộ 10 tỷ trên thị trường liên ngân hàng với lãi suất 8,4%, lãi suất cho vay xác định theo phương pháp tổng hợp chi phí là bao nhiêu ? ngân hàng phải đối mặt với rủi ro gì khi toàn bộ 10 tỷ được huy động trên thị trường liên ngân hàng ?

b. Nếu những chi phí liên quan đến việc cho vay tăng lên 35 nghìn đồng và khách hàng chỉ chấp nhận lãi suất trần là 10%. Điều gì sẽ xảy ra đối với thu nhập của NH

### **Hướng dẫn trả lời:**

#### **Bài (44)**

Một khách hàng lớn yêu cầu ngân hàng cho vay 15 tỷ vốn lưu động để tài trợ cho việc mua hàng dự trữ. ngân hàng đưa ra mức lãi suất thả nổi kỳ hạn 90 ngày tương đương với libor trên thị trường châu âu kỳ hạn 30 ngày (lãi suất 9,25%/năm) cộng 0,25%. Tuy nhiên khách hàng muốn một mức lãi suất theo phương pháp tích 1,025 libor. Nếu ngân hàng đồng ý với lãi suất này thì lãi suất cho vay sẽ là bao nhiêu tại ngày hôm nay? So sánh tương quan với lãi suất cho vay mà ngân hàng mong muốn ? yêu cầu này của khách hàng cho thấy lãi suất sẽ thay đổi như thế nào trong thời gian tới?

Giả sử ngân hàng đề nghị với khách hàng như sau: ngân hàng sẽ cho vay với lãi suất Libor cộng 1,8% đối lại khách hàng phải duy trì trên TK giao dịch số dư tối thiểu 250 nghìn đồng trong suốt thời gian của khoản vay ? khách hàng có thể đồng ý với đề nghị này không ? Tại sao

### **Hướng dẫn trả lời:**

#### **Bài (45)**

Công ty A có nhu cầu vay vốn nhập khẩu 1 xe trộn bê tông, giá trị Hợp đồng ngoại nhập khẩu là 100.000 USD. Phương thức thanh toán ngoại là 10% thanh toán T/Tr (chuyển tiền) ngay khi hợp đồng được ký, 90% còn lại thanh toán bằng L/C trả ngay khi bộ chứng từ về. Khách hàng đã dùng vốn tự có thanh toán 10% ban đầu. Chi phí thông quan 21%, chi phí thuê kho bãi vận chuyển 5%, chi phí bảo hiểm 1,2%, chi phí khác 2%, thuế nhập khẩu 5%, thuế VAT 10%, chi phí Thanh toán quốc tế và lãi vay dự kiến là 5% trên giá trị hợp đồng ngoại nhập khẩu.

Hãy xác định nhu cầu vốn có thể tài trợ của phương án này? Theo quy định, ngân hàng được phép tài trợ tối đa 80% nhu cầu vốn có thể tài trợ. Vậy khách hàng phải bỏ thêm vốn tự có là bao nhiêu?

- Có cho vay thuế nhập khẩu, VAT? Chính vì là thuế gián thu nên mới cho vay.

- Còn nếu thuế trực thu như thuế thu nhập doanh nghiệp thì không cho vay.

- Chi phí Thanh toán quốc tế và lãi vay không cho vay

- Thêm về VAT.

### **Hướng dẫn trả lời:**

+ Nếu doanh nghiệp là người tiêu dùng cuối cùng, không cho vay.

+ Nếu doanh nghiệp là người nộp hộ, cho vay.

- Ngân hàng cung cấp dịch vụ Thanh toán quốc tế và cho vay, có cho họ vay luôn cả phần tiền để họ trả phí và lãi cho mình

Nếu nói riêng về lãi vay, doanh nghiệp phải dùng nguồn trả nợ như kế hoạch, chứ làm sao đi vay chỗ này trả chỗ kia được.

Các loại chi phí cho vay như sau: Chi phí thông quan 21%, chi phí thuê kho bãi vận chuyển 5%, chi phí khác 2%, thuế VAT 10%, thuế NK 5%. Thuế nhập khẩu và VAT vẫn cho vay, thực tế và vẫn tính vào chi phí nhập khẩu nên cho vay như thường. Còn lãi vay và CP TTQT thì không cho vay

### **Bài (46)**

Doanh nghiệp X xuất trình hồ sơ vay ngân hàng A để thực hiện mua hàng xuất khẩu, các số liệu được thu thập như sau:

- Chi phí thanh toán cho người cung cấp theo hợp đồng là 1.200 triệu đồng (trong đó thanh toán 70%, phần nợ còn lại được trả sau khi đã tiêu thụ xong toàn bộ hàng hóa).
- Chi phí tiêu thụ đi kèm: 100 triệu đồng.
- Vốn của doanh nghiệp tham gia vào phương án: 200 triệu đồng.
- Tài sản đảm bảo nợ vay được định giá là: 2.100 triệu đồng (tỷ lệ cho vay tối đa là 50%).

Yêu cầu:

1. Xác định hạn mức cho vay đối với doanh nghiệp nếu các quy định khác về điều kiện vay và nguồn vốn của ngân hàng đều thỏa mãn.
2. Cho biết các xử lý của ngân hàng trong các Trường hợp sau:
  - a. Trong lần tái xét khoản vay sau 2 tháng, ngân hàng nhận thấy doanh nghiệp có biểu hiện giảm sút về tài chính, nguồn thu nợ từ bán hàng không rõ ràng, tài sản đảm bảo sụt giảm tới 20% so với giá trị ban đầu.
  - b. Trong thời gian cho vay, doanh nghiệp thực hiện đúng các cam kết, không có dấu hiệu xấu, nhưng khi khoản vay đáo hạn, doanh nghiệp không trả được nợ, ngân hàng đã áp dụng 1 số biện pháp khai thác nhưng không thành công. Mặt khác, do thị trường biến động mạnh nên giá trị tài sản đảm bảo chỉ còn khoảng 70% số nợ gốc.

### **Hướng dẫn trả lời:**

#### ***1- Xác định hạn mức tín dụng***

Nhu cầu vay vốn lưu động của Doanh nghiệp X = CP mua NVL + CP khác – Vốn doanh nghiệp tham gia.  
Trong đó:

- CP mua NVL =  $0.7 \times 1.200$  triệu đồng = 940 triệu đồng (thanh toán ngay)
- CP khác: 100 triệu đồng
- Vốn doanh nghiệp tham gia = 200 triệu đồng
- Nhu cầu vay vốn lưu động của doanh nghiệp X =  $940 - 100 - 200 = 640$  triệu đồng (1)
- Tài sản đảm bảo của doanh nghiệp X có GT = 2.100 triệu đồng, tỷ lệ cho vay trên tài sản đảm bảo của ngân hàng tối đa là 50% tài sản đảm bảo được cho khoản vay tối đa là: 1.050 triệu đồng (2)

Từ (1) và (2) cho vay tối đa 640 triệu đồng

2- Cho biết các xử lý của ngân hàng trong các Trường hợp sau:

- a. Sau 02 tháng kể từ khi cho vay, kiểm tra lại khoản vay có dấu hiệu tình hình tài chính doanh nghiệp có vấn đề cụ thể là giảm sút về tài chính và nguồn thu không rõ ràng. CBTD cần KT, làm rõ xem nguyên nhân việc giảm sút tài chính của doanh nghiệp do đâu

Các hướng Kiểm tra thông qua:

- Tình hình thanh toán nợ gốc lãi
- Tình hình các khoản phải thu, phải trả trong 02 tháng qua
- Lượng tiền mặt của Công ty
- Tình hình doanh thu, chi phí, lợi nhuận 02 tháng qua

- Tình hình hàng tồn kho
- Tài sản đảm bảo sụt giảm 20% tức là còn 1.680 triệu vẫn đảm bảo cho khoản vay 640 triệu. Tuy nhiên cần làm việc với Ban Lãnh đạo doanh nghiệp về tình hình kinh doanh thời gian qua, tìm giải pháp khắc phục (do thị trường, do có xáo trộn, biến động bất ngờ trong công ty)
- a. Trong trường hợp ý chí trả nợ tốt, việc khách hàng không trả được nợ do Nguyên nhân khách quan (thị trường sụt giảm bất ngờ,...), nhưng triển vọng có khả năng trả được nợ trong tương lai CBTD đề xuất vs ngân hàng gia hạn nợ vay vs khách hàng.
- b. Trong trường hợp ý chí trả nợ của khách hàng kém, đầu tiên ngân hàng tiến hành thanh lý Hợp đồng, phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi vốn, rồi còn gì thì xiết tiếp để thu hồi vốn, không thì đưa ra tòa.

### **Hướng dẫn trả lời:**

#### **Bài (47)**

Công ty XNK nông sản X lập hồ sơ vay vốn 5,5 tỷ VND, thời hạn trả nợ 5 tháng. Chi phí phát sinh:

- + Thu mua 1.100 tấn NVL
- + Giá mua 6,5 triệu/tấn
- + Chi phí vận chuyển 70.000 VND/tấn
- + Chi phí chế biến, gia công, bán hàng: 500.000 VND/tấn
- + Vốn chủ sở hữu tham gia = 30% nhu cầu sử dụng vốn.
- + Thời gian luân chuyển vốn là 3 tháng
- + Thời gian thu hồi vốn là 4 tháng
- + Giá trị tài sản thế chấp là 7,5 tỷ

Yêu cầu: Theo bạn có nên chấp nhận mức cho vay và thời hạn vay trên không? Nêu rõ lý do tại sao?

Biết: Mọi thủ tục pháp lý đủ tiêu chuẩn, ngân hàng đủ khả năng cho vay. Hạn mức cho vay bằng 70% giá trị tài sản đảm bảo.

### **Hướng dẫn trả lời:**

Hạn mức tín dụng = Nhu cầu vốn lưu động – vốn tự có

Nhu cầu vốn lưu động = Tổng chi phí/vòng quay vốn lưu động

Vòng quay vốn lưu động = 360/ thời gian luân chuyển vốn = 360/90 = 4 vòng

- Tổng chi phí = 1100 x (6,5 + 0,07 + 0,5) = 7,777 triệu

- Nhu cầu vốn lưu động = 7777/4 = 1944,25 triệu

- Vốn chủ sở hữu = 1944,25 x 30% = 583,275

- Hạn mức tín dụng = 1944,25 - 583,275 = 1360,975 triệu

- Tài sản đảm bảo = 7,5 tỷ x 70 % = 5,25 tỷ

- Tài sản đảm bảo có 5,25 tỷ xin vay 5,5 tỷ, không cho vay

- Hạn mức tín dụng có 1 tỷ 360 triệu xin vay 5,5 tỷ, không cho vay

- Thời gian thu hồi vốn 4 tháng mà xin vay 5 tháng, không cho vay

Cho vay 5.25 tỷ thời gian cho vay 4 tháng. Phương thức cho vay từng lần. Vì tài sản đảm bảo chỉ đảm bảo được tới mức đó. Còn mọi vấn đề đều hợp lý.

Nếu cho vay theo phương thức hạn mức tín dụng thì đề bài chưa đủ dữ liệu. Chưa biết đây là phương án kinh doanh tại một thời điểm của khách hàng hay kế hoạch kinh doanh năm của khách hàng nếu là Kế hoạch kinh doanh năm thì trả lời như vậy là được. Còn là phương án kinh doanh tại 1 thời điểm thì cần xem lại.

### **Bài (48)**

Ngày 1/6/2008, doanh nghiệp A có nhu cầu mở L/C nhập hàng số tiền 400.000 USD, ký quỹ 30% giá trị L/C (bằng USD) bằng vốn tự có của doanh nghiệp. Thời gian từ khi mở L/C đến khi thanh toán L/C ước tính tối đa 1 tháng. Doanh nghiệp phải vay vốn ngân hàng số tiền còn lại để thanh toán L/C với thời gian vay vốn là 3 tháng. doanh nghiệp không có khả năng tự tạo ngoại tệ và phải mua toàn bộ ngoại tệ từ ngân hàng. Tỷ giá giao ngay ngày 1/6/2008 là 16.400 VND/USD

Ngân hàng đồng ý mở L/C và đưa ra 2 phương án cho doanh nghiệp chọn lựa:

- Phương án 1: doanh nghiệp nhận nợ vay bằng tiền VND để mua ngoại tệ thanh toán L/C với lãi suất 0.9%/tháng với tỷ giá xác định trước là 16.450 VND/USD
- Phương án 2: doanh nghiệp nhận nợ vay bằng USD để thanh toán L/C với lãi suất 5%/năm. Ngân hàng sẽ bán USD cho doanh nghiệp để trả nợ gốc và lãi với tỷ giá bằng tỷ giá giao ngay tại thời điểm trả nợ cộng 30 điểm. Tốc độ tăng tỷ giá bình quân trong tháng 4 là 0.6%

Hỏi doanh nghiệp nên chọn dự án nào ?

### **Hướng dẫn trả lời:**

DN hiện tại đang cần vay 280.000usd (70% $\times$ 400.000) trong vòng 3 tháng và có 2 phương án là vay USD và vay VND từ ngân hàng.

+ Xét phương án 1: (tức vay ngân hàng bằng VNĐ để mua USD đập vào LC)

- Chi phí để mua 280.000usd là  $280.000 \times 16.400 = 4.606$  ( trđồng VND)

- Sau 3 tháng doanh nghiệp phải trả cho ngân hàng số tiền:

$$4.606 \times (1 + 0,9\% \times 3) = 4.730,362 \text{ ( trđồng VNĐ) (1)}$$

+ Xét phương án 2: (tức vay USD), sau 3 tháng dùng VNĐ mua lại USD trả cho NH) sau 3 tháng, số USD phải trả cho ngân hàng là:  $280.000 \times (1 + 5\% / 12 \times 3) = 283.500$  (USD)

- Tỷ giá giao ngay tại thời điểm trả nợ (sau 3 tháng) là:  $16.450 \times (1 + 0,6\% / 4 \times 3) = 16.524,025$  (VND/USD)

- Tỷ giá ngân hàng bán USD cho doanh nghiệp sau 3 tháng là 16.554,025 (thêm 30 điểm)

Vậy số VND mà doanh nghiệp phải bỏ ra để mua 283.500 USD trả ngân hàng là:

$$283.500 \times 16.554,025 = 4.693,066 \text{ ( trđồng VND) (2)}$$

+ So sánh (1) với (2) ta thấy phương án 2 có chi phí nhỏ hơn có thể chọn phương án 2

1. Phương án 1: Vay VNĐ để mua USD.

- Số tiền là  $280.000 \times 16.450 = 4.606$  trđồng VND (không phải 16.400)

- Sau 3 tháng, gốc và lãi là:  $4.606 \times (1 + 0,9\% \times 3) = 4.730,362$  trđồng VND

2. Phương án 2: Vay USD hiện tại, chịu lãi và sau 3 tháng phải mua USD để trả nợ.

Tỷ giá giao ngay sau 3 tháng được tính theo công thức giá bán kỳ hạn.

Tỷ giá kỳ hạn 3 tháng = Tỷ giá bán giao ngay + Tỷ giá bán giao ngay  $\times$  (Lsuất năm VND

- Lsuất năm USD)  $\times$  Số ngày/360

$$= 16.400 + 16.400 \times (10,8\% - 5\%) \times 90/360 = 16.637,8 \text{ (VND/USD)}$$

Tỷ giá khách hàng phải mua là + thêm 30 điểm =  $16.637,8 + 30 = 16.667,8$  (VND/USD)

Số USD phải trả là  $280.000 \times (1 + 5\% / 12 \times 3) = 283.500$  USD

Số VND sẽ phải trả =  $283.500 \times 16,667,8 = 4.716,816$  trđồng VND

Như vậy kết quả cuối cùng vẫn là chọn phương án 2. Có điều doanh nghiệp chỉ được lợi hơn ít thôi. Khoảng 13 trđồng.

### **Bài (49)**

Bạn hãy cho biết *khi nào* doanh nghiệp xuất khẩu sẽ sử dụng hối phiếu để đòi tiền người mua hàng? Khi nào hối phiếu sẽ có giá trị? Người thụ hưởng hối phiếu (đã có giá trị) sẽ có thể sử dụng hối phiếu chậm trả chưa đến hạn thanh toán như thế nào? Khi chuyển nhượng lại hối phiếu cho người khác, người thụ hưởng hiện tại trên hối phiếu sẽ thực hiện nghiệp vụ gì đối với hối phiếu?

#### **Bài (50)**

C/O do phòng thương mại và công nghiệp nước xuất khẩu cấp có phải là chứng từ bắt buộc phải có hay không? Trường hợp nào sẽ buộc phải có chứng từ này? Có phải có C/O chỉ có thể được phát hành bởi phòng thương mại và công nghiệp nước xuất khẩu? Nếu có nhiều đối tượng khác cũng cấp được C/O thì người nhập khẩu phải yêu cầu như thế nào để có được đúng loại C/O như mong muốn?

#### **Bài (51)**

Anh(chị) hãy cho biết vì sao người thụ hưởng L/C (thường là nhà xuất khẩu) phải kiểm tra lại L/C trước khi chấp nhận thực hiện theo L/C? Do khách quan mà khi giao hàng nhà xuất khẩu đã giao hàng trễ hạn 01 ngày so với L/C qui định thì phải xử lý việc này thế nào (giả định người mở L/C sẽ có thiện chí hợp tác)?

### **Chương (9) CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGÂN HÀNG KHÁC**

#### **CÂU HỎI ÔN TẬP**

1. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến chính sách lãi suất của NHTM? Cho ví dụ minh họa để phân tích trường hợp bán chéo sản phẩm ?
2. Trình bày các chiến lược quản trị thanh khoản của NHTM ?
3. Nêu và phân tích những nhược điểm của hệ thống NHTM cổ phần Việt Nam hiện nay?
4. Trình bày cấu trúc tổ chức của hệ thống NHVN hiện nay ? khi thực hiện các cam kết với tổ chức TWO cấu trúc của hệ thống NHVN có những thay đổi nào?
5. Sự khác biệt giữa giao dịch với khách hàng là cá nhân và doanh nghiệp
6. Trình bày hệ thống các sản phẩm dịch vụ ngân hàng dành cho khách hàng cá nhân
7. Phát triển các sản phẩm và dịch vụ ngân hàng điện tử có ý nghĩa như thế nào đối với hoạt động của ngân hàng thương mại. Để phát triển cần có điều kiện gì?
8. Theo bạn các dịch vụ hỗ trợ có ý nghĩa như thế nào đối với hoạt động kinh doanh bất động sản của ngân hàng
9. Tại sao ngân hàng cần kết hợp cung cấp trọn gói các hoạt động từ kinh doanh dự án, thanh toán và cho vay mua bán bất động sản cho khách hàng?
10. Trình bày nhu cầu, lợi ích của khách hàng khi sử dụng dịch vụ chuyển tiền. Trong tương lai dịch vụ này sẽ phải đối mặt với những thử thách gì?
11. Phân tích nhu cầu và khả năng phát triển giao dịch giao sau ở Việt Nam. Để vận dụng vào Việt Nam cơ chế cần có những thay đổi gì?
12. Nếu là nhân viên kinh doanh ngoại tệ trên thị trường quốc tế bạn cần nắm vững các nghiệp vụ liên quan nào? Tại sao bạn cần thu thập thông tin cần thiết, xử lý thông tin và dự báo tỷ giá trước khi thực hiện giao dịch? Kỳ vọng hợp lý về tỷ giá đóng vai trò như thế nào trong quyết định kinh doanh ngoại tệ.



13. Phát triển và thực hiện các giao dịch kinh doanh ngoại tệ nhằm đáp ứng nhu cầu nào của khách hàng và ngân hàng? Việc tổ chức giao dịch và lựa chọn khách hàng tiềm năng và giao dịch phù hợp được các ngân hàng thực hiện ra sao?
14. Các công cụ cần để dự báo tỷ giá một ngoại tệ. Kết quả theo bạn là tỷ giá thị trường hay tỷ giá lý thuyết. Các công cụ này có hoàn toàn chính xác không? Tại sao?
15. Về căn bản và chi tiết, hợp đồng kỳ hạn và hợp đồng tương lai khác nhau ở những điểm nào?
16. Giá trị nhận được bởi bên mua và bên bán hợp đồng tương lai như thế nào? Cách định giá hợp đồng tương lai? Cho ví dụ minh họa.
17. Thị trường tài chính phái sinh là gì? Các công cụ tài chính phái sinh nào được giao dịch trên thị trường này?
18. Theo bạn hiện nay đã có nhu cầu thực hiện giao dịch tài chính phái sinh ở Việt nam chưa? Làm thế nào để xác định, xét về cả hượng diện đầu cơ và phòng ngừa rủi ro.
19. Cách thức tổ chức và giao dịch nghiệp vụ khách hàng cá nhân.
20. Làm thế nào ngân hàng có thể xác định được doanh nghiệp mục tiêu và lựa chọn những cơ hội theo đó để đầu tư và thâm nhập vào doanh nghiệp
- 6:** Khách hàng có được vay để trả thuế nhập khẩu, thuế VAT, lãi vay?
- 7:** Hãy trình bày chế độ kế toán hiện hành của chứng khoán sẵn sàng bán ra?
- 8:** Trong giao dịch thư điện tử, vì sao chỉ có lệnh huỷ nợ chứ không có lệnh huỷ có?

## **BÀI TẬP THỰC HÀNH**

### **Bài (1)**

Tại NHTM trong ngày có các nhu cầu sau

- Ông A đề nghị được thanh toán tiền điện, nước, đóng bảo hiểm,... hàng tháng từ thu nhập.
  - Bà B muốn chuyển tiền về quê cho người thân
  - Doanh nghiệp thương mại C là khách hàng quen đang mở TKGD, có nhu cầu vay vốn bổ sung thời gian 1 năm
  - Khách hàng D cần vay tiền để sửa chữa nhà, hiện đang nắm giữ một số chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu ngân hàng chưa đáo hạn
  - Ông E là viên chức nhà nước có thu nhập ổn định thường xuyên, đang mở tài khoản sử dụng ATM có nhu cầu tín dụng đáp ứng mục đích chi tiêu cá nhân
  - Doanh nghiệp G mới đi vào hoạt động cần vốn để thực hiện 1 đơn đặt hàng trong vòng 8 tháng.
- Bạn hãy tư vấn cho khách hàng lựa chọn các sản phẩm thích hợp, mỗi trường hợp ít nhất 1 sản phẩm. Đối với khách hàng là doanh nghiệp C và G cần thêm những điều kiện gì?

### **Hướng dẫn trả lời:**

1/ Tư vấn lựa chọn

- Mở tài khoản cá nhân
- Chuyển tiền điện tử
- Cho vay HMTD
- Cho vay cầm cố GTCG
- Cho vay tín chấp
- Cho vay từng lần ngắn hạn



2/ Điều kiện đối với doanh nghiệp C

- Báo cáo tài chính, giấy đề nghị vay vốn
- Phương án sản xuất kinh doanh

3/ Điều kiện đối với doanh nghiệp G

Bộ hồ sơ phải đủ gồm 2 đơn xin vay, giấy tờ pháp lý, phương án SXKD, giấy chứng minh quyền sở hữu.

### **Bài (2)**

Theo quan điểm tổng đầu tư (TIP) khi thẩm định dự án không đưa lãi và vốn gốc vào, tại sao thực tế một số ngân hàng vẫn sử dụng công thức sau:

- Lợi nhuận trước thuế = Doanh thu - Chi phí - Khấu hao - chi phí trả lãi
- Dòng tiền NCFi = Lợi nhuận sau thuế + Khấu hao - Chi phí trả gốc

#### **Hướng dẫn trả lời:**

Thực tế ngân hàng vẫn tính theo cả 2 quan điểm!

- Theo EPV thì có tính Gốc vào dòng tiền cả vào và ra, Lãi thì tính vào dòng tiền ra theo Chi phí
- Theo TIP thì không mà. TIP không phân biệt nguồn vốn vào nên không có Gốc + lãi

### **Bài (3)**

Các NHTM được xếp hạng theo phương pháp (tiêu chí) Camels, hãy nêu nội dung những tiêu chí này.

#### **Hướng dẫn trả lời:**

Nội dung của tiêu chí CAMELS

Capital Adequacy (Mức độ an toàn vốn)

Asset Quality (Chất lượng tài sản có)

Management (Quản lý)

Earnings (Lợi nhuận)

Liquidity (Thanh khoản)

Sensitivity to Market Risk (Mức độ nhạy cảm với rủi ro thị trường)

Phân tích mức chênh

### **Bài (4)**

Rủi ro tín dụng là gì? Phân tích các chỉ tiêu phản ánh rủi ro tín dụng

#### **Hướng dẫn trả lời:**

Các chỉ tiêu phản ánh

- Các yếu tố khách quan
  - Môi trường kinh tế: thị trường, đối thủ cạnh tranh, khả năng tiêu thụ...
  - Sự phát triển của ngành liên quan
  - Môi trường pháp lý
- Các yếu tố chủ quan
  - Hiệu quả hoạt động hiện tại của doanh nghiệp
  - Các khoản tín dụng hiện tại và lịch sử của các khoản tín dụng quá khứ của doanh nghiệp
  - Khả năng tài chính của doanh nghiệp
  - Tính thanh khoản

### **Bài (5)**

Hãy kể những nghiệp vụ chuyển tiền liên ngân hàng đang được sử dụng hiện nay?

#### **Hướng dẫn trả lời:**

+ Thanh toán trong nước

- Phương thức thanh toán liên hàng (bằng điện tử, và bằng giấy (hay còn gọi là phương thức truyền thống)) (Interbank)

- Phương thức bù trừ (clearing)

- Phương thức thanh toán qua tiền gửi NHNN

- Phương thức thanh toán song biên (mở tài khoản lẫn nhau tại các ngân hàng)

+ Thanh toán với các ngân hàng nước ngoài

- Thanh toán qua Swift

### **Bài (6)**

Năm 2006 tại Ngân hàng A gánh chịu một rủi ro như sau. Một tin đồn thất thiệt rằng: Giám Đốc của Ngân Hàng A bỏ trốn kCâu Việt Nam với một khoản tiền lớn. Trước tin đồn đó rất nhiều khách hàng đến rút tiền gửi Ngân Hàng về và lo lắng với các hợp đồng tín dụng của mình. trong khoảng thời gian đó Ngân Hàng A bị khủng hoảng về thanh khoản và ảnh hưởng lớn về uy tín của Ngân Hàng. Nếu là Giám Đốc của Ngân Hàng A bạn sẽ giải quyết như thế nào ?

#### **Hướng dẫn trả lời:**

### **Bài (7)**

Một khoản vay 1 tháng, số tiền 200 triệu được ngân hàng giải ngân bằng tiền mặt ngày 10/6/N với lãi suất 1,2%/tháng. Gốc và lãi trả cuối kỳ. Tài sản đảm bảo trị giá 250 triệu. Ngày 10/7/N, khách hàng đến trả lãi và gốc vay. Biết rằng ngân hàng hoạch toán dự thu, dự trả lãi vào đầu ngày cuối tháng và đầu ngày cuối kỳ của tài sản tài chính. Lãi suất quy định cho một khoảng thời gian đúng 30 ngày. Ngân hàng tính lập dự phòng rủi ro phải thu khó đòi vào ngày 5 hàng tháng cho các khoản nợ tính đến cuối tháng trước, kế toán hoàn nhập dự phòng ngay sau khi kết thúc hợp đồng vay.

Hãy trình bày các bút toán liên quan đến khoản vay này (bỏ qua bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh)

#### **Hướng dẫn trả lời:**

### **Bài (8)**

Cho biết tình hình tài sản và Nguồn vốn của NHTM X vào đầu kỳ như sau:

- Phát hành GTCG: 1.400 tỷ

- Cho vay: 9.800 tỷ

- Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư: 350 tỷ

- Chứng khoán đầu tư: 420 tỷ

- Tiền gửi của TCTD khác: 1.120 tỷ

- Tài sản cố định và tài sản khác: 2100 tỷ

- Vốn và quỹ: 1.610 tỷ

- Tiền mặt: 980 tỷ
- Tiền gửi của khách hàng: 9.520 tỷ
- Tiền gửi tại TCTD và CKCP ngắn hạn: 700 tỷ

**Trong kỳ các nghiệp vụ đã phát sinh:**

1. Thu hồi lãi vay 1.176 tỷ, trong đó 700 tỷ tiền mặt, còn lại qua tài khoản tiền gửi của khách hàng
2. Thu lãi đầu tư chứng khoán 42 tỷ qua tiền gửi tại TCTD khác
3. Trả lãi tiền gửi của khách hàng 666,4 tỷ bằng tiền mặt
4. Thu khác bằng tiền mặt 21 tỷ. Chi phí khác bằng tiền mặt 7 tỷ
5. Trả lương cho nhân viên ngân hàng 252 tỷ qua TK tiền gửi. Trong kỳ các nhân viên ngân hàng đã rút tiền mặt 210 tỷ
6. Thanh toán tiền lãi GTCC do ngân hàng đã phát hành 105 tỷ đồng

**Yêu cầu:**

- Lập bảng CĐKT đầu kỳ
- Xử lý và hoạch toán các nghiệp vụ nêu trên vào TK thích hợp
- Lập bảng CĐKT cuối kỳ

**Hướng dẫn trả lời:**

**1:**

**a) Ngày 10/6/X Khi giải ngân**

Nợ: Tk cho vay ngắn hạn (TK 2111) 200 triệu

Có: Tk tiền mặt (Tk 1011) 200 triệu

- Nợ" tài sản cầm cố, thế chấp của khách hàng"(TK 994): 250 triệu

**b) Lãi vay theo món tính và thu hàng tháng(cuối tháng theo nhóm ngày phát vay)**

- Lãi vay = Dư nợ thực tế theo món vay x Lãi suất (tháng) = 200 triệu x 1.2% = 2.4 triệu

Ngân hàng tính lãi dự thu

Nợ TK lãi phải thu về hoạt động tín dụng (TK 3941): 2.4 triệu

Có TK thu lãi cho vay (TK 702): 2.4 triệu

**c) Lập dự phòng**

Nợ chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi (TK 8822):

Nợ Dự phòng rủi ro (TK 2191,2192):

Nếu trong kế toán doanh nghiệp là trích lập dự phòng theo bao nhiêu %,

**d) 10/07/X:**

+ Khách hàng trả gốc và lãi

- Nợ TK TM, TGTT (1011,4211..): 200 triệu

- Có TK 2111: 200 triệu

- Nợ TK TM, TGTT (1011,4211..): 2.4 triệu

Có 3941: 2.4 triệu

+ Xuất Tài sản

Có 994: 250 triệu

+ Hoàn dự phòng: Hạch toán ngược lại bút toán lập

**2:**

**1. Bảng cân đối đầu kỳ: Gồm 2 phần:**

+ TK phản ánh tài sản: (phản ánh hoạt động sử dụng vốn)

- Cho vay: 9800 tỷ

- Chứng khoán đầu tư: 420 tỷ

- TSCD, tài sản khác: 2100 tỷ

- Tiền mặt: 980 tỷ

- Tiền gửi tại các TCTD khác, và CKCP ngắn hạn: 700 tỷ

- **Tổng số tài sản sẽ là:  $9800 + 420 + 2100 + 980 + 700 = 14000$  tỷ**

- Tài khoản phản ánh nguồn vốn phản ánh nghiệp vụ nguồn vốn của NH

- Phát hành GTCG: 1400 tỷ

- TG của TCTD: 1120 tỷ

- TG khách hàng: 9520

- Vốn và quỹ: 1610

- Vốn tài trợ, uỷ thác cho vay: 350 tỷ

- **Tổng số =  $1400 + 1120 + 9520 + 1610 + 350 = 14000$  tỷ**

**Bảng cân đối kế toán cân**

**II- Nghiệp vụ**

1. Nợ TK TM (1011): 700

Nợ TG khách hàng (4211): 476

Có Tk thu lãi cho vay (702): 1176

2) Nợ TK TG (tại các TCTD khác): 42t

Có thu lãi đầu tư chứng khoán (TK 703): 42t

3) Nợ trả lãi tiền gửi (Tk 801): 666.4

Có TM (1011): 666.4

4)a) Nợ TM (1011): 21tỷ

Có thu nhập khác (79): 21tỷ

b) Nợ chi khác (89): 7tỷ

Có TM (1011): 7tỷ

5) Trả lương

a) Nợ TK lương và phụ cấp (851): 252

Có TK TG (nhân viên): 252

b) rút tiền lương

Nợ TK TG (nhân viên): 210

Có TK TM (1011):210

6) Nợ trả lãi phát hành GTCG (803): 105tỷ

Có TK TM, TG khách hàng...(1011,4211...): 105tỷ

**Bài (9)**

Một Công ty cho thuê tài chính của Ngân hàng (ALC) có 02 khoản vay tại 02 chi nhánh; chi nhánh A phân loại khoản nợ vào nhóm 2 và trích dự phòng rủi ro là 5%; chi nhánh B phân loại khoản nợ vào nhóm 4 và trích dự phòng là 50%. Theo Bạn việc phân loại và trích lập dự phòng rủi ro của 02 chi nhánh đó theo quy định hiện hành đúng hay sai? Tại sao?

**Hướng dẫn trả lời:**

**Bài (10)**

Công ty B có 03 khoản vay, khoản vay thứ nhất: 600 triệu được thế chấp bằng 01 ô tô tải trị giá 800 triệu; khoản vay thứ hai: 500 triệu được cầm cố bằng sổ chứng chỉ tiền gửi, trị giá 850 triệu; khoản vay thứ ba: 200 triệu được thế chấp bằng giá trị quyền sử dụng đất trị giá 400 triệu. Khi sổ chứng chỉ tiền gửi đến hạn, Công ty B rút tiền và dùng số tiền gốc, lãi được hưởng trả hết nợ khoản vay thứ hai và thứ ba (700 triệu) và cho khoản vay thứ nhất 250 triệu. Dự nợ còn lại là 350 triệu. Công ty B đề nghị NHNo giải chấp tài sản là ô tô tải để vận chuyển hàng hoá, số dư nợ còn lại được thế chấp bằng giá trị quyền sử dụng đất. Cán bộ NHNo đã đồng ý và thực hiện. Theo Bạn việc làm đó đúng hay sai? Tại sao?

**Hướng dẫn trả lời:**

**Bài (11)**

Công ty cổ phần A được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 12/9/2010, có 5 thành viên sáng lập nắm giữ 20.000 cổ phiếu phổ thông. Ngày 20/6/2011, Ông A là thành viên sáng lập cầm cố 4.000 cổ phiếu phổ thông để vay NHNo thời hạn 6 tháng. Do không trả nợ đúng hạn, NHNo phát mại và chuyển nhượng cổ phiếu đó cho một cổ đông phổ thông khác trong Công ty. Theo Bạn việc chuyển nhượng đó đúng hay sai? Tại sao?

**Hướng dẫn trả lời:**

**Bài (12)**

**Hướng dẫn trả lời:**

